VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2019/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2019*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hải Dương

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hải Dương.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2019.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH HẢI DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2019/TT-BTNMT ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hải Dương được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực tỉnh Hải Dương.

2. Danh mục địa danh tỉnh Hải Dương được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm các thành phố và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa. Tên gọi khác của địa danh hoặc ghi chú để phân biệt các địa danh cùng tên trong một đơn vị hành chính cấp xã được thể hiện trong ngoặc đơn.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: "DC" là nhóm địa danh dân cư; "SV" là nhóm địa danh sơn văn; "TV" là nhóm địa danh thủy văn; "KX" là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường"; TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố"; H. là chữ viết tắt của "huyện".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ

tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột "Địa danh".

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH HẢI DƯƠNG

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Hải Dương gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Hải Dương	
2	Thành phố Chí Linh	
3	Huyện Bình Giang	
4	Huyện Cẩm Giàng	
5	Huyện Gia Lộc	
6	Huyện Kim Thành	
7	Huyện Kinh Môn	
8	Huyện Nam Sách	
9	Huyện Ninh Giang	
10	Huyện Thanh Hà	
11	Huyện Thanh Miện	
12	Huyện Tứ Kỳ	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Đồng Pháp	DC	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 57' 40"	106° 23' 04"					F-48-81-B-b
khu Độc Lập	DC	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 58' 08"	106° 22' 21"					F-48-81-B-a
khu Ngọc Trì	DC	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 58' 58"	106° 22' 41"					F-48-81-B-b
khu Ninh Quan	DC	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 57' 58"	106° 23' 04"					F-48-81-B-b
khu Tiến Đạt	DC	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 58' 47"	106° 22' 37"					F-48-81-B-a
khu Tiền Hải	DC	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 57' 19"	106° 23' 08"					F-48-81-B-b
khu Tiền Trung	DC	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 58' 14"	106° 22' 37"					F-48-81-B-a F-48-81-B-b
khu Văn Xá	DC	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 57' 16"	106° 22' 40"					F-48-81-B-b
khu Vũ Thượng	DC	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 57' 32"	106° 22' 14"					F-48-81-B-a
khu Vũ Xá	DC	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 57' 16"	106° 22' 16"					F-48-81-B-a
cầu Hảo Thôn	KX	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 58' 27"	106° 22' 08"					F-48-81-B-a
cầu Lai Vu	KX	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 58' 31"	106° 23' 09"					F-48-81-B-b
chùa Hương Hải	KX	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 57' 07"	106° 23' 01"					F-48-81-B-b
chùa Văn Xá	KX	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 57' 16"	106° 22' 35"					F-48-81-B-b
chùa Vũ Thượng	KX	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 57' 32"	106° 22' 09"					F-48-81-B-a
chùa Vũ Xá	KX	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 57' 24"	106° 22' 15"					F-48-81-B-a
Công ty trách nhiệm hữu hạn Thực phẩm Nghĩa Mỹ	KX	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 57' 26"	106° 21' 57"					F-48-81-B-a
đình Văn Xá	KX	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 57' 15"	106° 22' 35"					F-48-81-B-b
đình Vũ Thượng	KX	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 57' 39"	106° 22' 09"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 390	KX	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 49' 57"	106° 29' 29"	F-48-81-B-a F-48-81-B-b
Đường tỉnh 390C	KX	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương			20° 58' 44"	106° 21' 37"	20° 54' 03"	106° 23' 32"	F-48-81-B-a F-48-81-B-b
ga Tiền Trung	KX	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 58' 07"	106° 22' 36"					F-48-81-B-b
Khu công nghiệp Nam Sách	KX	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương	20° 58' 15"	106° 22' 13"					F-48-81-B-a
Quốc lộ 5	KX	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-81-B-a F-48-81-B-b
Quốc lộ 37	KX	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-a F-48-81-B-b
Sông Hương	TV	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương			20° 58' 51"	106° 22' 13"	20° 52' 57"	106° 27' 49"	F-48-81-B-a F-48-81-B-b
Sông Rạng	TV	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương			20° 59' 50"	106° 24' 31"	20° 52' 25"	106° 28' 20"	F-48-81-B-a
Sông Sen	TV	P. Ái Quốc	TP. Hải Dương			20° 58' 51"	106° 22' 13"	20° 58' 08"	106° 22' 00"	F-48-81-B-a
Khu 1	DC	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 56' 37"	106° 19' 17"					F-48-81-B-a
Khu 2	DC	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 56' 40"	106° 19' 20"					F-48-81-B-a
Khu 3	DC	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 56' 49"	106° 19' 16"					F-48-81-B-a
Khu 4	DC	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 57' 00"	106° 19' 21"					F-48-81-B-a
Khu 5	DC	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 56' 56"	106° 19' 22"					F-48-81-B-a
Khu 6	DC	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 56' 55"	106° 19' 26"					F-48-81-B-a
Khu 7	DC	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 56' 52"	106° 19' 20"					F-48-81-B-a
Khu 8	DC	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 56' 52"	106° 19' 14"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu 9	DC	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 56' 50"	106° 19' 53"					F-48-81-B-a
Khu 10	DC	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 56' 56"	106° 19' 50"					F-48-81-B-a
Khu 11	DC	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 57' 11"	106° 19' 46"					F-48-81-B-a
Khu 12	DC	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 56' 31"	106° 19' 05"					F-48-81-B-a
Khu 13	DC	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 56' 58"	106° 19' 33"					F-48-81-B-a
Khu 14	DC	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 57' 02"	106° 19' 39"					F-48-81-B-a
Khu 15	DC	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 56' 24"	106° 18' 56"					F-48-81-B-a
Khu 16	DC	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 56' 38"	106° 19' 06"					F-48-81-B-a
Khu 17	DC	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 56' 38"	106° 19' 07"					F-48-81-B-a
Khu 18	DC	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 56' 35"	106° 19' 12"					F-48-81-B-a
Khu 19	DC	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 56' 43"	106° 19' 05"					F-48-81-B-a
Bến phà Hàn	KX	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 57' 36"	106° 19' 32"					F-48-81-B-a
Công ty cổ phần Bánh đậu xanh Quê Hương	KX	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 57' 13"	106° 19' 30"					F-48-81-B-a
Công ty cổ phần Đá mài Hải Dương	KX	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 56' 47"	106° 19' 12"					F-48-81-B-a
Công ty cổ phần Sứ Hải Dương	KX	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 56' 43"	106° 18' 46"					F-48-81-B-a
đường Điện Biên Phủ (Đường tỉnh 391)	KX	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 56' 23"	106° 19' 08"	F-48-81-B-a
Đường tỉnh 391	KX	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-B-a
ga Hải Dương	KX	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương	20° 56' 55"	106° 19' 41"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 5	KX	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-81-B-a
sông Thái Bình	TV	P. Bình Hàn	TP. Hải Dương			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-a
Khu 1	DC	P. Cẩm Thượng	TP. Hải Dương	20° 57' 00"	106° 19' 12"					F-48-81-B-a
Khu 2	DC	P. Cẩm Thượng	TP. Hải Dương	20° 57' 05"	106° 19' 13"					F-48-81-B-a
Khu 3	DC	P. Cẩm Thượng	TP. Hải Dương	20° 56' 56"	106° 19' 03"					F-48-81-B-a
Khu 4	DC	P. Cẩm Thượng	TP. Hải Dương	20° 57' 02"	106° 18' 56"					F-48-81-B-a
Khu 5	DC	P. Cẩm Thượng	TP. Hải Dương	20° 57' 07"	106° 18' 49"					F-48-81-B-a
Khu 6	DC	P. Cẩm Thượng	TP. Hải Dương	20° 57' 10"	106° 18' 39"					F-48-81-B-a
đình Phương Độ	KX	P. Cẩm Thượng	TP. Hải Dương	20° 57' 16"	106° 18' 44"					F-48-81-B-a
đình Tự Đông	KX	P. Cẩm Thượng	TP. Hải Dương	20° 56' 59"	106° 18' 55"					F-48-81-B-a
đường Điện Biên Phủ (Đường tỉnh 391)	KX	P. Cẩm Thượng	TP. Hải Dương			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 56' 23"	106° 19' 08"	F-48-81-B-a
Đường tỉnh 391	KX	P. Cẩm Thượng	TP. Hải Dương			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-B-a
Quốc lộ 5	KX	P. Cẩm Thượng	TP. Hải Dương			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-81-B-a
Quốc lộ 37	KX	P. Cẩm Thượng	TP. Hải Dương			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-a; F-48-81-B-b
sông Thái Bình	TV	P. Cẩm Thượng	TP. Hải Dương			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-a
Khu 1	DC	P. Hải Tân	TP. Hải Dương	20° 55' 28"	106° 19' 53"					F-48-81-B-a
Khu 2	DC	P. Hải Tân	TP. Hải Dương	20° 55' 25"	106° 19' 52"					F-48-81-B-a
Khu 3	DC	P. Hải Tân	TP. Hải Dương	20° 55' 20"	106° 19' 53"					F-48-81-B-a
Khu 4	DC	P. Hải Tân	TP. Hải Dương	20° 55' 07"	106° 20' 04"					F-48-81-B-a
Khu 5	DC	P. Hải Tân	TP. Hải Dương	20° 55' 11"	106° 19' 36"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu 6	DC	P. Hải Tân	TP. Hải Dương	20° 54' 57"	106° 20' 02"					F-48-81-B-a
Khu 7	DC	P. Hải Tân	TP. Hải Dương	20° 55' 20"	106° 19' 41"					F-48-81-B-a
Khu 8	DC	P. Hải Tân	TP. Hải Dương	20° 55' 23"	106° 19' 12"					F-48-81-B-a
Khu 9	DC	P. Hải Tân	TP. Hải Dương	20° 55' 17"	106° 19' 15"					F-48-81-B-a
Khu 10	DC	P. Hải Tân	TP. Hải Dương	20° 55' 40"	106° 19' 53"					F-48-81-B-a
Khu 11	DC	P. Hải Tân	TP. Hải Dương	20° 56' 03"	106° 20' 10"					F-48-81-B-a
Khu 12	DC	P. Hải Tân	TP. Hải Dương	20° 55' 55"	106° 20' 15"					F-48-81-B-a
Khu 13	DC	P. Hải Tân	TP. Hải Dương	20° 54' 31"	106° 20' 23"					F-48-81-B-a
Khu 14	DC	P. Hải Tân	TP. Hải Dương	20° 55' 37"	106° 19' 59"					F-48-81-B-a
cảng Cống Câu	KX	P. Hải Tân	TP. Hải Dương	20° 54' 50"	106° 20' 28"					F-48-81-B-a
cầu Cống Câu	KX	P. Hải Tân	TP. Hải Dương	20° 54' 53"	106° 20' 13"					F-48-81-B-a
cầu Hải Tân	KX	P. Hải Tân	TP. Hải Dương	20° 55' 45"	106° 19' 59"					F-48-81-B-a
Cầu Đọ	KX	P. Hải Tân	TP. Hải Dương	20° 55' 20"	106° 19' 33"					F-48-81-B-a
đường Lê Thanh Nghị (Đường tỉnh 391)	KX	P. Hải Tân	TP. Hải Dương			20° 56' 23"	106° 19' 08"	20° 55' 07"	106° 19' 02"	F-48-81-B-a
đường Yết Kiêu (Đường tỉnh 391)	KX	P. Hải Tân	TP. Hải Dương			20° 55' 24"	106° 19' 40"	20° 54' 59"	106° 20' 02"	F-48-81-B-a
Đường tỉnh 391	KX	P. Hải Tân	TP. Hải Dương			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-B-a
Quốc lộ 37	KX	P. Hải Tân	TP. Hải Dương			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-a; F-48-81-B-b
sông Cầu Binh	TV	P. Hải Tân	TP. Hải Dương			20° 55' 26"	106° 19' 33"	20° 49' 24"	106° 22' 01"	F-48-81-B-a
sông Kẻ Sặt	TV	P. Hải Tân	TP. Hải Dương			20° 53' 42"	106° 08' 13"	20° 55' 33"	106° 20' 42"	F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Thái Bình	TV	P. Hải Tân	TP. Hải Dương			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-a
Khu 1	DC	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương	20° 55' 31"	106° 19' 36"					F-48-81-B-a
Khu 2	DC	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương	20° 55' 39"	106° 19' 29"					F-48-81-B-a
Khu 3	DC	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương	20° 55' 41"	106° 19' 26"					F-48-81-B-a
Khu 4	DC	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương	20° 55' 53"	106° 19' 14"					F-48-81-B-a
Khu 5	DC	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương	20° 55' 53"	106° 19' 19"					F-48-81-B-a
Khu 6	DC	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương	20° 55' 59"	106° 19' 22"					F-48-81-B-a
Khu 7	DC	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương	20° 55' 57"	106° 19' 27"					F-48-81-B-a
Khu 8	DC	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương	20° 55' 57"	106° 19' 36"					F-48-81-B-a
Khu 9	DC	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương	20° 55' 53"	106° 19' 41"					F-48-81-B-a
Khu 10	DC	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương	20° 55' 59"	106° 19' 43"					F-48-81-B-a
Khu 11	DC	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương	20° 55' 56"	106° 19' 42"					F-48-81-B-a
Khu 12	DC	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương	20° 55' 53"	106° 19' 45"					F-48-81-B-a
Khu 13	DC	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương	20° 55' 47"	106° 19' 39"					F-48-81-B-a
Khu 14	DC	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương	20° 55' 46"	106° 19' 25"					F-48-81-B-a
Khu 15	DC	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương	20° 55' 48"	106° 19' 28"					F-48-81-B-a
Khu 16	DC	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương	20° 55' 49"	106° 19' 36"					F-48-81-B-a
Khu 17	DC	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương	20° 55' 35"	106° 19' 20"					F-48-81-B-a
Cầu Cất	KX	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương	20° 55' 48"	106° 19' 18"					F-48-81-B-a
đường Lê Thanh Nghị (Đường tỉnh 391)	KX	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương			20° 56' 23"	106° 19' 08"	20° 55' 07"	106° 19' 02"	F-48-81-B-a
Đường tỉnh 391	KX	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà thi đấu Hải Dương	KX	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương	20° 56' 01"	106° 19' 40"					F-48-81-B-a
sông Kẻ Sặt	TV	P. Lê Thanh Nghị	TP. Hải Dương			20° 53' 42"	106° 08' 13"	20° 55' 33"	106° 20' 42"	F-48-81-B-a
Khu 5	DC	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 36"	106° 20' 41"					F-48-81-B-a
Khu 6	DC	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 21"	106° 20' 22"					F-48-81-B-a
Khu 7	DC	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 27"	106° 20' 34"					F-48-81-B-a
Khu 8	DC	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 34"	106° 20' 50"					F-48-81-B-a
Khu 9	DC	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 31"	106° 20' 56"					F-48-81-B-a
Khu 10	DC	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 26"	106° 20' 46"					F-48-81-B-a
Khu 11	DC	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 14"	106° 20' 48"					F-48-81-B-a
Khu 12	DC	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 15"	106° 20' 40"					F-48-81-B-a
Khu 13	DC	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 09"	106° 20' 42"					F-48-81-B-a
Khu 14	DC	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 05"	106° 20' 41"					F-48-81-B-a
Khu 15	DC	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương	20° 55' 59"	106° 20' 45"					F-48-81-B-a
Khu 16	DC	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương	20° 55' 53"	106° 20' 36"					F-48-81-B-a
Khu 17	DC	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 35"	106° 20' 45"					F-48-81-B-a
Khu 18	DC	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 34"	106° 20' 43"					F-48-81-B-a
Khu 19	DC	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 38"	106° 20' 51"					F-48-81-B-a
Khu 20	DC	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 37"	106° 20' 57"					F-48-81-B-a
cầu Phú Lương (cũ)	KX	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 41"	106° 21' 10"					F-48-81-B-a
đình Ngọc Uyên	KX	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 13"	106° 20' 35"					F-48-81-B-a
Đền Thượng	KX	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 22"	106° 20' 23"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đền Trung	KX	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương	20° 55' 57"	106° 20' 45"					F-48-81-B-a
sông Kẻ Sặt	TV	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương			20° 53' 42"	106° 08' 13"	20° 55' 33"	106° 20' 42"	F-48-81-B-a
sông Thái Bình	TV	P. Ngọc Châu	TP. Hải Dương			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-a
Khu 1	DC	P. Nguyễn Trãi	TP. Hải Dương	20° 56' 18"	106° 19' 29"					F-48-81-B-a
Khu 2	DC	P. Nguyễn Trãi	TP. Hải Dương	20° 56' 22"	106° 19' 25"					F-48-81-B-a
Khu 3	DC	P. Nguyễn Trãi	TP. Hải Dương	20° 56' 28"	106° 19' 31"					F-48-81-B-a
Khu 4	DC	P. Nguyễn Trãi	TP. Hải Dương	20° 56' 27"	106° 19' 28"					F-48-81-B-a
Khu 5	DC	P. Nguyễn Trãi	TP. Hải Dương	20° 56' 31"	106° 19' 30"					F-48-81-B-a
Khu 6	DC	P. Nguyễn Trãi	TP. Hải Dương	20° 56' 29"	106° 19' 25"					F-48-81-B-a
Khu 7	DC	P. Nguyễn Trãi	TP. Hải Dương	20° 56' 34"	106° 19' 33"					F-48-81-B-a
Khu 8	DC	P. Nguyễn Trãi	TP. Hải Dương	20° 56' 30"	106° 19' 22"					F-48-81-B-a
Khu 9	DC	P. Nguyễn Trãi	TP. Hải Dương	20° 56' 38"	106° 19' 35"					F-48-81-B-a
Khu 10	DC	P. Nguyễn Trãi	TP. Hải Dương	20° 56' 38"	106° 19' 31"					F-48-81-B-a
Khu 11	DC	P. Nguyễn Trãi	TP. Hải Dương	20° 56' 46"	106° 19' 29"					F-48-81-B-a
Khu 12	DC	P. Nguyễn Trãi	TP. Hải Dương	20° 56' 41"	106° 19' 26"					F-48-81-B-a
Khu 13	DC	P. Nguyễn Trãi	TP. Hải Dương	20° 56' 44"	106° 19' 36"					F-48-81-B-a
Khu 14	DC	P. Nguyễn Trãi	TP. Hải Dương	20° 56' 47"	106° 19' 38"					F-48-81-B-a
Khu 15	DC	P. Nguyễn Trãi	TP. Hải Dương	20° 56' 51"	106° 19' 32"					F-48-81-B-a
Khu 1	DC	P. Nhị Châu	TP. Hải Dương	20° 57' 08"	106° 20' 11"					F-48-81-B-a
Khu 2	DC	P. Nhị Châu	TP. Hải Dương	20° 57' 12"	106° 20' 23"					F-48-81-B-a
Khu 3	DC	P. Nhị Châu	TP. Hải Dương	20° 57' 08"	106° 20' 39"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu 4	DC	P. Nhị Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 35"	106° 20' 29"					F-48-81-B-a
Khu 5	DC	P. Nhị Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 41"	106° 20' 44"					F-48-81-B-a
Khu 21	DC	P. Nhị Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 50"	106° 20' 31"					F-48-81-B-a
cầu Phú Lương	KX	P. Nhị Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 50"	106° 21' 10"					F-48-81-B-a
cầu Phú Lương (cũ)	KX	P. Nhị Châu	TP. Hải Dương	20° 56' 41"	106° 21' 10"					F-48-81-B-a
Quốc lộ 5	KX	P. Nhị Châu	TP. Hải Dương			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-81-B-a
sông Thái Bình	TV	P. Nhị Châu	TP. Hải Dương			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-a
Khu 1	DC	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương	20° 55' 59"	106° 19' 11"					F-48-81-B-a
Khu 2	DC	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương	20° 56' 17"	106° 19' 15"					F-48-81-B-a
Khu 3	DC	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương	20° 56' 24"	106° 19' 21"					F-48-81-B-a
Khu 4	DC	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương	20° 56' 21"	106° 19' 21"					F-48-81-B-a
Khu 5	DC	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương	20° 56' 14"	106° 19' 28"					F-48-81-B-a
Khu 6	DC	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương	20° 56' 15"	106° 19' 23"					F-48-81-B-a
Khu 7	DC	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương	20° 56' 05"	106° 19' 19"					F-48-81-B-a
Khu 8	DC	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương	20° 56' 02"	106° 19' 18"					F-48-81-B-a
Khu 9	DC	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương	20° 56' 01"	106° 19' 15"					F-48-81-B-a
Khu 10	DC	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương	20° 56' 29"	106° 19' 09"					F-48-81-B-a
Khu 11	DC	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương	20° 56' 07"	106° 19' 14"					F-48-81-B-a
Khu 12	DC	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương	20° 56' 11"	106° 19' 15"					F-48-81-B-a
Khu 13	DC	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương	20° 56' 12"	106° 19' 09"					F-48-81-B-a
Khu 14	DC	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương	20° 56' 05"	106° 19' 10"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu 15	DC	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương	20° 56' 13"	106° 19' 03"					F-48-81-B-a
Khu 16	DC	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương	20° 56' 17"	106° 18' 48"					F-48-81-B-a
chùa Bảo Sài	KX	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương	20° 56' 05"	106° 19' 14"					F-48-81-B-a
đền Bảo Sài	KX	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương	20° 56' 05"	106° 19' 15"					F-48-81-B-a
đình Bảo Sài	KX	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương	20° 56' 06"	106° 19' 22"					F-48-81-B-a
đường Điện Biên Phủ (Đường tỉnh 391)	KX	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 56' 23"	106° 19' 08"	F-48-81-B-a
đường Lê Thanh Nghị (Đường tỉnh 391)	KX	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương			20° 56' 23"	106° 19' 08"	20° 55' 07"	106° 19' 02"	F-48-81-B-a
Đường tỉnh 391	KX	P. Phạm Ngũ Lão	TP. Hải Dương			20° 57' 11"	106° 19' 23"	20° 43' 55"	106° 24' 08"	F-48-81-B-a
Khu 1	DC	P. Quang Trung	TP. Hải Dương	20° 56' 25"	106° 19' 58"					F-48-81-B-a
Khu 2	DC	P. Quang Trung	TP. Hải Dương	20° 56' 29"	106° 20' 03"					F-48-81-B-a
Khu 3	DC	P. Quang Trung	TP. Hải Dương	20° 56' 26"	106° 20' 02"					F-48-81-B-a
Khu 4	DC	P. Quang Trung	TP. Hải Dương	20° 56' 28"	106° 19' 50"					F-48-81-B-a
Khu 5	DC	P. Quang Trung	TP. Hải Dương	20° 56' 36"	106° 19' 49"					F-48-81-B-a
Khu 6	DC	P. Quang Trung	TP. Hải Dương	20° 56' 39"	106° 19' 53"					F-48-81-B-a
Khu 7	DC	P. Quang Trung	TP. Hải Dương	20° 56' 31"	106° 19' 57"					F-48-81-B-a
Khu 8	DC	P. Quang Trung	TP. Hải Dương	20° 56' 38"	106° 20' 01"					F-48-81-B-a
Khu 9	DC	P. Quang Trung	TP. Hải Dương	20° 56' 49"	106° 20' 03"					F-48-81-B-a
Khu 10	DC	P. Quang Trung	TP. Hải Dương	20° 56' 45"	106° 19' 45"					F-48-81-B-a
Khu 11	DC	P. Quang Trung	TP. Hải Dương	20° 56' 42"	106° 19' 51"					F-48-81-B-a
Khu 12	DC	P. Quang Trung	TP. Hải Dương	20° 56' 52"	106° 19' 46"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu 13	DC	P. Quang Trung	TP. Hải Dương	20° 56' 43"	106° 19' 59"					F-48-81-B-a
Khu 14	DC	P. Quang Trung	TP. Hải Dương	20° 56' 51"	106° 20' 08"					F-48-81-B-a
Khu 15	DC	P. Quang Trung	TP. Hải Dương	20° 56' 59"	106° 19' 54"					F-48-81-B-a
Khu 16	DC	P. Quang Trung	TP. Hải Dương	20° 56' 40"	106° 20' 17"					F-48-81-B-a
Khu 17	DC	P. Quang Trung	TP. Hải Dương	20° 56' 40"	106° 20' 03"					F-48-81-B-a
ga Hải Dương	KX	P. Quang Trung	TP. Hải Dương	20° 56' 55"	106° 19' 41"					F-48-81-B-a
Khu di tích Đinh Văn Tả	KX	P. Quang Trung	TP. Hải Dương	20° 56' 47"	106° 19' 45"					F-48-81-B-a
Khu 1	DC	P. Tân Bình	TP. Hải Dương	20° 56' 09"	106° 18' 47"					F-48-81-B-a
Khu 2	DC	P. Tân Bình	TP. Hải Dương	20° 56' 04"	106° 19' 05"					F-48-81-B-a
Khu 3	DC	P. Tân Bình	TP. Hải Dương	20° 55' 55"	106° 19' 03"					F-48-81-B-a
Khu 4	DC	P. Tân Bình	TP. Hải Dương	20° 55' 58"	106° 18' 50"					F-48-81-B-a
Khu 5	DC	P. Tân Bình	TP. Hải Dương	20° 55' 39"	106° 19' 00"					F-48-81-B-a
Khu 6	DC	P. Tân Bình	TP. Hải Dương	20° 55' 36"	106° 18' 30"					F-48-81-B-a
Khu 7	DC	P. Tân Bình	TP. Hải Dương	20° 55' 30"	106° 18' 34"					F-48-81-B-a
Khu 8	DC	P. Tân Bình	TP. Hải Dương	20° 55' 34"	106° 18' 41"					F-48-81-B-a
Khu 9	DC	P. Tân Bình	TP. Hải Dương	20° 55' 13"	106° 18' 22"					F-48-81-B-a
Khu 10	DC	P. Tân Bình	TP. Hải Dương	20° 55' 32"	106° 18' 54"					F-48-81-B-a
Khu 11	DC	P. Tân Bình	TP. Hải Dương	20° 55' 27"	106° 19' 02"					F-48-81-B-a
Khu 12	DC	P. Tân Bình	TP. Hải Dương	20° 55' 49"	106° 19' 10"					F-48-81-B-a
cầu Phú Tảo	KX	P. Tân Bình	TP. Hải Dương	20° 55' 10"	106° 18' 59"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 37	KX	P. Tân Bình	TP. Hải Dương			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-a; F-48-81-B-b
sông Kẻ Sặt	TV	P. Tân Bình	TP. Hải Dương			20° 53' 42"	106° 08' 13"	20° 55' 33"	106° 20' 42"	F-48-81-B-a
khu Lễ Quán	DC	P. Thạch Khôi	TP. Hải Dương	20° 54' 38"	106° 17' 56"					F-48-81-B-a
khu Nguyễn Xá	DC	P. Thạch Khôi	TP. Hải Dương	20° 54' 19"	106° 17' 53"					F-48-81-B-a
khu Phú Tảo	DC	P. Thạch Khôi	TP. Hải Dương	20° 54' 49"	106° 18' 45"					F-48-81-B-a
khu Phú Thọ	DC	P. Thạch Khôi	TP. Hải Dương	20° 54' 55"	106° 18' 22"					F-48-81-B-a
khu Thái Bình	DC	P. Thạch Khôi	TP. Hải Dương	20° 54' 13"	106° 18' 05"					F-48-81-B-a
khu Trại Thọ	DC	P. Thạch Khôi	TP. Hải Dương	20° 54' 48"	106° 18' 09"					F-48-81-B-a
khu Trần Nội	DC	P. Thạch Khôi	TP. Hải Dương	20° 54' 27"	106° 18' 04"					F-48-81-B-a
Khu I	DC	P. Thạch Khôi	TP. Hải Dương	20° 55' 03"	106° 18' 57"					F-48-81-B-a
Khu II	DC	P. Thạch Khôi	TP. Hải Dương	20° 54' 25"	106° 18' 33"					F-48-81-B-a
Khu III	DC	P. Thạch Khôi	TP. Hải Dương	20° 54' 08"	106° 18' 14"					F-48-81-B-a
cầu Phú Tảo	KX	P. Thạch Khôi	TP. Hải Dương	20° 55' 10"	106° 18' 59"					F-48-81-B-a
đường Lê Thanh Nghị (Đường tỉnh 391)	KX	P. Thạch Khôi	TP. Hải Dương			20° 56' 23"	106° 19' 08"	20° 55' 07"	106° 19' 02"	F-48-81-B-a
Quốc lộ 37	KX	P. Thạch Khôi	TP. Hải Dương			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-a; F-48-81-B-b
sông Kẻ Sặt	TV	P. Thạch Khôi	TP. Hải Dương			20° 53' 42"	106° 08' 13"	20° 55' 33"	106° 20' 42"	F-48-81-B-a
Khu 1	DC	P. Thanh Bình	TP. Hải Dương	20° 56' 03"	106° 17' 50"					F-48-81-B-a
Khu 2	DC	P. Thanh Bình	TP. Hải Dương	20° 56' 01"	106° 18' 07"					F-48-81-B-a
Khu 3	DC	P. Thanh Bình	TP. Hải Dương	20° 55' 52"	106° 18' 18"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu 4	DC	P. Thanh Bình	TP. Hải Dương	20° 55' 48"	106° 18' 09"					F-48-81-B-a
Khu 5	DC	P. Thanh Bình	TP. Hải Dương	20° 55' 48"	106° 18' 34"					F-48-81-B-a
Khu 6	DC	P. Thanh Bình	TP. Hải Dương	20° 55' 59"	106° 18' 29"					F-48-81-B-a
Khu 7	DC	P. Thanh Bình	TP. Hải Dương	20° 56' 15"	106° 18' 35"					F-48-81-B-a
Khu 8	DC	P. Thanh Bình	TP. Hải Dương	20° 56' 20"	106° 18' 27"					F-48-81-B-a
Khu 9	DC	P. Thanh Bình	TP. Hải Dương	20° 56' 22"	106° 18' 42"					F-48-81-B-a
Khu 10	DC	P. Thanh Bình	TP. Hải Dương	20° 56' 09"	106° 18' 07"					F-48-81-B-a
Khu 11	DC	P. Thanh Bình	TP. Hải Dương	20° 56' 08"	106° 17' 36"					F-48-81-B-a
Khu 12	DC	P. Thanh Bình	TP. Hải Dương	20° 56' 50"	106° 17' 53"					F-48-81-B-a
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương	KX	P. Thanh Bình	TP. Hải Dương	20° 56' 14"	106° 18' 21"					F-48-81-B-a
Đền Sượt	KX	P. Thanh Bình	TP. Hải Dương	20° 56' 04"	106° 18' 16"					F-48-81-B-a
Đình Sượt	KX	P. Thanh Bình	TP. Hải Dương	20° 56' 05"	106° 18' 15"					F-48-81-B-a
Quốc lộ 37	KX	P. Thanh Bình	TP. Hải Dương			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-a; F-48-81-B-b
Trại giam Kim Chi	KX	P. Thanh Bình	TP. Hải Dương	20° 55' 54"	106° 17' 36"					F-48-81-B-a
Trường Cao đẳng Dược Hải Dương	KX	P. Thanh Bình	TP. Hải Dương	20° 56' 19"	106° 18' 24"					F-48-81-B-a
Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh Hải Dương	KX	P. Thanh Bình	TP. Hải Dương	20° 56' 24"	106° 18' 38"					F-48-81-B-a
Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	KX	P. Thanh Bình	TP. Hải Dương	20° 56' 13"	106° 18' 11"					F-48-81-B-a
Khu 5	DC	P. Trần Hưng Đạo	TP. Hải Dương	20° 56' 11"	106° 20' 25"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu 6	DC	P. Trần Hưng Đạo	TP. Hải Dương	20° 56' 16"	106° 20' 20"					F-48-81-B-a
Khu 7	DC	P. Trần Hưng Đạo	TP. Hải Dương	20° 56' 16"	106° 20' 16"					F-48-81-B-a
Khu 8	DC	P. Trần Hưng Đạo	TP. Hải Dương	20° 56' 18"	106° 20' 09"					F-48-81-B-a
Khu 9	DC	P. Trần Hưng Đạo	TP. Hải Dương	20° 56' 21"	106° 19' 54"					F-48-81-B-a
Khu 10	DC	P. Trần Hưng Đạo	TP. Hải Dương	20° 56' 18"	106° 19' 53"					F-48-81-B-a
Khu 11	DC	P. Trần Hưng Đạo	TP. Hải Dương	20° 56' 20"	106° 19' 51"					F-48-81-B-a
Khu 12	DC	P. Trần Hưng Đạo	TP. Hải Dương	20° 56' 18"	106° 19' 50"					F-48-81-B-a
Khu 13	DC	P. Trần Hưng Đạo	TP. Hải Dương	20° 56' 23"	106° 19' 45"					F-48-81-B-a
Khu 1	DC	P. Trần Phú	TP. Hải Dương	20° 56' 06"	106° 19' 35"					F-48-81-B-a
Khu 2	DC	P. Trần Phú	TP. Hải Dương	20° 56' 09"	106° 19' 35"					F-48-81-B-a
Khu 3	DC	P. Trần Phú	TP. Hải Dương	20° 56' 10"	106° 19' 30"					F-48-81-B-a
Khu 4	DC	P. Trần Phú	TP. Hải Dương	20° 56' 13"	106° 19' 31"					F-48-81-B-a
Khu 5	DC	P. Trần Phú	TP. Hải Dương	20° 56' 15"	106° 19' 37"					F-48-81-B-a
Khu 6	DC	P. Trần Phú	TP. Hải Dương	20° 56' 15"	106° 19' 42"					F-48-81-B-a
Khu 7	DC	P. Trần Phú	TP. Hải Dương	20° 56' 21"	106° 19' 42"					F-48-81-B-a
Khu 8	DC	P. Trần Phú	TP. Hải Dương	20° 56' 18"	106° 19' 46"					F-48-81-B-a
Khu 9	DC	P. Trần Phú	TP. Hải Dương	20° 56' 13"	106° 19' 57"					F-48-81-B-a
Khu 10	DC	P. Trần Phú	TP. Hải Dương	20° 56' 13"	106° 20' 09"					F-48-81-B-a
Khu 11	DC	P. Trần Phú	TP. Hải Dương	20° 56' 02"	106° 20' 24"					F-48-81-B-a
sân vận động thành phố Hải Dương	KX	P. Trần Phú	TP. Hải Dương	20° 56' 19"	106° 19' 37"					F-48-81-B-a
khu Cẩm Khê A	DC	P. Tứ Minh	TP. Hải Dương	20° 55' 45"	106° 16' 44"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Cẩm Khê B	DC	P. Tứ Minh	TP. Hải Dương	20° 55' 59"	106° 16' 46"					F-48-81-B-a
khu Đồng Tranh	DC	P. Tứ Minh	TP. Hải Dương	20° 55' 19"	106° 17' 34"					F-48-81-B-a
khu Đỗ Xá	DC	P. Tứ Minh	TP. Hải Dương	20° 55' 45"	106° 17' 38"					F-48-81-B-a
khu Lộ Cương A	DC	P. Tứ Minh	TP. Hải Dương	20° 55' 25"	106° 17' 18"					F-48-81-B-a
khu Lộ Cương B	DC	P. Tứ Minh	TP. Hải Dương	20° 55' 27"	106° 17' 09"					F-48-81-B-a
khu Nhật Tân	DC	P. Tứ Minh	TP. Hải Dương	20° 55' 55"	106° 15' 46"					F-48-81-B-a
khu Tân Minh	DC	P. Tứ Minh	TP. Hải Dương	20° 56' 10"	106° 17' 07"					F-48-81-B-a
khu Thượng Đạt	DC	P. Tứ Minh	TP. Hải Dương	20° 55' 32"	106° 16' 35"					F-48-81-B-a
khu Tứ Thông	DC	P. Tứ Minh	TP. Hải Dương	20° 55' 26"	106° 15' 56"					F-48-81-B-a
khu Xuân Dương	DC	P. Tứ Minh	TP. Hải Dương	20° 55' 18"	106° 16' 29"					F-48-81-B-a
Khu công nghiệp Đại An	KX	P. Tứ Minh	TP. Hải Dương	20° 55' 59"	106° 16' 04"					F-48-81-B-a
Khu công nghiệp Ken Mark	KX	P. Tứ Minh	TP. Hải Dương	20° 56' 21"	106° 17' 12"					F-48-81-B-a
Quốc lộ 5	KX	P. Tứ Minh	TP. Hải Dương			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-81-B-a
sông Kẻ Sặt	TV	P. Tứ Minh	TP. Hải Dương			20° 53' 42"	106° 08' 13"	20° 55' 33"	106° 20' 42"	F-48-81-B-a
Khu 1	DC	P. Việt Hòa	TP. Hải Dương	20° 57' 17"	106° 16' 58"					F-48-81-B-a
Khu 2	DC	P. Việt Hòa	TP. Hải Dương	20° 57' 11"	106° 16' 56"					F-48-81-B-a
Khu 3	DC	P. Việt Hòa	TP. Hải Dương	20° 57' 07"	106° 17' 09"					F-48-81-B-a
Khu 4	DC	P. Việt Hòa	TP. Hải Dương	20° 57' 02"	106° 17' 41"					F-48-81-B-a
Khu 5	DC	P. Việt Hòa	TP. Hải Dương	20° 56' 50"	106° 18' 00"					F-48-81-B-a
Khu 6	DC	P. Việt Hòa	TP. Hải Dương	20° 56' 55"	106° 18' 05"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu 7	DC	P. Việt Hòa	TP. Hải Dương	20° 56' 57"	106° 17' 57"					F-48-81-B-a
Khu 8	DC	P. Việt Hòa	TP. Hải Dương	20° 56' 14"	106° 17' 20"					F-48-81-B-a
cầu Đồng Niên	KX	P. Việt Hòa	TP. Hải Dương	20° 56' 37"	106° 18' 03"					F-48-81-B-a
Khu công nghiệp Ken Mark	KX	P. Việt Hòa	TP. Hải Dương	20° 56' 21"	106° 17' 12"					F-48-81-B-a
Quốc lộ 5	KX	P. Việt Hòa	TP. Hải Dương			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-81-B-a
sông Thái Bình	TV	P. Việt Hòa	TP. Hải Dương			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-a
thôn Chùa Thượng	DC	xã An Châu	TP. Hải Dương	20° 58' 48"	106° 19' 54"					F-48-81-B-a
thôn Trác Trâu	DC	xã An Châu	TP. Hải Dương	20° 57' 49"	106° 20' 05"					F-48-81-B-a
Thôn Đồng	DC	xã An Châu	TP. Hải Dương	20° 58' 39"	106° 19' 32"					F-48-81-B-a
Thôn Tiền	DC	xã An Châu	TP. Hải Dương	20° 58' 27"	106° 19' 45"					F-48-81-B-a
đền thờ Tiến sĩ Trần Xuân Yến	KX	xã An Châu	TP. Hải Dương	20° 58' 24"	106° 19' 51"					F-48-81-B-a
Đường tỉnh 390	KX	xã An Châu	TP. Hải Dương			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 49' 57"	106° 29' 29"	F-48-81-B-a
Đường tỉnh 390C	KX	xã An Châu	TP. Hải Dương			20° 58' 44"	106° 21' 37"	20° 54' 03"	106° 23' 32"	F-48-81-B-a
lăng mộ Tiến sĩ Trần Xuân Yến	KX	xã An Châu	TP. Hải Dương	20° 58' 23"	106° 19' 50"					F-48-81-B-a
sông Thái Bình	TV	xã An Châu	TP. Hải Dương			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-a
sông Thượng Đạt	TV	xã An Châu	TP. Hải Dương			21° 00' 07"	106° 19' 28"	20° 57' 38"	106° 18' 59"	F-48-81-B-a
khu dân cư Tân Lập	DC	xã Nam Đồng	TP. Hải Dương	20° 56' 30"	106° 21' 21"					F-48-81-B-a
thôn Đồng Ngọ	DC	xã Nam Đồng	TP. Hải Dương	20° 57' 54"	106° 21' 05"					F-48-81-B-a
thôn Khánh Hội	DC	xã Nam Đồng	TP. Hải Dương	20° 56' 19"	106° 21' 53"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nhân Nghĩa	DC	xã Nam Đồng	TP. Hải Dương	20° 56' 28"	106° 21' 40"					F-48-81-B-a
thôn Phú Lương	DC	xã Nam Đồng	TP. Hải Dương	20° 56' 52"	106° 21' 55"					F-48-81-B-a
thôn Vũ La	DC	xã Nam Đồng	TP. Hải Dương	20° 57' 49"	106° 21' 42"					F-48-81-B-a
cầu Phú Lương	KX	xã Nam Đồng	TP. Hải Dương	20° 56' 50"	106° 21' 10"					F-48-81-B-a
cầu Phú Lương (cũ)	KX	xã Nam Đồng	TP. Hải Dương	20° 56' 41"	106° 21' 10"					F-48-81-B-a
chùa Thiên Bồng	KX	xã Nam Đồng	TP. Hải Dương	20° 55' 26"	106° 21' 01"					F-48-81-B-a
chùa Vũ La	KX	xã Nam Đồng	TP. Hải Dương	20° 57' 48"	106° 21' 47"					F-48-81-B-a
đình Khánh Hội	KX	xã Nam Đồng	TP. Hải Dương	20° 56' 10"	106° 21' 51"					F-48-81-B-a
đình Vũ La	KX	xã Nam Đồng	TP. Hải Dương	20° 57' 57"	106° 21' 45"					F-48-81-B-a
Đường tỉnh 390	KX	xã Nam Đồng	TP. Hải Dương			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 49' 57"	106° 29' 29"	F-48-81-B-a
Quốc lộ 5	KX	xã Nam Đồng	TP. Hải Dương			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-81-B-a
Trường cao đẳng Giao thông vận tải đường thủy I	KX	xã Nam Đồng	TP. Hải Dương	20° 56' 22"	106° 21' 19"					F-48-81-B-a
Sông Hương	TV	xã Nam Đồng	TP. Hải Dương			20° 58' 51"	106° 22' 13"	20° 52' 57"	106° 27' 49"	F-48-81-B-a
sông Thái Bình	TV	xã Nam Đồng	TP. Hải Dương			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-a
thôn Bảo Thái	DC	xã Tân Hưng	TP. Hải Dương	20° 54' 08"	106° 20' 00"					F-48-81-B-a
thôn Cương Xá	DC	xã Tân Hưng	TP. Hải Dương	20° 54' 21"	106° 19' 42"					F-48-81-B-a
thôn Đông Quan	DC	xã Tân Hưng	TP. Hải Dương	20° 53' 60"	106° 19' 47"					F-48-81-B-a
thôn Khuê Chiền	DC	xã Tân Hưng	TP. Hải Dương	20° 54' 45"	106° 19' 26"					F-48-81-B-a
thôn Khuê Liễu	DC	xã Tân Hưng	TP. Hải Dương	20° 54' 50"	106° 19' 33"					F-48-81-B-a
thôn Liễu Tràng	DC	xã Tân Hưng	TP. Hải Dương	20° 54' 19"	106° 19' 04"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thanh Liễu	DC	xã Tân Hưng	TP. Hải Dương	20° 54' 11"	106° 19' 15"					F-48-81-B-a
đình Liễu Tràng	KX	xã Tân Hưng	TP. Hải Dương	20° 54' 19"	106° 18' 56"					F-48-81-B-a
nghĩa trang Cầu Cương	KX	xã Tân Hưng	TP. Hải Dương	20° 54' 36"	106° 19' 57"					F-48-81-B-a
sông Cầu Binh	TV	xã Tân Hưng	TP. Hải Dương			20° 55' 26"	106° 19' 33"	20° 49' 24"	106° 22' 01"	F-48-81-B-a
thôn Đông Giàng	DC	xã Thượng Đạt	TP. Hải Dương	20° 58' 08"	106° 19' 27"					F-48-81-B-a
thôn Nam Giàng	DC	xã Thượng Đạt	TP. Hải Dương	20° 57' 55"	106° 18' 44"					F-48-81-B-a
thôn Tân Lập	DC	xã Thượng Đạt	TP. Hải Dương	20° 57' 50"	106° 19' 11"					F-48-81-B-a
thôn Thuỵ Trà	DC	xã Thượng Đạt	TP. Hải Dương	20° 57' 57"	106° 19' 03"					F-48-81-B-a
thôn Thượng Triệt 1	DC	xã Thượng Đạt	TP. Hải Dương	20° 57' 50"	106° 18' 56"					F-48-81-B-a
thôn Thượng Triệt 2	DC	xã Thượng Đạt	TP. Hải Dương	20° 57' 59"	106° 18' 55"					F-48-81-B-a
Bến phà Hàn	KX	xã Thượng Đạt	TP. Hải Dương	20° 57' 36"	106° 19' 32"					F-48-81-B-a
Đường tỉnh 390	KX	xã Thượng Đạt	TP. Hải Dương			20° 58' 28"	106° 23' 00"	20° 49' 57"	106° 29' 29"	F-48-81-B-a
sông Thái Bình	TV	xã Thượng Đạt	TP. Hải Dương			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-a
sông Thượng Đạt	TV	xã Thượng Đạt	TP. Hải Dương			21° 00' 07"	106° 19' 28"	20° 57' 38"	106° 18' 59"	F-48-81-B-a
khu dân cư An Bài	DC	P. An Lạc	TP. Chí Linh	21° 03' 49"	106° 25' 04"					F-48-69-D-d
khu dân cư Bờ Chùa	DC	P. An Lạc	TP. Chí Linh	21° 04' 26"	106° 24' 39"					F-48-69-D-d
khu dân cư Bờ Dọc	DC	P. An Lạc	TP. Chí Linh	21° 03' 58"	106° 24' 44"					F-48-69-D-d
khu dân cư Bờ Đa	DC	P. An Lạc	TP. Chí Linh	21° 03' 55"	106° 24' 10"					F-48-69-D-d
khu dân cư Đồng Vày	DC	P. An Lạc	TP. Chí Linh	21° 03' 51"	106° 25' 37"					F-48-69-D-d
khu dân cư Đại	DC	P. An Lạc	TP. Chí Linh	21° 03' 35"	106° 24' 14"					F-48-69-D-d
khu dân cư Trại Nẻ	DC	P. An Lạc	TP. Chí Linh	21° 04' 52"	106° 24' 58"					F-48-69-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đò Ninh Xá - An Bài	KX	P. An Lạc	TP. Chí Linh	21° 03' 47"	106° 25' 40"					F-48-69-D-d
Đền Cao	KX	P. An Lạc	TP. Chí Linh	21° 03' 38"	106° 24' 17"					F-48-69-D-d
sông Kinh Thầy	TV	P. An Lạc	TP. Chí Linh			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-69-D-d
Khu dân cư 2	DC	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 09' 54"	106° 26' 53"					F-48-69-D-b
Khu dân cư 3	DC	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 09' 48"	106° 25' 57"					F-48-69-D-b
Khu dân cư 9	DC	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 10' 05"	106° 26' 30"					F-48-69-D-b
khu dân cư Bắc Nội	DC	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 09' 22"	106° 26' 28"					F-48-69-D-b
khu dân cư Chế Biến	DC	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 09' 30"	106° 26' 11"					F-48-69-D-b
khu dân cư Hố Dầu	DC	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 09' 30"	106° 28' 24"					F-48-69-D-b
khu dân cư Hố Gồm	DC	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 10' 16"	106° 27' 07"					F-48-69-D-b
khu dân cư Nguyễn Trãi	DC	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 09' 18"	106° 26' 12"					F-48-69-D-b
khu dân cư Tân An	DC	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 09' 32"	106° 25' 58"					F-48-69-D-b
khu dân cư Trại Gạo	DC	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 11' 02"	106° 27' 34"					F-48-69-D-b
khu dân cư Trại Mét	DC	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 09' 02"	106° 26' 51"					F-48-69-D-b
khu dân cư Trại Quan	DC	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 09' 53"	106° 27' 14"					F-48-69-D-b
khu dân cư Trung Tâm	DC	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 09' 38"	106° 26' 15"					F-48-69-D-b
cầu Chế Biến	KX	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 09' 34"	106° 26' 08"					F-48-69-D-b
cống Chín Cửa	KX	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 10' 19"	106° 26' 52"					F-48-69-D-b
ga Chí Linh	KX	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 09' 20"	106° 26' 36"					F-48-69-D-b
núi Chân Voi	SV	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 09' 06"	106° 27' 19"					F-48-69-D-b
núi Chóp Chài	SV	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 12' 00"	106° 29' 33"					F-48-69-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đá Chồng	SV	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 10' 39"	106° 28' 19"					F-48-69-D-b
núi Hòn Phướn	SV	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 10' 53"	106° 29' 15"					F-48-69-D-b
núi Hố Cá	SV	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 09' 55"	106° 27' 51"					F-48-69-D-b
núi Hố Xen	SV	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 09' 40"	106° 27' 40"					F-48-69-D-b
núi Ông Sao	SV	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 08' 56"	106° 26' 33"					F-48-69-D-b
hồ Bến Tắm	TV	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh	21° 10' 26"	106° 26' 44"					F-48-69-D-b
sông Đông Mai	TV	P. Bến Tắm	TP. Chí Linh			21° 10' 19"	106° 26' 52"	21° 04' 03"	106° 27' 11"	F-48-69-D-b
khu dân cư An Hưng	DC	P. Chí Minh	TP. Chí Linh	21° 04' 18"	106° 22' 58"					F-48-69-D-d
khu dân cư Chùa Vần	DC	P. Chí Minh	TP. Chí Linh	21° 05' 52"	106° 22' 58"					F-48-69-D-d
khu dân cư Đồi Thông	DC	P. Chí Minh	TP. Chí Linh	21° 05' 21"	106° 22' 05"					F-48-69-D-c
khu dân cư Khang Thọ	DC	P. Chí Minh	TP. Chí Linh	21° 05' 15"	106° 22' 24"					F-48-69-D-c
khu dân cư Mật Sơn	DC	P. Chí Minh	TP. Chí Linh	21° 06' 15"	106° 22' 07"					F-48-69-D-c
khu dân cư Nhân Hậu	DC	P. Chí Minh	TP. Chí Linh	21° 04' 39"	106° 22' 33"					F-48-69-D-d
khu dân cư Thanh Trung	DC	P. Chí Minh	TP. Chí Linh	21° 05' 06"	106° 22' 45"					F-48-69-D-d
khu dân cư Văn Giai	DC	P. Chí Minh	TP. Chí Linh	21° 04' 53"	106° 22' 06"					F-48-69-D-c
Khu dân cư Nẻo	DC	P. Chí Minh	TP. Chí Linh	21° 05' 07"	106° 21' 46"					F-48-69-D-c
đền Quốc Phụ	KX	P. Chí Minh	TP. Chí Linh	21° 04' 43"	106° 21' 34"					F-48-69-D-c
Đình Non	KX	P. Chí Minh	TP. Chí Linh	21° 05' 04"	106° 22' 44"					F-48-69-D-d
Quốc lộ 18	KX	P. Chí Minh	TP. Chí Linh			21° 06' 54"	106° 17' 39"	21° 07' 08"	106° 27' 50"	F-48-69-D-c; F-48-69-D-d
khu dân cư An Ninh	DC	P. Cổ Thành	TP. Chí Linh	21° 05' 31"	106° 18' 13"					F-48-69-D-c
khu dân cư Cải Cách	DC	P. Cổ Thành	TP. Chí Linh	21° 06' 03"	106° 18' 35"					F-48-69-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu dân cư Cổ Châu	DC	P. Cổ Thành	TP. Chí Linh	21° 05' 34"	106° 19' 14"					F-48-69-D-c
khu dân cư Đồng Tâm	DC	P. Cổ Thành	TP. Chí Linh	21° 05' 29"	106° 19' 17"					F-48-69-D-c
khu dân cư Hòa Bình	DC	P. Cổ Thành	TP. Chí Linh	21° 05' 13"	106° 19' 04"					F-48-69-D-c
khu dân cư Lý Dương	DC	P. Cổ Thành	TP. Chí Linh	21° 05' 51"	106° 18' 03"					F-48-69-D-c
khu dân cư Nam Đoài	DC	P. Cổ Thành	TP. Chí Linh	21° 05' 53"	106° 19' 20"					F-48-69-D-c
khu dân cư Nam Đông	DC	P. Cổ Thành	TP. Chí Linh	21° 05' 45"	106° 19' 31"					F-48-69-D-c
khu dân cư Ninh Giàng	DC	P. Cổ Thành	TP. Chí Linh	21° 05' 17"	106° 19' 22"					F-48-69-D-c
khu dân cư Phao Tân	DC	P. Cổ Thành	TP. Chí Linh	21° 06' 20"	106° 17' 53"					F-48-69-D-c
khu dân cư Thành Lập	DC	P. Cổ Thành	TP. Chí Linh	21° 05' 23"	106° 18' 25"					F-48-69-D-c
khu dân cư Thông Lộc	DC	P. Cổ Thành	TP. Chí Linh	21° 05' 37"	106° 19' 43"					F-48-69-D-c
khu dân cư Tu Ninh	DC	P. Cổ Thành	TP. Chí Linh	21° 05' 14"	106° 18' 44"					F-48-69-D-c
đình Lý Dương	KX	P. Cổ Thành	TP. Chí Linh	21° 05' 52"	106° 18' 01"					F-48-69-D-c
Đền Gốm	KX	P. Cổ Thành	TP. Chí Linh	21° 05' 11"	106° 19' 15"					F-48-69-D-c
sông Kinh Thầy	TV	P. Cổ Thành	TP. Chí Linh			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-69-D-c
sông Phả Lại	TV	P. Cổ Thành	TP. Chí Linh			21° 06' 27"	106° 17' 37"	21° 03' 35"	106° 18' 32"	F-48-69-D-c
sông Thái Bình	TV	P. Cổ Thành	TP. Chí Linh			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-69-D-c
khu dân cư Bích Động - Tân Tiến	DC	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh	21° 07' 36"	106° 23' 40"					F-48-69-D-b
khu dân cư Cầu Dòng	DC	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh	21° 08' 47"	106° 24' 27"					F-48-69-D-b
khu dân cư Chi Ngãi 1	DC	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh	21° 07' 50"	106° 24' 37"					F-48-69-D-b
khu dân cư Chi Ngãi 2	DC	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh	21° 08' 04"	106° 24' 43"					F-48-69-D-b
khu dân cư Chúc Cương	DC	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh	21° 08' 05"	106° 23' 03"					F-48-69-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu dân cư Chúc Thôn	DC	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh	21° 08' 15"	106° 23' 54"					F-48-69-D-b
khu dân cư Hàm Ếch - Thông Cống	DC	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh	21° 07' 28"	106° 22' 11"					F-48-69-D-d
khu dân cư Lôi Động	DC	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh	21° 07' 08"	106° 23' 41"					F-48-69-D-d
khu dân cư Tiền Định	DC	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh	21° 07' 01"	106° 24' 05"					F-48-69-D-d
khu dân cư Tiên Sơn	DC	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh	21° 08' 42"	106° 23' 00"					F-48-69-D-b
cầu Côn Sơn	KX	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh	21° 08' 21"	106° 23' 21"					F-48-69-D-b
Cầu Gon	KX	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh	21° 08' 00"	106° 25' 11"					F-48-69-D-b
Cầu Ma	KX	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh	21° 07' 30"	106° 24' 22"					F-48-69-D-b
Cầu Ngái	KX	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh	21° 07' 42"	106° 24' 36"					F-48-69-D-b
đình Chúc Thôn	KX	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh	21° 08' 15"	106° 23' 56"					F-48-69-D-b
khách sạn Công Đoàn	KX	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh	21° 08' 27"	106° 22' 54"					F-48-69-D-b
Khu di tích Côn Sơn	KX	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh	21° 09' 12"	106° 22' 32"					F-48-69-D-b
Quốc lộ 18	KX	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh			21° 06' 54"	106° 17' 39"	21° 07' 08"	106° 27' 50"	F-48-69-D-b; F-48-69-D-d
Quốc lộ 37	KX	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-69-D-a; F-48-69-D-d
núi Ngũ Nhạc	SV	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh	21° 09' 43"	106° 22' 42"					F-48-69-D-b
núi Phượng Hoàng	SV	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh	21° 08' 04"	106° 21' 38"					F-48-69-D-a
hồ Côn Sơn	TV	P. Cộng Hòa	TP. Chí Linh	21° 08' 31"	106° 23' 17"					F-48-69-D-b
khu dân cư Mạc Ngạn	DC	P. Đồng Lạc	TP. Chí Linh	21° 02' 02"	106° 23' 47"					F-48-69-D-d
khu dân cư Tế Sơn	DC	P. Đồng Lạc	TP. Chí Linh	21° 02' 08"	106° 22' 58"					F-48-69-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu dân cư Thủ Chính	DC	P. Đồng Lạc	TP. Chí Linh	21° 02' 04"	106° 23' 29"					F-48-69-D-d
khu dân cư Trụ Hạ	DC	P. Đồng Lạc	TP. Chí Linh	21° 02' 41"	106° 22' 14"					F-48-69-D-c
khu dân cư Trụ Thượng	DC	P. Đồng Lạc	TP. Chí Linh	21° 02' 56"	106° 22' 18"					F-48-69-D-c
Cầu Bình	KX	P. Đồng Lạc	TP. Chí Linh	21° 03' 12"	106° 21' 49"					F-48-69-D-c
đình Thủ Chính	KX	P. Đồng Lạc	TP. Chí Linh	21° 02' 02"	106° 23' 26"					F-48-69-D-d
Đường tỉnh 390C	KX	P. Đồng Lạc	TP. Chí Linh			20° 58' 44"	106° 21' 37"	20° 54' 03"	106° 23' 32"	F-48-69-D-c; F-48-69-D-d
Quốc lộ 37	KX	P. Đồng Lạc	TP. Chí Linh			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-69-D-c; F-48-69-D-d
sông Kinh Thầy	TV	P. Đồng Lạc	TP. Chí Linh			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-69-D-c; F-48-69-D-d
khu dân cư Bến Tắm	DC	P. Hoàng Tân	TP. Chí Linh	21° 09' 04"	106° 25' 51"					F-48-69-D-b
khu dân cư Đại Bát	DC	P. Hoàng Tân	TP. Chí Linh	21° 08' 05"	106° 26' 14"					F-48-69-D-b
khu dân cư Đại Bộ	DC	P. Hoàng Tân	TP. Chí Linh	21° 08' 45"	106° 25' 18"					F-48-69-D-b
khu dân cư Đại Tân	DC	P. Hoàng Tân	TP. Chí Linh	21° 08' 10"	106° 25' 44"					F-48-69-D-b
khu dân cư Đọ Xá	DC	P. Hoàng Tân	TP. Chí Linh	21° 07' 16"	106° 25' 55"					F-48-69-D-d
khu dân cư Đồng Chóc	DC	P. Hoàng Tân	TP. Chí Linh	21° 08' 42"	106° 26' 19"					F-48-69-D-b
khu dân cư Minh Tân	DC	P. Hoàng Tân	TP. Chí Linh	21° 08' 35"	106° 26' 49"					F-48-69-D-b
cầu Đại Bát	KX	P. Hoàng Tân	TP. Chí Linh	21° 07' 50"	106° 26' 37"					F-48-69-D-b
cầu Đại Tân	KX	P. Hoàng Tân	TP. Chí Linh	21° 08' 01"	106° 25' 51"					F-48-69-D-b
Cầu Gon	KX	P. Hoàng Tân	TP. Chí Linh	21° 08' 00"	106° 25' 11"					F-48-69-D-b
đình Đọ Xá	KX	P. Hoàng Tân	TP. Chí Linh	21° 07' 16"	106° 25' 44"					F-48-69-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Nhà máy Giầy Thăng Long	KX	P. Hoàng Tân	TP. Chí Linh	21° 08' 57"	106° 25' 22"					F-48-69-D-b
Nhà máy Gốm sứ Hải Dương	KX	P. Hoàng Tân	TP. Chí Linh	21° 09' 01"	106° 25' 07"					F-48-69-D-b
Quốc lộ 18	KX	P. Hoàng Tân	TP. Chí Linh			21° 06' 54"	106° 17' 39"	21° 07' 08"	106° 27' 50"	F-48-69-D-b
núi Đai Bộ	SV	P. Hoàng Tân	TP. Chí Linh	21° 09' 16"	106° 25' 23"					F-48-69-D-b
núi Ông Sao	SV	P. Hoàng Tân	TP. Chí Linh	21° 08' 56"	106° 26' 33"					F-48-69-D-b
sông Đông Mai	TV	P. Hoàng Tân	TP. Chí Linh			21° 10' 19"	106° 26' 52"	21° 04' 03"	106° 27' 11"	F-48-69-D-b; F-48-69-D-d
khu dân cư Đồng Cống	DC	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh	21° 07' 24"	106° 26' 38"					F-48-69-D-d
khu dân cư Hoàng Gián Cũ	DC	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh	21° 08' 07"	106° 27' 42"					F-48-69-D-b
khu dân cư Hoàng Gián Mới	DC	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh	21° 07' 25"	106° 27' 30"					F-48-69-D-b; F-48-69-D-d
khu dân cư Ngũ Đài	DC	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh	21° 09' 31"	106° 28' 39"					F-48-69-D-b
khu dân cư Phục Thiện	DC	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh	21° 08' 11"	106° 27' 06"					F-48-69-D-b
khu dân cư Tân Tiến	DC	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh	21° 08' 18"	106° 28' 07"					F-48-69-D-b
khu dân cư Trại Trống	DC	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh	21° 07' 45"	106° 28' 40"					F-48-69-D-b
khu dân cư Trung Tâm	DC	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh	21° 07' 46"	106° 26' 54"					F-48-69-D-b
cầu Đại Bát	KX	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh	21° 07' 50"	106° 26' 37"					F-48-69-D-b
Cầu Ô	KX	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh	21° 07' 33"	106° 27' 18"					F-48-69-D-b
chùa Ngũ Đài	KX	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh	21° 09' 47"	106° 28' 48"					F-48-69-D-b
Quốc lộ 18	KX	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh			21° 06' 54"	106° 17' 39"	21° 07' 08"	106° 27' 50"	F-48-69-D-b; F-48-69-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đá Chồng	SV	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh	21° 10' 39"	106° 28' 19"					F-48-69-D-b
núi Hang Hổ	SV	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh	21° 08' 47"	106° 27' 23"					F-48-69-D-b
núi Hòn Phướn	SV	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh	21° 10' 53"	106° 29' 15"					F-48-69-D-b
đập Nghè Kinh	TV	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh	21° 08' 33"	106° 26' 56"					F-48-69-D-b
hồ Láng Chẽ	TV	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh	21° 08' 30"	106° 27' 44"					F-48-69-D-b
hồ Suối Găng	TV	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh	21° 08' 33"	106° 28' 20"					F-48-69-D-b
sông Đông Mai	TV	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh			21° 10' 19"	106° 26' 52"	21° 04' 03"	106° 27' 11"	F-48-69-D-b; F-48-69-D-d
sông Vàng Chua	TV	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh			21° 07' 06"	106° 26' 22"	21° 07' 54"	106° 28' 57"	F-48-69-D-b; F-48-69-D-d
Suối Găng	TV	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh			21° 08' 30"	106° 28' 18"	21° 07' 06"	106° 27' 25"	F-48-69-D-b; F-48-69-D-d
Suối Vàng	TV	P. Hoàng Tiến	TP. Chí Linh			21° 07' 56"	106° 27' 50"	21° 07' 05"	106° 26' 21"	F-48-69-D-b; F-48-69-D-d
khu dân cư Bình Dương 1	DC	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 07' 08"	106° 20' 39"					F-48-69-D-c
khu dân cư Bình Dương 2	DC	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 07' 05"	106° 20' 09"					F-48-69-D-a
khu dân cư Bình Giang	DC	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 06' 55"	106° 19' 48"					F-48-69-D-c
khu dân cư Cao Đường	DC	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 07' 25"	106° 18' 31"					F-48-69-D-c
khu dân cư Đông Sơn	DC	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 07' 09"	106° 19' 07"					F-48-69-D-a
khu dân cư Lý Thường Kiệt	DC	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 06' 59"	106° 19' 58"					F-48-69-D-a
khu dân cư Ngọc Sơn	DC	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 06' 38"	106° 18' 06"					F-48-69-D-c
khu dân cư Nguyễn Trãi	DC	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 07' 13"	106° 19' 12"					F-48-69-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu dân cư Phao Sơn	DC	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 07' 14"	106° 18' 50"					F-48-69-D-c
khu dân cư Tập thể công nhân Nhà máy điện Phả Lại	DC	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 07' 06"	106° 19' 23"					F-48-69-D-a
khu dân cư Thạch Thủy	DC	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 06' 57"	106° 19' 38"					F-48-69-D-c
khu dân cư Thái Học	DC	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 06' 46"	106° 17' 54"					F-48-69-D-a
khu dân cư Trần Hưng Đạo	DC	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 06' 53"	106° 19' 23"					F-48-69-D-a
cầu Kênh Thải	KX	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 06' 50"	106° 18' 17"					F-48-69-D-c
cầu Phả Lại	KX	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 06' 54"	106° 17' 38"					F-48-69-D-c
chùa Phao Sơn	KX	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 07' 15"	106° 19' 18"					F-48-69-D-c
Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	KX	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 07' 01"	106° 18' 13"					F-48-69-D-c
Công ty Sợi Bảo Long	KX	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 06' 59"	106° 20' 08"					F-48-69-D-c
đình Phao Sơn	KX	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 06' 56"	106° 19' 13"					F-48-69-D-c
Đò Lác	KX	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 07' 45"	106° 18' 24"					F-48-69-D-a
Đường tỉnh 398	KX	P. Phả Lại	TP. Chí Linh			21° 06' 48"	106° 19' 07"	21° 08' 49"	106° 21' 55"	F-48-69-D-a
ga Cổ Thành	KX	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 06' 40"	106° 19' 53"					F-48-69-D-c
ga Phả Lại	KX	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 07' 07"	106° 18' 11"					F-48-69-D-c
Quốc lộ 18	KX	P. Phả Lại	TP. Chí Linh			21° 06' 54"	106° 17' 39"	21° 07' 08"	106° 27' 50"	F-48-69-D-c
núi Đường Tầu	SV	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 07' 53"	106° 19' 57"					F-48-69-D-a
hồ Bình Giang	TV	P. Phả Lại	TP. Chí Linh	21° 07' 00"	106° 20' 19"					F-48-69-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Thái Bình	TV	P. Phả Lại	TP. Chí Linh			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-69-D-c
Sông Thương	TV	P. Phả Lại	TP. Chí Linh			21° 11' 41"	106° 18' 42"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-69-D-a; F-48-69-D-c
khu dân cư Hùng Vương	DC	P. Sao Đỏ	TP. Chí Linh	21° 05' 53"	106° 23' 32"					F-48-69-D-d
khu dân cư Hưng Đạo	DC	P. Sao Đỏ	TP. Chí Linh	21° 06' 05"	106° 23' 32"					F-48-69-D-d
khu dân cư Nguyễn Trãi I	DC	P. Sao Đỏ	TP. Chí Linh	21° 06' 58"	106° 23' 12"					F-48-69-D-d
khu dân cư Nguyễn Trãi II	DC	P. Sao Đỏ	TP. Chí Linh	21° 06' 38"	106° 23' 03"					F-48-69-D-d
khu dân cư Thái Học I	DC	P. Sao Đỏ	TP. Chí Linh	21° 06' 45"	106° 23' 47"					F-48-69-D-d
khu dân cư Thái Học II	DC	P. Sao Đỏ	TP. Chí Linh	21° 06' 44"	106° 23' 27"					F-48-69-D-d
khu dân cư Thái Học III	DC	P. Sao Đỏ	TP. Chí Linh	21° 06' 23"	106° 23' 47"					F-48-69-D-d
đường Nguyễn Thái Học (Quốc lộ 37)	KX	P. Sao Đỏ	TP. Chí Linh			21° 06' 50"	106° 23' 25"	21° 05' 44"	106° 23' 26"	F-48-69-D-d
đường Nguyễn Trãi (Quốc lộ 18)	KX	P. Sao Đỏ	TP. Chí Linh			21° 06' 10"	106° 22' 43"	21° 07' 00"	106° 23' 39"	F-48-69-D-d
Quốc lộ 18	KX	P. Sao Đỏ	TP. Chí Linh			21° 06' 54"	106° 17' 39"	21° 07' 08"	106° 27' 50"	F-48-69-D-d
Quốc lộ 37	KX	P. Sao Đỏ	TP. Chí Linh			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-69-D-d
Trường đại học Sao Đỏ	KX	P. Sao Đỏ	TP. Chí Linh	21° 06' 38"	106° 23' 31"					F-48-69-D-d
hồ Mật Sơn	TV	P. Sao Đỏ	TP. Chí Linh	21° 06' 13"	106° 23' 00"					F-48-69-D-d
khu dân cư Triều	DC	P. Tân Dân	TP. Chí Linh	21° 03' 31"	106° 22' 05"					F-48-69-D-c
khu dân cư Cầu Quan	DC	P. Tân Dân	TP. Chí Linh	21° 03' 07"	106° 24' 41"					F-48-69-D-d
khu dân cư Giang Hạ	DC	P. Tân Dân	TP. Chí Linh	21° 02' 47"	106° 23' 28"					F-48-69-D-d
khu dân cư Giang Thượng	DC	P. Tân Dân	TP. Chí Linh	21° 03' 13"	106° 23' 07"					F-48-69-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu dân cư Kỹ Sơn Dưới	DC	P. Tân Dân	TP. Chí Linh	21° 03' 39"	106° 23' 27"					F-48-69-D-d
khu dân cư Kỹ Sơn Trên	DC	P. Tân Dân	TP. Chí Linh	21° 03' 42"	106° 23' 03"					F-48-69-D-d
khu dân cư Mạc Động	DC	P. Tân Dân	TP. Chí Linh	21° 03' 03"	106° 24' 01"					F-48-69-D-d
khu dân cư Nội	DC	P. Tân Dân	TP. Chí Linh	21° 03' 43"	106° 22' 33"					F-48-69-D-d
khu dân cư Tư Giang	DC	P. Tân Dân	TP. Chí Linh	21° 03' 20"	106° 22' 45"					F-48-69-D-d
khu dân cư Vọng Thúc	DC	P. Tân Dân	TP. Chí Linh	21° 03' 34"	106° 24' 35"					F-48-69-D-d
Chùa Nội	KX	P. Tân Dân	TP. Chí Linh	21° 03' 30"	106° 22' 32"					F-48-69-D-d
Chùa Triều	KX	P. Tân Dân	TP. Chí Linh	21° 03' 28"	106° 22' 07"					F-48-69-D-c
Đình Nội	KX	P. Tân Dân	TP. Chí Linh	21° 03' 31"	106° 22' 32"					F-48-69-D-d
Đình Triều	KX	P. Tân Dân	TP. Chí Linh	21° 03' 21"	106° 22' 05"					F-48-69-D-c
Quốc lộ 37	KX	P. Tân Dân	TP. Chí Linh			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-69-D-d
sông Kinh Thầy	TV	P. Tân Dân	TP. Chí Linh			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-69-D-d
khu dân cư Lạc Sơn	DC	P. Thái Học	TP. Chí Linh	21° 04' 03"	106° 23' 34"					F-48-69-D-d
khu dân cư Miễu Sơn	DC	P. Thái Học	TP. Chí Linh	21° 05' 05"	106° 24' 20"					F-48-69-D-d
khu dân cư Mít Sắt	DC	P. Thái Học	TP. Chí Linh	21° 06' 36"	106° 24' 04"					F-48-69-D-d
khu dân cư Ninh Chấp 5	DC	P. Thái Học	TP. Chí Linh	21° 05' 00"	106° 23' 20"					F-48-69-D-d
khu dân cư Ninh Chấp 6	DC	P. Thái Học	TP. Chí Linh	21° 05' 18"	106° 23' 30"					F-48-69-D-d
khu dân cư Ninh Chấp 7	DC	P. Thái Học	TP. Chí Linh	21° 05' 25"	106° 23' 13"					F-48-69-D-d
Trại Sắt	DC	P. Thái Học	TP. Chí Linh	21° 06' 11"	106° 23' 52"					F-48-69-D-d
Xóm Lý	DC	P. Thái Học	TP. Chí Linh	21° 05' 10"	106° 23' 17"					F-48-69-D-d
Xóm Vối	DC	P. Thái Học	TP. Chí Linh	21° 05' 08"	106° 23' 39"					F-48-69-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 37	KX	P. Thái Học	TP. Chí Linh			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-69-D-d
sân gôn Ngôi Sao Chí Linh	KX	P. Thái Học	TP. Chí Linh	21° 05' 55"	106° 23' 58"					F-48-69-D-d
Núi Voi	SV	P. Thái Học	TP. Chí Linh	21° 05' 40"	106° 23' 35"					F-48-69-D-d
hồ Miễu Sơn	TV	P. Thái Học	TP. Chí Linh	21° 05' 42"	106° 23' 59"					F-48-69-D-d
khu dân cư Hữu Lộc	DC	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 06' 36"	106° 20' 34"					F-48-69-D-c
khu dân cư Kiệt Đoài	DC	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 05' 13"	106° 20' 42"					F-48-69-D-c
khu dân cư Kiệt Đông	DC	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 04' 59"	106° 21' 00"					F-48-69-D-c
khu dân cư Kiệt Thượng	DC	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 05' 23"	106° 20' 23"					F-48-69-D-c
khu dân cư Kinh Trung	DC	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 04' 13"	106° 21' 46"					F-48-69-D-c
khu dân cư Kỳ Đặc	DC	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 05' 30"	106° 19' 56"					F-48-69-D-c
khu dân cư Núi Đá	DC	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 05' 25"	106° 21' 31"					F-48-69-D-c
khu dân cư Trại Mới	DC	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 05' 57"	106° 20' 59"					F-48-69-D-c
khu dân cư Trại Sen	DC	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 06' 24"	106° 21' 13"					F-48-69-D-c
khu dân cư Trại Thượng	DC	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 06' 31"	106° 20' 54"					F-48-69-D-c
khu dân cư Tường	DC	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 06' 23"	106° 21' 38"					F-48-69-D-c
xóm Hố Đa	DC	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 06' 43"	106° 21' 52"					F-48-69-D-c
xóm Trại Chua	DC	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 05' 45"	106° 21' 32"					F-48-69-D-c
cầu Trại Mới	KX	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 06' 01"	106° 21' 02"					F-48-69-D-c
cầu Trại Chua	KX	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 05' 54"	106° 21' 30"					F-48-69-D-c
chùa Huyền Thiên	KX	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 07' 15"	106° 21' 09"					F-48-69-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Kiệt Đoài	KX	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 05' 06"	106° 20' 41"					F-48-69-D-a
chùa Kỳ Đặc	KX	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 05' 28"	106° 19' 55"					F-48-69-D-a
Cụm công nghiệp 1	KX	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 06' 31"	106° 20' 10"					F-48-69-D-c
Cụm công nghiệp 2	KX	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 06' 08"	106° 21' 43"					F-48-69-D-c
đền Chu Văn An	KX	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 07' 42"	106° 21' 24"					F-48-69-D-a
đền Tiến sỹ Nguyễn Thị Duệ	KX	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 06' 52"	106° 21' 16"					F-48-69-D-a
đình Kiệt Đoài	KX	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 05' 08"	106° 20' 41"					F-48-69-D-a
đình Kỳ Đặc	KX	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 05' 35"	106° 19' 59"					F-48-69-D-a
Nhà máy Công ty liên doanh An Huệ	KX	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 06' 09"	106° 21' 38"					F-48-69-D-c
Quốc lộ 18	KX	P. Văn An	TP. Chí Linh			21° 06' 54"	106° 17' 39"	21° 07' 08"	106° 27' 50"	F-48-69-D-c; F-48-69-D-d
núi Phượng Hoàng	SV	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 08' 04"	106° 21' 38"					F-48-69-D-a
đập Trại Sen	TV	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 06' 43"	106° 21' 11"					F-48-69-D-c
Đập Tường	TV	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 06' 34"	106° 21' 47"					F-48-69-D-c
hồ Trại Sen	TV	P. Văn An	TP. Chí Linh	21° 06' 42"	106° 21' 10"					F-48-69-D-c
sông Kinh Thầy	TV	P. Văn An	TP. Chí Linh			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-69-D-c
khu dân cư Bến Đò	DC	P. Văn Đức	TP. Chí Linh	21° 05' 58"	106° 26' 23"					F-48-69-D-d
khu dân cư Bích Nham	DC	P. Văn Đức	TP. Chí Linh	21° 05' 42"	106° 25' 40"					F-48-69-D-d
khu dân cư Bích Thủy	DC	P. Văn Đức	TP. Chí Linh	21° 06' 38"	106° 25' 51"					F-48-69-D-d
khu dân cư Đông Xá	DC	P. Văn Đức	TP. Chí Linh	21° 05' 39"	106° 26' 21"					F-48-69-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu dân cư Kênh Mai 1	DC	P. Văn Đức	TP. Chí Linh	21° 04' 32"	106° 26' 15"					F-48-69-D-d
khu dân cư Kênh Mai 2	DC	P. Văn Đức	TP. Chí Linh	21° 04' 48"	106° 26' 06"					F-48-69-D-d
khu dân cư Khê Khẩu	DC	P. Văn Đức	TP. Chí Linh	21° 05' 27"	106° 25' 07"					F-48-69-D-d
khu dân cư Nam Hải	DC	P. Văn Đức	TP. Chí Linh	21° 03' 56"	106° 26' 20"					F-48-69-D-d
khu dân cư Tân Lập	DC	P. Văn Đức	TP. Chí Linh	21° 04' 00"	106° 26' 28"					F-48-69-D-d
khu dân cư Vĩnh Đại 1	DC	P. Văn Đức	TP. Chí Linh	21° 06' 24"	106° 24' 32"					F-48-69-D-d
khu dân cư Vĩnh Đại 2	DC	P. Văn Đức	TP. Chí Linh	21° 06' 04"	106° 24' 56"					F-48-69-D-d
khu dân cư Vĩnh Long	DC	P. Văn Đức	TP. Chí Linh	21° 06' 39"	106° 25' 29"					F-48-69-D-d
đền Khê Khẩu	KX	P. Văn Đức	TP. Chí Linh	21° 05' 47"	106° 24' 59"					F-48-69-D-d
đò Trạm Lộ	KX	P. Văn Đức	TP. Chí Linh	21° 04' 06"	106° 26' 21"					F-48-69-D-d
đò Đồng Mai	KX	P. Văn Đức	TP. Chí Linh	21° 06' 02"	106° 26' 33"					F-48-69-D-d
đò Kênh Mai	KX	P. Văn Đức	TP. Chí Linh	21° 05' 08"	106° 26' 32"					F-48-69-D-d
đò Trạm Lộ	KX	P. Văn Đức	TP. Chí Linh	21° 04' 06"	106° 26' 21"					F-48-69-D-d
núi Đại Hàn	SV	P. Văn Đức	TP. Chí Linh	21° 05' 09"	106° 26' 17"					F-48-69-D-d
hồ Vĩnh Đại	TV	P. Văn Đức	TP. Chí Linh	21° 06' 08"	106° 24' 31"					F-48-69-D-d
sông Đông Mai	TV	P. Văn Đức	TP. Chí Linh			21° 10' 19"	106° 26' 52"	21° 04' 03"	106° 27' 11"	F-48-69-D-d
sông Kinh Thầy	TV	P. Văn Đức	TP. Chí Linh			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-69-D-d
thôn Bãi Thảo 1	DC	xã Bắc An	TP. Chí Linh	21° 11' 53"	106° 24' 29"					F-48-69-D-b
thôn Bãi Thảo 2	DC	xã Bắc An	TP. Chí Linh	21° 11' 37"	106° 23' 50"					F-48-69-D-b
thôn Bãi Thảo 3	DC	xã Bắc An	TP. Chí Linh	21° 11' 44"	106° 23' 22"					F-48-69-D-b
thôn Chín Hạ	DC	xã Bắc An	TP. Chí Linh	21° 09' 56"	106° 25' 01"					F-48-69-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Chín Thượng	DC	xã Bắc An	TP. Chí Linh	21° 10' 26"	106° 24' 54"					F-48-69-D-b
thôn Cổ Mệnh	DC	xã Bắc An	TP. Chí Linh	21° 11' 27"	106° 25' 38"					F-48-69-D-b
thôn Lộc Đa	DC	xã Bắc An	TP. Chí Linh	21° 09' 28"	106° 25' 45"					F-48-69-D-b
thôn Trại Sắt	DC	xã Bắc An	TP. Chí Linh	21° 10' 33"	106° 24' 10"					F-48-69-D-b
thôn Trường An	DC	xã Bắc An	TP. Chí Linh	21° 10' 59"	106° 25' 37"					F-48-69-D-b
thôn Vàng Liệng	DC	xã Bắc An	TP. Chí Linh	21° 10' 35"	106° 25' 55"					F-48-69-D-b
núi Đai Bộ	SV	xã Bắc An	TP. Chí Linh	21° 09' 16"	106° 25' 23"					F-48-69-D-b
đập Ba Nhà	TV	xã Bắc An	TP. Chí Linh	21° 10' 21"	106° 26' 32"					F-48-69-D-b
thôn Đá Bạc 1	DC	xã Hoàng Hoa Thám	TP. Chí Linh	21° 11' 57"	106° 27' 17"					F-48-69-D-b
thôn Đá Bạc 2	DC	xã Hoàng Hoa Thám	TP. Chí Linh	21° 11' 32"	106° 27' 03"					F-48-69-D-b
thôn Đồng Châu	DC	xã Hoàng Hoa Thám	TP. Chí Linh	21° 12' 47"	106° 28' 36"					F-48-69-D-b
thôn Hố Giải	DC	xã Hoàng Hoa Thám	TP. Chí Linh	21° 11' 38"	106° 26' 47"					F-48-69-D-b
thôn Hố Sếu	DC	xã Hoàng Hoa Thám	TP. Chí Linh	21° 11' 41"	106° 27' 19"					F-48-69-D-b
thôn Tân Lập	DC	xã Hoàng Hoa Thám	TP. Chí Linh	21° 12' 04"	106° 27' 47"					F-48-69-D-b
thôn Thanh Mai	DC	xã Hoàng Hoa Thám	TP. Chí Linh	21° 12' 32"	106° 27' 38"					F-48-69-D-b
chùa Thanh Mai	KX	xã Hoàng Hoa Thám	TP. Chí Linh	21° 13' 11"	106° 27' 49"					F-48-69-D-b
Đèo Trê	KX	xã Hoàng Hoa Thám	TP. Chí Linh	21° 13' 48"	106° 29' 21"					F-48-69-D-b
núi Ba Tỉnh	SV	xã Hoàng Hoa Thám	TP. Chí Linh	21° 13' 33"	106° 29' 55"					F-48-69-D-b
núi Chóp Chài	SV	xã Hoàng Hoa Thám	TP. Chí Linh	21° 12' 00"	106° 29' 33"					F-48-69-D-b
núi Đá Trắng	SV	xã Hoàng Hoa Thám	TP. Chí Linh	21° 13' 48"	106° 26' 29"					F-48-69-D-b
núi Tam Ban	SV	xã Hoàng Hoa Thám	TP. Chí Linh	21° 13' 40"	106° 27' 58"					F-48-69-D-b
hồ Bến Tắm	TV	xã Hoàng Hoa Thám	TP. Chí Linh	21° 10' 26"	106° 26' 44"					F-48-69-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bắc Đẩu	DC	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 09' 15"	106° 19' 35"					F-48-69-D-a
thôn Dinh Sơn	DC	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 10' 29"	106° 19' 28"					F-48-69-D-a
thôn Dược Sơn	DC	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 08' 47"	106° 19' 23"					F-48-69-D-a
thôn Kim Điền	DC	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 10' 05"	106° 19' 40"					F-48-69-D-a
thôn Ngọc Tân	DC	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 10' 57"	106° 19' 12"					F-48-69-D-a
thôn Phượng Sơn	DC	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 10' 49"	106° 19' 11"					F-48-69-D-a
thôn Vạn Yên	DC	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 09' 57"	106° 19' 27"					F-48-69-D-a
thôn Vườn Đào	DC	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 08' 11"	106° 19' 55"					F-48-69-D-a
xóm Đồng Chuôm	DC	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 08' 38"	106° 19' 53"					F-48-69-D-a
xóm Đồng Từ	DC	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 08' 58"	106° 19' 47"					F-48-69-D-a
Xóm Giữa	DC	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 10' 08"	106° 19' 39"					F-48-69-D-a
Xóm Lẫm	DC	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 09' 50"	106° 19' 31"					F-48-69-D-a
Xóm Miễu	DC	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 10' 55"	106° 19' 19"					F-48-69-D-a
Xóm Phố	DC	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 09' 39"	106° 19' 14"					F-48-69-D-a
Xóm Trên	DC	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 10' 19"	106° 19' 39"					F-48-69-D-a
cầu Phố Vạn	KX	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 09' 43"	106° 19' 20"					F-48-69-D-a
đền Bắc Đẩu	KX	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 09' 19"	106° 19' 26"					F-48-69-D-a
đền Kiếp Bạc	KX	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 09' 08"	106° 19' 33"					F-48-69-D-a
đền Nam Tào	KX	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 08' 48"	106° 19' 29"					F-48-69-D-a
Đường tỉnh 398	KX	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh			21° 06' 48"	106° 19' 07"	21° 08' 49"	106° 21' 55"	F-48-69-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phà Đồng Việt	KX	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 09' 44"	106° 19' 04"					F-48-69-D-a
núi Đường Tầu	SV	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 07' 53"	106° 19' 57"					F-48-69-D-a
Núi Rồng	SV	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh	21° 08' 59"	106° 19' 55"					F-48-69-D-a
Sông Thương	TV	xã Hưng Đạo	TP. Chí Linh			21° 11' 41"	106° 18' 42"	21° 07' 23"	106° 17' 51"	F-48-69-D-c
thôn An Lĩnh	DC	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 08' 43"	106° 21' 17"					F-48-69-D-a
thôn An Mô	DC	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 10' 10"	106° 22' 34"					F-48-69-D-b
Thôn Bến	DC	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 09' 18"	106° 20' 37"					F-48-69-D-a
thôn Đa Cốc	DC	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 09' 54"	106° 23' 34"					F-48-69-D-b
thôn Lương Quan	DC	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 09' 55"	106° 21' 46"					F-48-69-D-a
thôn Tân Trường	DC	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 10' 01"	106° 23' 56"					F-48-69-D-b
thôn Thanh Tảo	DC	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 09' 52"	106° 21' 00"					F-48-69-D-a
thôn Thanh Tân	DC	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 09' 11"	106° 20' 58"					F-48-69-D-a
thôn Thị Tứ	DC	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 10' 11"	106° 22' 02"					F-48-69-D-b
thôn Trung Quê	DC	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 10' 55"	106° 22' 34"					F-48-69-D-b
xóm Ao Ốc	DC	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 08' 08"	106° 20' 19"					F-48-69-D-a
xóm Cánh Gà	DC	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 09' 07"	106° 21' 36"					F-48-69-D-a
xóm Gốc Mít	DC	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 09' 31"	106° 20' 35"					F-48-69-D-a
xóm Hố Mây	DC	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 08' 47"	106° 20' 51"					F-48-69-D-a
cầu An Lĩnh	KX	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 08' 51"	106° 21' 24"					F-48-69-D-a
cầu Trung Quê	KX	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 10' 28"	106° 22' 14"					F-48-69-D-a
chùa Trung Quê	KX	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 10' 54"	106° 22' 14"					F-48-69-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đền Hóa	KX	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 10' 07"	106° 22' 53"					F-48-69-D-b
Đền Sinh	KX	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 09' 37"	106° 23' 04"					F-48-69-D-b
đền Trung Quê	KX	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 10' 54"	106° 22' 15"					F-48-69-D-b
Đường tỉnh 398	KX	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh			21° 06' 48"	106° 19' 07"	21° 08' 49"	106° 21' 55"	F-48-69-D-a
nghè Dím Thanh Tân	KX	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 09' 19"	106° 20' 55"					F-48-69-D-a
Quốc lộ 37	KX	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-69-D-a
núi Đầu Trồ	SV	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 09' 37"	106° 21' 34"					F-48-69-D-a
núi Ngũ Nhạc	SV	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 09' 43"	106° 22' 42"					F-48-69-D-b
núi Phượng Hoàng	SV	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 08' 04"	106° 21' 38"					F-48-69-D-a
Núi Rồng	SV	xã Lê Lợi	TP. Chí Linh	21° 08' 59"	106° 19' 55"					F-48-69-D-a
thôn Bạch Đằng	DC	xã Nhân Huệ	TP. Chí Linh	21° 05' 12"	106° 18' 14"					F-48-69-D-c
thôn Chí Linh 1	DC	xã Nhân Huệ	TP. Chí Linh	21° 04' 22"	106° 18' 30"					F-48-69-D-c
thôn Chí Linh 2	DC	xã Nhân Huệ	TP. Chí Linh	21° 04' 11"	106° 18' 42"					F-48-69-D-c
thôn Chí Linh 3	DC	xã Nhân Huệ	TP. Chí Linh	21° 03' 41"	106° 18' 46"					F-48-69-D-c
thôn Đáp Khê	DC	xã Nhân Huệ	TP. Chí Linh	21° 04' 57"	106° 18' 57"					F-48-69-D-c
đình Chí Linh	KX	xã Nhân Huệ	TP. Chí Linh	21° 04' 12"	106° 18' 31"					F-48-69-D-c
sông Kinh Thầy	TV	xã Nhân Huệ	TP. Chí Linh			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-69-D-c
sông Thái Bình	TV	xã Nhân Huệ	TP. Chí Linh			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-69-D-c
Khu 1	DC	TT. Kẻ Sặt	H. Bình Giang	20° 54' 36"	106° 08' 39"					F-48-81-A-b
Khu 2	DC	TT. Kẻ Sặt	H. Bình Giang	20° 54' 40"	106° 08' 35"					F-48-81-A-b
Khu 3	DC	TT. Kẻ Sặt	H. Bình Giang	20° 54' 45"	106° 08' 47"					F-48-81-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu 4	DC	TT. Kẻ Sặt	H. Bình Giang	20° 54' 44"	106° 08' 41"					F-48-81-A-b
Khu 5	DC	TT. Kẻ Sặt	H. Bình Giang	20° 54' 44"	106° 08' 33"					F-48-81-A-b
Khu 6	DC	TT. Kẻ Sặt	H. Bình Giang	20° 54' 19"	106° 09' 07"					F-48-81-A-b
Cầu Sặt	KX	TT. Kẻ Sặt	H. Bình Giang	20° 54' 58"	106° 08' 54"					F-48-81-A-b
đường Thống Nhất (Đường tỉnh 392)	KX	TT. Kẻ Sặt	H. Bình Giang			20° 54' 38"	106° 08' 39"	20° 54' 22"	106° 09' 06"	F-48-81-A-b
Đường tỉnh 392	KX	TT. Kẻ Sặt	H. Bình Giang			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-A-b
Đường tỉnh 395	KX	TT. Kẻ Sặt	H. Bình Giang			20° 54' 29"	106° 08' 55"	20° 53' 26"	106° 21' 12"	F-48-81-A-b
Quốc lộ 38	KX	TT. Kẻ Sặt	H. Bình Giang			20° 59' 43"	106° 07' 45"	20° 53' 40"	106° 08' 14"	F-48-81-A-b
sông Kẻ Sặt	TV	TT. Kẻ Sặt	H. Bình Giang			20° 53' 42"	106° 08' 13"	20° 55' 33"	106° 20' 42"	F-48-81-A-b
thôn Bá Đông	DC	xã Bình Minh	H. Bình Giang	20° 53' 12"	106° 10' 44"					F-48-81-A-b
thôn Mỹ Trạch	DC	xã Bình Minh	H. Bình Giang	20° 52' 38"	106° 11' 18"					F-48-81-A-b
thôn Nhuận Đông	DC	xã Bình Minh	H. Bình Giang	20° 52' 09"	106° 10' 47"					F-48-81-A-d
thôn Nhuận Tây	DC	xã Bình Minh	H. Bình Giang	20° 51' 40"	106° 10' 47"					F-48-81-A-d
thôn Quang Tiền	DC	xã Bình Minh	H. Bình Giang	20° 52' 42"	106° 10' 51"					F-48-81-A-b
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Bình Minh	H. Bình Giang			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-A-d
Đường tỉnh 392	KX	xã Bình Minh	H. Bình Giang			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-A-b; F-48-81-A-d
Đường tỉnh 394	KX	xã Bình Minh	H. Bình Giang			20° 51' 29"	106° 08' 22"	20° 58' 37"	106° 14' 47"	F-48-81-A-d
thôn Bình Cách	DC	xã Bình Xuyên	H. Bình Giang	20° 49' 53"	106° 11' 21"					F-48-81-A-d
thôn Chương Cầu	DC	xã Bình Xuyên	H. Bình Giang	20° 50' 06"	106° 11' 09"					F-48-81-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Dinh Như	DC	xã Bình Xuyên	H. Bình Giang	20° 50' 32"	106° 11' 18"					F-48-81-A-d
Thôn Gòi	DC	xã Bình Xuyên	H. Bình Giang	20° 50' 38"	106° 12' 09"					F-48-81-A-d
Thôn Kênh	DC	xã Bình Xuyên	H. Bình Giang	20° 50' 25"	106° 12' 07"					F-48-81-A-d
thôn Làng Như	DC	xã Bình Xuyên	H. Bình Giang	20° 50' 49"	106° 11' 32"					F-48-81-A-d
Thôn Ngõ	DC	xã Bình Xuyên	H. Bình Giang	20° 50' 19"	106° 11' 56"					F-48-81-A-d
thôn Trại Như	DC	xã Bình Xuyên	H. Bình Giang	20° 50' 27"	106° 11' 28"					F-48-81-A-d
Thôn Quàn	DC	xã Bình Xuyên	H. Bình Giang	20° 50' 07"	106° 10' 53"					F-48-81-A-d
chùa Bình Đê	KX	xã Bình Xuyên	H. Bình Giang	20° 50' 28"	106° 11' 50"					F-48-81-A-d
thôn Ấp Cam	DC	xã Cổ Bì	H. Bình Giang	20° 52' 15"	106° 14' 20"					F-48-81-A-d
thôn Bình Dương	DC	xã Cổ Bì	H. Bình Giang	20° 51' 35"	106° 14' 04"					F-48-81-A-d
thôn Bì Đổ	DC	xã Cổ Bì	H. Bình Giang	20° 51' 16"	106° 14' 13"					F-48-81-A-d
thôn Cam Xá	DC	xã Cổ Bì	H. Bình Giang	20° 51' 51"	106° 14' 27"					F-48-81-A-d
thôn Hạ Bì	DC	xã Cổ Bì	H. Bình Giang	20° 51' 03"	106° 14' 33"					F-48-81-A-d
thôn Ô Xuyên	DC	xã Cổ Bì	H. Bình Giang	20° 51' 11"	106° 14' 55"					F-48-81-A-d; F-48-81-B-c
thôn Phú Thứ	DC	xã Cổ Bì	H. Bình Giang	20° 50' 48"	106° 13' 59"					F-48-81-A-d
đền Ô Xuyên	KX	xã Cổ Bì	H. Bình Giang	20° 51' 30"	106° 15' 06"					F-48-81-A-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Cổ Bì	H. Bình Giang			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-A-d
sông Đĩnh Đào	TV	xã Cổ Bì	H. Bình Giang			20° 54' 02"	106° 14' 21"	20° 49' 23"	106° 22' 03"	F-48-81-A-d; F-48-81-B-c
thôn An Dật	DC	xã Hồng Khê	H. Bình Giang	20° 53' 02"	106° 12' 58"					F-48-81-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bùi Khê	DC	xã Hồng Khê	H. Bình Giang	20° 52' 34"	106° 13' 04"					F-48-81-A-b
thôn Lôi Khê	DC	xã Hồng Khê	H. Bình Giang	20° 52' 12"	106° 13' 22"					F-48-81-A-d
thôn Lôi Trì	DC	xã Hồng Khê	H. Bình Giang	20° 53' 03"	106° 13' 23"					F-48-81-A-b
thôn Lý Long	DC	xã Hồng Khê	H. Bình Giang	20° 52' 11"	106° 12' 58"					F-48-81-A-d
thôn Minh Lập	DC	xã Hồng Khê	H. Bình Giang	20° 52' 42"	106° 14' 07"					F-48-81-A-b
thôn Phú Đa	DC	xã Hồng Khê	H. Bình Giang	20° 52' 41"	106° 12' 29"					F-48-81-A-b
thôn Phú Thuận	DC	xã Hồng Khê	H. Bình Giang	20° 52' 39"	106° 13' 08"					F-48-81-A-b; F-48-81-A-d
thôn Trinh Nữ	DC	xã Hồng Khê	H. Bình Giang	20° 52' 24"	106° 13' 41"					F-48-81-A-d
Công ty trách nhiệm hữu hạn Euratop	KX	xã Hồng Khê	H. Bình Giang	20° 52' 42"	106° 12' 04"					F-48-81-A-b
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Hồng Khê	H. Bình Giang			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-A-d
Đường tỉnh 394	KX	xã Hồng Khê	H. Bình Giang			20° 51' 29"	106° 08' 22"	20° 58' 37"	106° 14' 47"	F-48-81-A-b
sông Đĩnh Đào	TV	xã Hồng Khê	H. Bình Giang			20° 54' 02"	106° 14' 21"	20° 49' 23"	106° 22' 03"	F-48-81-A-d; F-48-81-B-c
thôn Hòa Ché	DC	xã Hùng Thắng	H. Bình Giang	20° 54' 45"	106° 12' 23"					F-48-81-A-b
thôn Nhân Kiệt	DC	xã Hùng Thắng	H. Bình Giang	20° 54' 27"	106° 12' 05"					F-48-81-A-b
thôn Phúc Lão	DC	xã Hùng Thắng	H. Bình Giang	20° 54' 37"	106° 12' 57"					F-48-81-A-b
thôn Thuần Lương	DC	xã Hùng Thắng	H. Bình Giang	20° 54' 28"	106° 13' 06"					F-48-81-A-b
Thôn Tuấn	DC	xã Hùng Thắng	H. Bình Giang	20° 54' 58"	106° 11' 36"					F-48-81-A-b
xóm Trại Ngói	DC	xã Hùng Thắng	H. Bình Giang	20° 54' 22"	106° 12' 54"					F-48-81-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tuân Bá	DC	xã Hùng Thắng	H. Bình Giang	20° 55' 16"	106° 11' 43"					F-48-81-A-b
đình Nhân Kiệt	KX	xã Hùng Thắng	H. Bình Giang	20° 54' 32"	106° 12' 04"					F-48-81-A-b
đình Thuần Lương	KX	xã Hùng Thắng	H. Bình Giang	20° 54' 28"	106° 13' 00"					F-48-81-A-b
Đường tỉnh 395	KX	xã Hùng Thắng	H. Bình Giang			20° 54' 29"	106° 08' 55"	20° 53' 26"	106° 21' 12"	F-48-81-A-b
sông Kẻ Sặt	TV	xã Hùng Thắng	H. Bình Giang			20° 53' 42"	106° 08' 13"	20° 55' 33"	106° 20' 42"	F-48-81-A-b
thôn Ngọc Mai	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bình Giang	20° 55' 19"	106° 09' 20"					F-48-81-A-b
thôn Phương Độ	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bình Giang	20° 55' 24"	106° 09' 43"					F-48-81-A-b
thôn Quán Gỏi	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bình Giang	20° 55' 32"	106° 09' 10"					F-48-81-A-b
thôn Thượng Khuông	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bình Giang	20° 55' 44"	106° 09' 07"					F-48-81-A-b
cầu vượt Quán Gỏi	KX	xã Hưng Thịnh	H. Bình Giang	20° 55' 27"	106° 09' 02"					F-48-81-A-b
Quốc lộ 5	KX	xã Hưng Thịnh	H. Bình Giang			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-81-A-b
Quốc lộ 38	KX	xã Hưng Thịnh	H. Bình Giang			20° 59' 43"	106° 07' 45"	20° 53' 40"	106° 08' 14"	F-48-81-A-b
sông Kẻ Sặt	TV	xã Hưng Thịnh	H. Bình Giang			20° 53' 42"	106° 08' 13"	20° 55' 33"	106° 20' 42"	F-48-81-A-b
thôn Bá Đoạt	DC	xã Long Xuyên	H. Bình Giang	20° 52' 57"	106° 14' 27"					F-48-81-A-b
thôn Bá Thủy	DC	xã Long Xuyên	H. Bình Giang	20° 53' 53"	106° 14' 21"					F-48-81-A-b
Thôn Cậy	DC	xã Long Xuyên	H. Bình Giang	20° 54' 13"	106° 13' 34"					F-48-81-A-b
thôn Hợp Lễ	DC	xã Long Xuyên	H. Bình Giang	20° 53' 17"	106° 14' 18"					F-48-81-A-b
Trại Cậy	DC	xã Long Xuyên	H. Bình Giang	20° 53' 39"	106° 13' 56"					F-48-81-A-b
Cầu Cậy	KX	xã Long Xuyên	H. Bình Giang	20° 54' 21"	106° 13' 46"					F-48-81-A-b
Chùa Cậy	KX	xã Long Xuyên	H. Bình Giang	20° 54' 10"	106° 13' 33"					F-48-81-A-b
Đền Cậy	KX	xã Long Xuyên	H. Bình Giang	20° 54' 10"	106° 13' 34"					F-48-81-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 394	KX	xã Long Xuyên	H. Bình Giang			20° 51' 29"	106° 08' 22"	20° 58' 37"	106° 14' 47"	F-48-81-A-b
Đường tỉnh 395	KX	xã Long Xuyên	H. Bình Giang			20° 54' 29"	106° 08' 55"	20° 53' 26"	106° 21' 12"	F-48-81-A-b
sông Đĩnh Đào	TV	xã Long Xuyên	H. Bình Giang			20° 54' 02"	106° 14' 21"	20° 49' 23"	106° 22' 03"	F-48-81-A-b
sông Kẻ Sặt	TV	xã Long Xuyên	H. Bình Giang			20° 53' 42"	106° 08' 13"	20° 55' 33"	106° 20' 42"	F-48-81-A-b
thôn Bùi Xá	DC	xã Nhân Quyền	H. Bình Giang	20° 51' 11"	106° 13' 01"					F-48-81-A-d
thôn Dương Xá	DC	xã Nhân Quyền	H. Bình Giang	20° 51' 27"	106° 12' 46"					F-48-81-A-d
thôn Đan Loan	DC	xã Nhân Quyền	H. Bình Giang	20° 51' 17"	106° 12' 23"					F-48-81-A-d
thôn Hòa Loan	DC	xã Nhân Quyền	H. Bình Giang	20° 50' 56"	106° 12' 28"					F-48-81-A-d
chùa Dương Xá	KX	xã Nhân Quyền	H. Bình Giang	20° 51' 27"	106° 12' 42"					F-48-81-A-d
đình Bùi Xá	KX	xã Nhân Quyền	H. Bình Giang	20° 51' 18"	106° 12' 57"					F-48-81-A-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Nhân Quyền	H. Bình Giang			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-A-d
Đường tỉnh 392	KX	xã Nhân Quyền	H. Bình Giang			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-A-d
miếu Đan Loan	KX	xã Nhân Quyền	H. Bình Giang	20° 51' 24"	106° 12' 24"					F-48-81-A-d
mộ Phạm Đình Hổ	KX	xã Nhân Quyền	H. Bình Giang	20° 51' 23"	106° 12' 23"					F-48-81-A-d
thôn Mộ Trạch	DC	xã Tân Hồng	H. Bình Giang	20° 51' 57"	106° 10' 00"					F-48-81-A-d
thôn My Cầu	DC	xã Tân Hồng	H. Bình Giang	20° 53' 30"	106° 09' 45"					F-48-81-A-b
thôn Trạch Xá	DC	xã Tân Hồng	H. Bình Giang	20° 52' 39"	106° 10' 33"					F-48-81-A-b; F-48-82-A-d
thôn Tuyển Cử	DC	xã Tân Hồng	H. Bình Giang	20° 52' 52"	106° 10' 16"					F-48-81-A-b
đình Mộ Trạch	KX	xã Tân Hồng	H. Bình Giang	20° 51' 59"	106° 09' 55"					F-48-81-A-d
đình Trạch Xá	KX	xã Tân Hồng	H. Bình Giang	20° 52' 34"	106° 10' 31"					F-48-81-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Tân Hồng	H. Bình Giang			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-A-d
Đường tỉnh 392	KX	xã Tân Hồng	H. Bình Giang			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-A-b
Đường tỉnh 394	KX	xã Tân Hồng	H. Bình Giang			20° 51' 29"	106° 08' 22"	20° 58' 37"	106° 14' 47"	F-48-81-A-b
miếu Mộ Trạch	KX	xã Tân Hồng	H. Bình Giang	20° 52' 02"	106° 10' 01"					F-48-81-A-d
thôn Bằng Giã	DC	xã Tân Việt	H. Bình Giang	20° 53' 13"	106° 12' 47"					F-48-81-A-b
thôn Bình An	DC	xã Tân Việt	H. Bình Giang	20° 53' 07"	106° 11' 25"					F-48-81-A-b
thôn Lý Đỏ	DC	xã Tân Việt	H. Bình Giang	20° 53' 46"	106° 12' 13"					F-48-81-A-b
thôn Tân Hưng	DC	xã Tân Việt	H. Bình Giang	20° 53' 09"	106° 12' 25"					F-48-81-A-b
đình Lý Đỏ	KX	xã Tân Việt	H. Bình Giang	20° 53' 44"	106° 12' 11"					F-48-81-A-b
Đường tỉnh 392	KX	xã Tân Việt	H. Bình Giang			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-A-b
Đường tỉnh 394	KX	xã Tân Việt	H. Bình Giang			20° 51' 29"	106° 08' 22"	20° 58' 37"	106° 14' 47"	F-48-81-A-b
Đường tỉnh 395	KX	xã Tân Việt	H. Bình Giang			20° 54' 29"	106° 08' 55"	20° 53' 26"	106° 21' 12"	F-48-81-A-b
thôn Ấp Hà Tiên	DC	xã Thái Dương	H. Bình Giang	20° 50' 58"	106° 07' 57"					F-48-81-A-d
thôn Ấp Kinh Dương	DC	xã Thái Dương	H. Bình Giang	20° 49' 50"	106° 08' 19"					F-48-81-A-d
thôn Hà Đông	DC	xã Thái Dương	H. Bình Giang	20° 51' 05"	106° 08' 42"					F-48-81-A-d
thôn Hà Tiên	DC	xã Thái Dương	H. Bình Giang	20° 50' 48"	106° 08' 19"					F-48-81-A-d
thôn Hoàng Sơn	DC	xã Thái Dương	H. Bình Giang	20° 51' 29"	106° 08' 37"					F-48-81-A-d
thôn Kinh Dương	DC	xã Thái Dương	H. Bình Giang	20° 50' 06"	106° 08' 28"					F-48-81-A-d
thôn Kinh Trang	DC	xã Thái Dương	H. Bình Giang	20° 50' 07"	106° 08' 01"					F-48-81-A-d
thôn Thái Khương	DC	xã Thái Dương	H. Bình Giang	20° 50' 20"	106° 08' 11"					F-48-81-A-d
đình Hoàng Sơn	KX	xã Thái Dương	H. Bình Giang	20° 51' 29"	106° 08' 38"					F-48-81-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Thái Dương	H. Bình Giang			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-A-d
Đường tỉnh 394	KX	xã Thái Dương	H. Bình Giang			20° 51' 29"	106° 08' 22"	20° 58' 37"	106° 14' 47"	F-48-81-A-d
sông Cửu An	TV	xã Thái Dương	H. Bình Giang			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-A-d
thôn An Đông	DC	xã Thái Hòa	H. Bình Giang	20° 50' 50"	106° 10' 23"					F-48-81-A-d
thôn Cao Xá	DC	xã Thái Hòa	H. Bình Giang	20° 50' 14"	106° 09' 27"					F-48-81-A-d
thôn Nhữ Thị	DC	xã Thái Hòa	H. Bình Giang	20° 50' 57"	106° 10' 02"					F-48-81-A-d
thôn Trâm Giữa	DC	xã Thái Hòa	H. Bình Giang	20° 50' 44"	106° 08' 54"					F-48-81-A-d
thôn Trâm Mòi	DC	xã Thái Hòa	H. Bình Giang	20° 50' 53"	106° 09' 13"					F-48-81-A-d
thôn Trâm Phúc	DC	xã Thái Hòa	H. Bình Giang	20° 50' 37"	106° 08' 34"					F-48-81-A-d
chùa Trâm Khê	KX	xã Thái Hòa	H. Bình Giang	20° 50' 38"	106° 08' 48"					F-48-81-A-d
đình An Đông	KX	xã Thái Hòa	H. Bình Giang	20° 50' 52"	106° 10' 16"					F-48-81-A-d
đình Cao Xá	KX	xã Thái Hòa	H. Bình Giang	20° 50' 10"	106° 09' 30"					F-48-81-A-d
đình Nhữ Thị	KX	xã Thái Hòa	H. Bình Giang	20° 51' 04"	106° 09' 56"					F-48-81-A-d
đình Trâm Mòi	KX	xã Thái Hòa	H. Bình Giang	20° 50' 49"	106° 09' 06"					F-48-81-A-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Thái Hòa	H. Bình Giang			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-A-d
thôn Phú Khê	DC	xã Thái Học	H. Bình Giang	20° 52' 16"	106° 12' 21"					F-48-81-A-d
Thôn Phủ	DC	xã Thái Học	H. Bình Giang	20° 52' 17"	106° 11' 42"					F-48-81-A-d
thôn Sồi Cầu	DC	xã Thái Học	H. Bình Giang	20° 51' 55"	106° 12' 03"					F-48-81-A-d
thôn Sồi Tó	DC	xã Thái Học	H. Bình Giang	20° 51' 31"	106° 11' 53"					F-48-81-A-d
Thôn Vạc	DC	xã Thái Học	H. Bình Giang	20° 51' 59"	106° 11' 31"					F-48-81-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Phú Khê	KX	xã Thái Học	H. Bình Giang	20° 52' 00"	106° 12' 32"					F-48-81-A-d
Cầu Phủ	KX	xã Thái Học	H. Bình Giang	20° 52' 20"	106° 11' 47"					F-48-81-A-d
cầu Thái Quyền	KX	xã Thái Học	H. Bình Giang	20° 51' 27"	106° 12' 07"					F-48-81-A-d
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Thái Học	H. Bình Giang			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-A-d
Đường tỉnh 392	KX	xã Thái Học	H. Bình Giang			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-A-d
Đường tỉnh 394	KX	xã Thái Học	H. Bình Giang			20° 51' 29"	106° 08' 22"	20° 58' 37"	106° 14' 47"	F-48-81-A-d
nhà thờ họ Nhữ	KX	xã Thái Học	H. Bình Giang	20° 51' 32"	106° 12' 01"					F-48-81-A-d
thôn Châu Khê	DC	xã Thúc Kháng	H. Bình Giang	20° 53' 33"	106° 08' 44"					F-48-81-A-b
thôn Lương Ngọc	DC	xã Thúc Kháng	H. Bình Giang	20° 52' 51"	106° 08' 51"					F-48-81-A-b
thôn Ngọc Cục	DC	xã Thúc Kháng	H. Bình Giang	20° 52' 17"	106° 08' 51"					F-48-81-A-d
thôn Ngọc Tân	DC	xã Thúc Kháng	H. Bình Giang	20° 51' 35"	106° 09' 09"					F-48-81-A-d
thôn Tào Khê	DC	xã Thúc Kháng	H. Bình Giang	20° 52' 07"	106° 08' 30"					F-48-81-A-d
thôn Tranh Ngoài	DC	xã Thúc Kháng	H. Bình Giang	20° 53' 49"	106° 08' 17"					F-48-81-A-b
thôn Tranh Trong	DC	xã Thúc Kháng	H. Bình Giang	20° 53' 38"	106° 08' 31"					F-48-81-A-b
cầu Tranh I	KX	xã Thúc Kháng	H. Bình Giang	20° 53' 40"	106° 08' 14"					F-48-81-A-b
chùa Châu Khê	KX	xã Thúc Kháng	H. Bình Giang	20° 53' 23"	106° 08' 45"					F-48-81-A-b
chùa Lương Ngọc	KX	xã Thúc Kháng	H. Bình Giang	20° 52' 54"	106° 08' 49"					F-48-81-A-b
đình Châu Khê	KX	xã Thúc Kháng	H. Bình Giang	20° 53' 35"	106° 08' 44"					F-48-81-A-b
đình Lương Ngọc	KX	xã Thúc Kháng	H. Bình Giang	20° 52' 53"	106° 09' 01"					F-48-81-A-b
đình Ngọc Cục	KX	xã Thúc Kháng	H. Bình Giang	20° 52' 13"	106° 08' 53"					F-48-81-A-d
đình Tào Khê	KX	xã Thúc Kháng	H. Bình Giang	20° 52' 12"	106° 08' 36"					F-48-81-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Tranh Ngoài	KX	xã Thúc Kháng	H. Bình Giang	20° 53' 47"	106° 08' 16"					F-48-81-A-b
Đường tỉnh 394	KX	xã Thúc Kháng	H. Bình Giang			20° 51' 29"	106° 08' 22"	20° 58' 37"	106° 14' 47"	F-48-81-A-d
Quốc lộ 38	KX	xã Thúc Kháng	H. Bình Giang			20° 59' 43"	106° 07' 45"	20° 53' 40"	106° 08' 14"	F-48-81-A-b
sông Cửu An	TV	xã Thúc Kháng	H. Bình Giang			20° 49' 47"	106° 07' 24"	20° 46' 15"	106° 24' 12"	F-48-81-A-b; F-48-81-A-d
sông Kẻ Sặt	TV	xã Thúc Kháng	H. Bình Giang			20° 53' 42"	106° 08' 13"	20° 55' 33"	106° 20' 42"	F-48-81-A-b
Khu Hạ	DC	xã Tráng Liệt	H. Bình Giang	20° 54' 25"	106° 08' 28"					F-48-81-A-b
Khu Thượng	DC	xã Tráng Liệt	H. Bình Giang	20° 54' 14"	106° 08' 45"					F-48-81-A-b
Khu Trung	DC	xã Tráng Liệt	H. Bình Giang	20° 54' 17"	106° 08' 32"					F-48-81-A-b
Đường tỉnh 392	KX	xã Tráng Liệt	H. Bình Giang			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-A-b
Đường tỉnh 395	KX	xã Tráng Liệt	H. Bình Giang			20° 54' 29"	106° 08' 55"	20° 53' 26"	106° 21' 12"	F-48-81-A-b
Quốc lộ 38	KX	xã Tráng Liệt	H. Bình Giang			20° 59' 43"	106° 07' 45"	20° 53' 40"	106° 08' 14"	F-48-81-A-b
sông Kẻ Sặt	TV	xã Tráng Liệt	H. Bình Giang			20° 53' 42"	106° 08' 13"	20° 55' 33"	106° 20' 42"	F-48-81-A-b
thôn Bằng Trai	DC	xã Vĩnh Hồng	H. Bình Giang	20° 54' 38"	106° 10' 35"					F-48-81-A-b
thôn Đỗ Xá	DC	xã Vĩnh Hồng	H. Bình Giang	20° 54' 54"	106° 10' 49"					F-48-81-A-b
thôn Lý Dương	DC	xã Vĩnh Hồng	H. Bình Giang	20° 53' 52"	106° 11' 12"					F-48-81-A-b
thôn Lý Đông	DC	xã Vĩnh Hồng	H. Bình Giang	20° 54' 26"	106° 11' 03"					F-48-81-A-b
thôn Me Vàng	DC	xã Vĩnh Hồng	H. Bình Giang	20° 53' 55"	106° 10' 55"					F-48-81-A-b
thôn My Khê	DC	xã Vĩnh Hồng	H. Bình Giang	20° 54' 23"	106° 09' 56"					F-48-81-A-b
thôn My Thữ	DC	xã Vĩnh Hồng	H. Bình Giang	20° 54' 16"	106° 10' 07"					F-48-81-A-b
thôn Phục Lễ	DC	xã Vĩnh Hồng	H. Bình Giang	20° 54' 10"	106° 10' 33"					F-48-81-A-b
thôn Phụng Viện	DC	xã Vĩnh Hồng	H. Bình Giang	20° 54' 05"	106° 10' 38"					F-48-81-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Bằng Trai	KX	xã Vĩnh Hồng	H. Bình Giang	20° 54' 42"	106° 10' 43"					F-48-81-A-b
đình My Khê	KX	xã Vĩnh Hồng	H. Bình Giang	20° 54' 25"	106° 09' 49"					F-48-81-A-b
đình Phục Lễ	KX	xã Vĩnh Hồng	H. Bình Giang	20° 54' 12"	106° 10' 29"					F-48-81-A-b
Đường tỉnh 392	KX	xã Vĩnh Hồng	H. Bình Giang			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-A-b
Đường tỉnh 395	KX	xã Vĩnh Hồng	H. Bình Giang			20° 54' 29"	106° 08' 55"	20° 53' 26"	106° 21' 12"	F-48-81-A-b
thôn Hồ Liễn	DC	xã Vĩnh Tuy	H. Bình Giang	20° 55' 12"	106° 10' 53"					F-48-81-A-b
Thôn Lại	DC	xã Vĩnh Tuy	H. Bình Giang	20° 55' 11"	106° 09' 57"					F-48-81-A-b
Thôn Mòi	DC	xã Vĩnh Tuy	H. Bình Giang	20° 55' 06"	106° 10' 21"					F-48-81-A-b
thôn Vĩnh Lại	DC	xã Vĩnh Tuy	H. Bình Giang	20° 54' 55"	106° 09' 15"					F-48-81-A-b
Cầu Sặt	KX	xã Vĩnh Tuy	H. Bình Giang	20° 54' 58"	106° 08' 54"					F-48-81-A-b
Đường tỉnh 395	KX	xã Vĩnh Tuy	H. Bình Giang			20° 54' 29"	106° 08' 55"	20° 53' 26"	106° 21' 12"	F-48-81-A-b
Quốc lộ 38	KX	xã Vĩnh Tuy	H. Bình Giang			20° 59' 43"	106° 07' 45"	20° 53' 40"	106° 08' 14"	F-48-81-A-b
sông Kẻ Sặt	TV	xã Vĩnh Tuy	H. Bình Giang			20° 53' 42"	106° 08' 13"	20° 55' 33"	106° 20' 42"	F-48-81-A-b
Khu 1	DC	TT. Cẩm Giàng	H. Cẩm Giàng	20° 58' 10"	106° 10' 08"					F-48-81-A-b
Khu 2	DC	TT. Cẩm Giàng	H. Cẩm Giàng	20° 58' 09"	106° 10' 14"					F-48-81-A-b
Khu 3	DC	TT. Cẩm Giàng	H. Cẩm Giàng	20° 58' 09"	106° 10' 24"					F-48-81-A-b
Khu 4	DC	TT. Cẩm Giàng	H. Cẩm Giàng	20° 58' 12"	106° 10' 20"					F-48-81-A-b
Đường huyện 5B	KX	TT. Cẩm Giàng	H. Cẩm Giàng			20° 58' 07"	106° 09' 55"	20° 58' 57"	106° 16' 02"	F-48-81-A-b
ga Cẩm Giàng	KX	TT. Cẩm Giàng	H. Cẩm Giàng	20° 58' 03"	106° 10' 13"					F-48-81-A-b
Sông Bùi	TV	TT. Cẩm Giàng	H. Cẩm Giàng			20° 58' 13"	106° 09' 56"	20° 59' 48"	106° 13' 07"	F-48-81-A-b
sông Cẩm Giàng	TV	TT. Cẩm Giàng	H. Cẩm Giàng			20° 58' 15"	106° 07' 55"	20° 55' 24"	106° 12' 13"	F-48-81-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu 14	DC	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng	20° 55' 38"	106° 14' 39"					F-48-81-A-b
Khu 15	DC	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng	20° 56' 03"	106° 14' 51"					F-48-81-A-b
Khu 16	DC	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng	20° 56' 05"	106° 14' 44"					F-48-81-A-b
Khu 17	DC	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng	20° 56' 11"	106° 14' 28"					F-48-81-A-b
Khu 18	DC	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng	20° 56' 12"	106° 14' 53"					F-48-81-A-b
Khu 19	DC	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng	20° 56' 08"	106° 15' 12"					F-48-81-B-a
Khu 20	DC	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng	20° 56' 12"	106° 16' 00"					F-48-81-B-a
Thôn Bầu	DC	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng	20° 56' 20"	106° 14' 28"					F-48-81-A-b
Thôn Bễ	DC	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng	20° 56' 20"	106° 14' 19"					F-48-81-A-b
Thôn Doi	DC	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng	20° 56' 20"	106° 14' 42"					F-48-81-A-b
Thôn Đìa	DC	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng	20° 55' 55"	106° 14' 05"					F-48-81-A-b
Thôn Gạch	DC	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng	20° 56' 10"	106° 14' 47"					F-48-81-A-b
thôn Hoàng Đường	DC	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng	20° 56' 07"	106° 15' 29"					F-48-81-B-a
Thôn Lẻ	DC	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng	20° 56' 29"	106° 14' 45"					F-48-81-A-b
Thôn Năm	DC	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng	20° 56' 06"	106° 14' 13"					F-48-81-A-b
Thôn Nghĩa	DC	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng	20° 56' 33"	106° 14' 51"					F-48-81-B-a
Thôn Ngọ	DC	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng	20° 55' 48"	106° 14' 45"					F-48-81-A-b
Thôn Tiền	DC	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng	20° 56' 13"	106° 16' 09"					F-48-81-B-a
Thôn Trằm	DC	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng	20° 56' 30"	106° 16' 30"					F-48-81-B-a
Thôn Trụ	DC	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng	20° 56' 18"	106° 16' 17"					F-48-81-B-a
Đường huyện 194B	KX	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng			20° 56' 05"	106° 15' 59"	20° 59' 20"	106° 15' 49"	F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 394	KX	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng			20° 51' 29"	106° 08' 22"	20° 58' 37"	106° 14' 47"	F-48-81-A-b
Quốc lộ 5	KX	TT. Lai Cách	H. Cẩm Giàng			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-81-A-b; F-48-81-B-a
thôn Cao Xá	DC	xã Cao An	H. Cẩm Giàng	20° 56' 41"	106° 15' 56"					F-48-81-B-a
thôn Đào Xá	DC	xã Cao An	H. Cẩm Giàng	20° 57' 04"	106° 15' 27"					F-48-81-B-a
thôn Đỗ Xá	DC	xã Cao An	H. Cẩm Giàng	20° 56' 53"	106° 16' 09"					F-48-81-B-a
thôn Phú An	DC	xã Cao An	H. Cẩm Giàng	20° 57' 16"	106° 14' 54"					F-48-81-A-b
thôn Trung Nghĩa	DC	xã Cao An	H. Cẩm Giàng	20° 56' 50"	106° 16' 26"					F-48-81-B-a
chùa Cao Xá	KX	xã Cao An	H. Cẩm Giàng	20° 56' 42"	106° 15' 49"					F-48-81-B-a
đình Cao Xá	KX	xã Cao An	H. Cẩm Giàng	20° 56' 42"	106° 15' 46"					F-48-81-B-a
Đường huyện 194B	KX	xã Cao An	H. Cẩm Giàng			20° 56' 05"	106° 15' 59"	20° 59' 20"	106° 15' 49"	F-48-81-B-a
Đường tỉnh 394	KX	xã Cao An	H. Cẩm Giàng			20° 51' 29"	106° 08' 22"	20° 58' 37"	106° 14' 47"	F-48-81-A-b
thôn Hoàng Xá	DC	xã Cẩm Điền	H. Cẩm Giàng	20° 55' 42"	106° 10' 46"					F-48-81-A-b
thôn Hòa Tô	DC	xã Cẩm Điền	H. Cẩm Giàng	20° 55' 31"	106° 10' 20"					F-48-81-A-b
thôn Mậu Tài	DC	xã Cẩm Điền	H. Cẩm Giàng	20° 56' 02"	106° 10' 48"					F-48-81-A-b
Cầu Dừa	KX	xã Cẩm Điền	H. Cẩm Giàng	20° 55' 57"	106° 10' 58"					F-48-81-A-b
Khu công nghiệp Phúc Điền	KX	xã Cẩm Điền	H. Cẩm Giàng	20° 55' 52"	106° 11' 22"					F-48-81-A-b
Quốc lộ 5	KX	xã Cẩm Điền	H. Cẩm Giàng			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-81-A-b
văn miếu Mao Điền	KX	xã Cẩm Điền	H. Cẩm Giàng	20° 56' 10"	106° 11' 03"					F-48-81-A-b
sông Kẻ Sặt	TV	xã Cẩm Điền	H. Cẩm Giàng			20° 53' 42"	106° 08' 13"	20° 55' 33"	106° 20' 42"	F-48-81-A-b
thôn An Điềm A	DC	xã Cẩm Định	H. Cẩm Giàng	20° 57' 38"	106° 13' 50"					F-48-81-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Điềm B	DC	xã Cẩm Định	H. Cẩm Giàng	20° 57' 43"	106° 14' 02"					F-48-81-A-b
thôn An Tân	DC	xã Cẩm Định	H. Cẩm Giàng	20° 58' 04"	106° 14' 12"					F-48-81-A-b
thôn Bằng Quân	DC	xã Cẩm Định	H. Cẩm Giàng	20° 58' 09"	106° 13' 33"					F-48-81-A-b
thôn Đức Trạch	DC	xã Cẩm Định	H. Cẩm Giàng	20° 57' 43"	106° 14' 20"					F-48-81-A-b
thôn Phú Quân	DC	xã Cẩm Định	H. Cẩm Giàng	20° 58' 11"	106° 13' 19"					F-48-81-A-b
thôn Tân An	DC	xã Cẩm Định	H. Cẩm Giàng	20° 57' 32"	106° 13' 59"					F-48-81-A-b
Đường huyện 5B	KX	xã Cẩm Định	H. Cẩm Giàng			20° 58' 07"	106° 09' 55"	20° 58' 57"	106° 16' 02"	F-48-81-A-b
thôn Ha Xá	DC	xã Cẩm Đoài	H. Cẩm Giàng	20° 54' 39"	106° 14' 57"					F-48-81-A-b; F-48-81-B-a
thôn Hòa Bình	DC	xã Cẩm Đoài	H. Cẩm Giàng	20° 54' 41"	106° 14' 21"					F-48-81-A-b
thôn Kim Xá	DC	xã Cẩm Đoài	H. Cẩm Giàng	20° 55' 13"	106° 15' 37"					F-48-81-B-a
thôn Quảng Cư	DC	xã Cẩm Đoài	H. Cẩm Giàng	20° 55' 03"	106° 14' 52"					F-48-81-A-b; F-48-81-B-a
sông Kẻ Sặt	TV	xã Cẩm Đoài	H. Cẩm Giàng			20° 53' 42"	106° 08' 13"	20° 55' 33"	106° 20' 42"	F-48-81-A-b; F-48-81-B-a
thôn An Lại	DC	xã Cẩm Đông	H. Cẩm Giàng	20° 54' 31"	106° 13' 41"					F-48-81-A-b
thôn Tỉnh Cách	DC	xã Cẩm Đông	H. Cẩm Giàng	20° 54' 47"	106° 13' 18"					F-48-81-A-b
thôn Vĩnh Lại	DC	xã Cẩm Đông	H. Cẩm Giàng	20° 55' 16"	106° 13' 09"					F-48-81-A-b
Thôn Chùa	DC	xã Cẩm Đông	H. Cẩm Giàng	20° 55' 21"	106° 14' 09"					F-48-81-A-b
Thôn Một	DC	xã Cẩm Đông	H. Cẩm Giàng	20° 55' 12"	106° 13' 42"					F-48-81-A-b
Thôn Thượng	DC	xã Cẩm Đông	H. Cẩm Giàng	20° 55' 43"	106° 14' 08"					F-48-81-A-b
Thôn Tràng	DC	xã Cẩm Đông	H. Cẩm Giàng	20° 55' 22"	106° 13' 48"					F-48-81-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Trung	DC	xã Cẩm Đông	H. Cẩm Giàng	20° 54' 56"	106° 13' 02"					F-48-81-A-b
Cầu Cậy	KX	xã Cẩm Đông	H. Cẩm Giàng	20° 54' 21"	106° 13' 46"					F-48-81-A-b
Chùa Một	KX	xã Cẩm Đông	H. Cẩm Giàng	20° 55' 15"	106° 13' 39"					F-48-81-A-b
Đường tỉnh 394	KX	xã Cẩm Đông	H. Cẩm Giàng			20° 51' 29"	106° 08' 22"	20° 58' 37"	106° 14' 47"	F-48-81-A-b
Khu công nghiệp Tân Trường	KX	xã Cẩm Đông	H. Cẩm Giàng	20° 55' 57"	106° 13' 30"					F-48-81-A-b
sông Kẻ Sặt	TV	xã Cẩm Đông	H. Cẩm Giàng			20° 53' 42"	106° 08' 13"	20° 55' 33"	106° 20' 42"	F-48-81-A-b
Thôn 19/5	DC	xã Cẩm Hoàng	H. Cẩm Giàng	20° 58' 11"	106° 12' 29"					F-48-81-A-b
thôn Kim Đôi	DC	xã Cẩm Hoàng	H. Cẩm Giàng	20° 59' 10"	106° 12' 54"					F-48-81-A-b
thôn Ngọc Lâu	DC	xã Cẩm Hoàng	H. Cẩm Giàng	20° 58' 42"	106° 13' 02"					F-48-81-A-b
thôn Phí Xá	DC	xã Cẩm Hoàng	H. Cẩm Giàng	20° 58' 27"	106° 13' 51"					F-48-81-A-b
thôn Phượng Hoàng	DC	xã Cẩm Hoàng	H. Cẩm Giàng	20° 59' 29"	106° 13' 57"					F-48-81-A-b
thôn Quý Khê	DC	xã Cẩm Hoàng	H. Cẩm Giàng	20° 58' 24"	106° 13' 21"					F-48-81-A-b
Đường huyện 5B	KX	xã Cẩm Hoàng	H. Cẩm Giàng			20° 58' 07"	106° 09' 55"	20° 58' 57"	106° 16' 02"	F-48-81-A-b
Sông Bùi	TV	xã Cẩm Hoàng	H. Cẩm Giàng			20° 58' 13"	106° 09' 56"	20° 59' 48"	106° 13' 07"	F-48-81-A-b
thôn Đông Đô	DC	xã Cẩm Hưng	H. Cẩm Giàng	20° 59' 14"	106° 07' 57"					F-48-81-A-b
thôn Đồng Quan	DC	xã Cẩm Hưng	H. Cẩm Giàng	20° 59' 21"	106° 08' 03"					F-48-81-A-b
thôn Đồng Xuyên	DC	xã Cẩm Hưng	H. Cẩm Giàng	20° 59' 07"	106° 08' 58"					F-48-81-A-b
thôn Đức Tinh	DC	xã Cẩm Hưng	H. Cẩm Giàng	20° 59' 05"	106° 08' 01"					F-48-81-A-b
thôn Hộ Vệ	DC	xã Cẩm Hưng	H. Cẩm Giàng	20° 59' 09"	106° 08' 44"					F-48-81-A-b
thôn Hỷ Duyệt	DC	xã Cẩm Hưng	H. Cẩm Giàng	20° 59' 08"	106° 08' 14"					F-48-81-A-b
thôn Mậu Duyệt	DC	xã Cẩm Hưng	H. Cẩm Giàng	20° 58' 45"	106° 09' 36"					F-48-81-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Mậu Tân	DC	xã Cẩm Hưng	H. Cẩm Giàng	20° 59' 55"	106° 08' 07"					F-48-81-A-b
Cầu Đô	KX	xã Cẩm Hưng	H. Cẩm Giàng	20° 59' 34"	106° 07' 52"					F-48-81-A-b
Cầu Guột	KX	xã Cẩm Hưng	H. Cẩm Giàng	20° 58' 53"	106° 08' 20"					F-48-81-A-b
Quốc lộ 38	KX	xã Cẩm Hưng	H. Cẩm Giàng			20° 59' 43"	106° 07' 45"	20° 53' 40"	106° 08' 14"	F-48-81-A-b
sông Cẩm Giàng	TV	xã Cẩm Hưng	H. Cẩm Giàng			20° 58' 15"	106° 07' 55"	20° 55' 24"	106° 12' 13"	F-48-81-A-b
thôn Cờ Đỏ	DC	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Giàng	20° 56' 09"	106° 11' 52"					F-48-81-A-b
thôn Lê Xá	DC	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Giàng	20° 56' 15"	106° 11' 23"					F-48-81-A-b
thôn Phúc A	DC	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Giàng	20° 56' 47"	106° 11' 42"					F-48-81-A-b
thôn Phúc B	DC	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Giàng	20° 56' 33"	106° 11' 56"					F-48-81-A-b
thôn Phúc Cầu	DC	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Giàng	20° 56' 01"	106° 12' 16"					F-48-81-A-b
thôn Tân Hòa	DC	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Giàng	20° 55' 35"	106° 11' 54"					F-48-81-A-b
thôn Vũ Xá	DC	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Giàng	20° 56' 44"	106° 11' 23"					F-48-81-A-b
xóm Chùa Vít	DC	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Giàng	20° 56' 17"	106° 12' 09"					F-48-81-A-b
chùa Phúc A	KX	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Giàng	20° 56' 41"	106° 11' 35"					F-48-81-A-b
Cầu Ghẽ	KX	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Giàng	20° 56' 21"	106° 12' 33"					F-48-81-A-b
đình Lê Xá	KX	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Giàng	20° 56' 21"	106° 11' 25"					F-48-81-A-b
Khu công nghiệp Phúc Điền	KX	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Giàng	20° 55' 52"	106° 11' 22"					F-48-81-A-b
Quốc lộ 5	KX	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Giàng			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-81-A-b
sông Cẩm Giàng	TV	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Giàng			20° 58' 15"	106° 07' 55"	20° 55' 24"	106° 12' 13"	F-48-81-A-b
sông Kẻ Sặt	TV	xã Cẩm Phúc	H. Cẩm Giàng			20° 53' 42"	106° 08' 13"	20° 55' 33"	106° 20' 42"	F-48-81-A-b
Thôn 1	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Giàng	20° 58' 03"	106° 12' 36"					F-48-81-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 2	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Giàng	20° 58' 01"	106° 12' 33"					F-48-81-A-b
Thôn 3	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Giàng	20° 57' 54"	106° 12' 31"					F-48-81-A-b
Đường huyện 5B	KX	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Giàng			20° 58' 07"	106° 09' 55"	20° 58' 57"	106° 16' 02"	F-48-81-A-b
thôn Hoành Lộc	DC	xã Cẩm Văn	H. Cẩm Giàng	20° 59' 01"	106° 14' 33"					F-48-81-A-b
thôn Trạm Ngoại	DC	xã Cẩm Văn	H. Cẩm Giàng	20° 59' 38"	106° 14' 50"					F-48-81-A-b
thôn Trạm Nội	DC	xã Cẩm Văn	H. Cẩm Giàng	20° 59' 22"	106° 14' 58"					F-48-81-B-a
thôn Uyên Đức	DC	xã Cẩm Văn	H. Cẩm Giàng	20° 58' 50"	106° 15' 57"					F-48-81-B-a
thôn Văn Thai	DC	xã Cẩm Văn	H. Cẩm Giàng	20° 59' 15"	106° 15' 25"					F-48-81-B-a
Đền Bia	KX	xã Cẩm Văn	H. Cẩm Giàng	20° 58' 43"	106° 15' 06"					F-48-81-B-a
Đường huyện 5B	KX	xã Cẩm Văn	H. Cẩm Giàng			20° 58' 07"	106° 09' 55"	20° 58' 57"	106° 16' 02"	F-48-81-B-a
Đường huyện 194B	KX	xã Cẩm Văn	H. Cẩm Giàng			20° 56' 05"	106° 15' 59"	20° 59' 20"	106° 15' 49"	F-48-81-B-a
sông Thái Bình	TV	xã Cẩm Văn	H. Cẩm Giàng			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-a
thôn Hoàng Gia	DC	xã Cẩm Vũ	H. Cẩm Giàng	20° 58' 03"	106° 15' 19"					F-48-81-B-a
thôn Nghĩa Phú	DC	xã Cẩm Vũ	H. Cẩm Giàng	20° 58' 12"	106° 14' 43"					F-48-81-A-b
thôn Phú Lộc	DC	xã Cẩm Vũ	H. Cẩm Giàng	20° 58' 33"	106° 14' 35"					F-48-81-A-b
cầu Phú Lộc	KX	xã Cẩm Vũ	H. Cẩm Giàng	20° 58' 36"	106° 14' 48"					F-48-81-A-b
Đền Xưa	KX	xã Cẩm Vũ	H. Cẩm Giàng	20° 58' 19"	106° 14' 43"					F-48-81-A-b
Đường huyện 5B	KX	xã Cẩm Vũ	H. Cẩm Giàng			20° 58' 07"	106° 09' 55"	20° 58' 57"	106° 16' 02"	F-48-81-A-b; F-48-81-B-a
Đường tỉnh 394	KX	xã Cẩm Vũ	H. Cẩm Giàng			20° 51' 29"	106° 08' 22"	20° 58' 37"	106° 14' 47"	F-48-81-A-b
thôn An Lãng	DC	xã Đức Chính	H. Cẩm Giàng	20° 58' 21"	106° 16' 20"					F-48-81-B-a
thôn An Phú	DC	xã Đức Chính	H. Cẩm Giàng	20° 58' 04"	106° 16' 28"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Địch Tràng	DC	xã Đức Chính	H. Cẩm Giàng	20° 58' 22"	106° 15' 59"					F-48-81-B-a
thôn Hảo Hội	DC	xã Đức Chính	H. Cẩm Giàng	20° 57' 21"	106° 16' 46"					F-48-81-B-a
thôn Lôi Xá	DC	xã Đức Chính	H. Cẩm Giàng	20° 57' 35"	106° 16' 12"					F-48-81-B-a
thôn Tự Trung	DC	xã Đức Chính	H. Cẩm Giàng	20° 58' 32"	106° 16' 09"					F-48-81-B-a
thôn Xuân Đức	DC	xã Đức Chính	H. Cẩm Giàng	20° 57' 42"	106° 16' 47"					F-48-81-B-a
thôn Xuân Kiều	DC	xã Đức Chính	H. Cẩm Giàng	20° 57' 54"	106° 16' 35"					F-48-81-B-a
thôn Yển Vũ	DC	xã Đức Chính	H. Cẩm Giàng	20° 58' 43"	106° 15' 57"					F-48-81-B-a
chùa Đan Tràng	KX	xã Đức Chính	H. Cẩm Giàng	20° 58' 27"	106° 16' 14"					F-48-81-B-a
chùa Vũ Môn	KX	xã Đức Chính	H. Cẩm Giàng	20° 58' 38"	106° 15' 53"					F-48-81-B-a
Đường huyện 194B	KX	xã Đức Chính	H. Cẩm Giàng			20° 56' 05"	106° 15' 59"	20° 59' 20"	106° 15' 49"	F-48-81-B-a
sông Thái Bình	TV	xã Đức Chính	H. Cẩm Giàng			21° 07' 23"	106° 17' 51"	20° 52' 25"	106° 28' 16"	F-48-81-B-a
thôn Kim Quan	DC	xã Kim Giang	H. Cẩm Giàng	20° 57' 59"	106° 10' 06"					F-48-81-A-b
thôn La A	DC	xã Kim Giang	H. Cẩm Giàng	20° 57' 28"	106° 10' 34"					F-48-81-A-b
thôn La B	DC	xã Kim Giang	H. Cẩm Giàng	20° 57' 21"	106° 10' 50"					F-48-81-A-b
thôn Nguyên Khê	DC	xã Kim Giang	H. Cẩm Giàng	20° 57' 39"	106° 10' 11"					F-48-81-A-b
thôn Tràng Kênh	DC	xã Kim Giang	H. Cẩm Giàng	20° 57' 17"	106° 11' 31"					F-48-81-A-b
thôn Tú La	DC	xã Kim Giang	H. Cẩm Giàng	20° 57' 21"	106° 11' 02"					F-48-81-A-b
Đường huyện 5B	KX	xã Kim Giang	H. Cẩm Giàng			20° 58' 07"	106° 09' 55"	20° 58' 57"	106° 16' 02"	F-48-81-A-b
ga Cẩm Giàng	KX	xã Kim Giang	H. Cẩm Giàng	20° 58' 03"	106° 10' 13"					F-48-81-A-b
Sông Bùi	TV	xã Kim Giang	H. Cẩm Giàng			20° 58' 13"	106° 09' 56"	20° 59' 48"	106° 13' 07"	F-48-81-A-b
sông Cẩm Giàng	TV	xã Kim Giang	H. Cẩm Giàng			20° 58' 15"	106° 07' 55"	20° 55' 24"	106° 12' 13"	F-48-81-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Lại	DC	xã Lương Điền	H. Cẩm Giàng	20° 57' 44"	106° 09' 48"					F-48-81-A-b
thôn An Thái	DC	xã Lương Điền	H. Cẩm Giàng	20° 56' 36"	106° 10' 34"					F-48-81-A-b
thôn Bái Dương	DC	xã Lương Điền	H. Cẩm Giàng	20° 56' 24"	106° 10' 15"					F-48-81-A-b
thôn Bến Đông Giao	DC	xã Lương Điền	H. Cẩm Giàng	20° 56' 12"	106° 09' 28"					F-48-81-A-b
thôn Bình Long	DC	xã Lương Điền	H. Cẩm Giàng	20° 57' 29"	106° 09' 57"					F-48-81-A-b
thôn Bối Tượng	DC	xã Lương Điền	H. Cẩm Giàng	20° 57' 04"	106° 11' 10"					F-48-81-A-b
thôn Đông Giao	DC	xã Lương Điền	H. Cẩm Giàng	20° 56' 31"	106° 09' 22"					F-48-81-A-b
thôn Đồng Khê	DC	xã Lương Điền	H. Cẩm Giàng	20° 56' 52"	106° 10' 14"					F-48-81-A-b
thôn Lương Xá	DC	xã Lương Điền	H. Cẩm Giàng	20° 57' 08"	106° 10' 20"					F-48-81-A-b
thôn Mậu Thìn	DC	xã Lương Điền	H. Cẩm Giàng	20° 56' 26"	106° 10' 48"					F-48-81-A-b
thôn Thái Lai	DC	xã Lương Điền	H. Cẩm Giàng	20° 56' 00"	106° 09' 41"					F-48-81-A-b
Cầu Dốc	KX	xã Lương Điền	H. Cẩm Giàng	20° 57' 38"	106° 09' 57"					F-48-81-A-b
Quốc lộ 38	KX	xã Lương Điền	H. Cẩm Giàng			20° 59' 43"	106° 07' 45"	20° 53' 40"	106° 08' 14"	F-48-81-A-b
sông Cẩm Giàng	TV	xã Lương Điền	H. Cẩm Giàng			20° 58' 15"	106° 07' 55"	20° 55' 24"	106° 12' 13"	F-48-81-A-b
thôn Bình Phiên	DC	xã Ngọc Liên	H. Cẩm Giàng	20° 58' 00"	106° 09' 46"					F-48-81-A-b
thôn Cẩm Trục	DC	xã Ngọc Liên	H. Cẩm Giàng	20° 58' 21"	106° 08' 45"					F-48-81-A-b
thôn Mỹ Hảo	DC	xã Ngọc Liên	H. Cẩm Giàng	20° 58' 40"	106° 08' 26"					F-48-81-A-b
thôn Mỹ Vọng	DC	xã Ngọc Liên	H. Cẩm Giàng	20° 58' 48"	106° 08' 32"					F-48-81-A-b
thôn Nghĩa Trạch	DC	xã Ngọc Liên	H. Cẩm Giàng	20° 58' 20"	106° 09' 25"					F-48-81-A-b
thôn Ngọc Kha	DC	xã Ngọc Liên	H. Cẩm Giàng	20° 58' 48"	106° 08' 44"					F-48-81-A-b
thôn Ngọc Quyết	DC	xã Ngọc Liên	H. Cẩm Giàng	20° 58' 10"	106° 09' 26"					F-48-81-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Ngọc Trục	DC	xã Ngọc Liên	H. Cẩm Giàng	20° 58' 30"	106° 08' 37"					F-48-81-A-b
thôn Tế Bằng	DC	xã Ngọc Liên	H. Cẩm Giàng	20° 58' 17"	106° 09' 08"					F-48-81-A-b
thôn Thu Lãng	DC	xã Ngọc Liên	H. Cẩm Giàng	20° 58' 31"	106° 08' 50"					F-48-81-A-b
Cầu Guột	KX	xã Ngọc Liên	H. Cẩm Giàng	20° 58' 53"	106° 08' 20"					F-48-81-A-b
Đường huyện 5B	KX	xã Ngọc Liên	H. Cẩm Giàng			20° 58' 07"	106° 09' 55"	20° 58' 57"	106° 16' 02"	F-48-81-A-b
Quốc lộ 38	KX	xã Ngọc Liên	H. Cẩm Giàng			20° 59' 43"	106° 07' 45"	20° 53' 40"	106° 08' 14"	F-48-81-A-b
sông Cẩm Giàng	TV	xã Ngọc Liên	H. Cẩm Giàng			20° 58' 15"	106° 07' 55"	20° 55' 24"	106° 12' 13"	F-48-81-A-b
thôn Chi Khê	DC	xã Tân Trường	H. Cẩm Giàng	20° 56' 42"	106° 12' 38"					F-48-81-A-b
thôn Mai Trung	DC	xã Tân Trường	H. Cẩm Giàng	20° 56' 53"	106° 12' 04"					F-48-81-A-b
thôn Phiên Thành	DC	xã Tân Trường	H. Cẩm Giàng	20° 56' 40"	106° 12' 25"					F-48-81-A-b
thôn Phú Xá	DC	xã Tân Trường	H. Cẩm Giàng	20° 55' 44"	106° 13' 02"					F-48-81-A-b
thôn Quý Dương	DC	xã Tân Trường	H. Cẩm Giàng	20° 56' 20"	106° 13' 31"					F-48-81-A-b
thôn Tân Kỳ	DC	xã Tân Trường	H. Cẩm Giàng	20° 55' 46"	106° 12' 44"					F-48-81-A-b
thôn Trại Chi Khê	DC	xã Tân Trường	H. Cẩm Giàng	20° 56' 56"	106° 12' 44"					F-48-81-A-b
thôn Tràng Kỹ	DC	xã Tân Trường	H. Cẩm Giàng	20° 56' 06"	106° 12' 40"					F-48-81-A-b
trại Mai Trung	DC	xã Tân Trường	H. Cẩm Giàng	20° 57' 22"	106° 12' 22"					F-48-81-A-b
Cầu Ghẽ	KX	xã Tân Trường	H. Cẩm Giàng	20° 56' 21"	106° 12' 33"					F-48-81-A-b
đình Quý Dương	KX	xã Tân Trường	H. Cẩm Giàng	20° 56' 21"	106° 13' 45"					F-48-81-A-b
Khu công nghiệp Tân Trường	KX	xã Tân Trường	H. Cẩm Giàng	20° 55' 57"	106° 13' 30"					F-48-81-A-b
Nhà máy Hợp Thành	KX	xã Tân Trường	H. Cẩm Giàng	20° 56' 15"	106° 12' 56"					F-48-81-A-b
Quốc lộ 5	KX	xã Tân Trường	H. Cẩm Giàng			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-81-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cẩm Giàng	TV	xã Tân Trường	H. Cẩm Giàng			20° 58' 15"	106° 07' 55"	20° 55' 24"	106° 12' 13"	F-48-81-A-b
Trạm bơm Ghẽ	TV	xã Tân Trường	H. Cẩm Giàng	20° 56' 42"	106° 12' 47"					F-48-81-A-b
thôn Kinh Nguyên	DC	xã Thạch Lỗi	H. Cẩm Giàng	20° 57' 47"	106° 11' 31"					F-48-81-A-b
thôn Thạch Lỗi	DC	xã Thạch Lỗi	H. Cẩm Giàng	20° 58' 42"	106° 11' 16"					F-48-81-A-b
Thôn Lũng	DC	xã Thạch Lỗi	H. Cẩm Giàng	20° 58' 12"	106° 11' 32"					F-48-81-A-b
Thôn Thích	DC	xã Thạch Lỗi	H. Cẩm Giàng	20° 58' 19"	106° 11' 29"					F-48-81-A-b
Đường huyện 5B	KX	xã Thạch Lỗi	H. Cẩm Giàng			20° 58' 07"	106° 09' 55"	20° 58' 57"	106° 16' 02"	F-48-81-A-b
Sông Bùi	TV	xã Thạch Lỗi	H. Cẩm Giàng			20° 58' 13"	106° 09' 56"	20° 59' 48"	106° 13' 07"	F-48-81-A-b
khu dân cư Số 1	DC	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc	20° 52' 42"	106° 17' 39"					F-48-81-B-a
khu dân cư Số 2	DC	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc	20° 52' 26"	106° 17' 37"					F-48-81-B-c
khu dân cư Số 3	DC	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc	20° 52' 17"	106° 17' 41"					F-48-81-B-c
khu dân cư Số 4	DC	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc	20° 52' 12"	106° 17' 32"					F-48-81-B-c
khu dân cư Số 5	DC	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc	20° 52' 29"	106° 18' 00"					F-48-81-B-c
khu dân cư Số 6	DC	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc	20° 52' 15"	106° 18' 03"					F-48-81-B-c
khu dân cư Số 7	DC	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc	20° 52' 02"	106° 17' 50"					F-48-81-B-c
khu dân cư Số 8	DC	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc	20° 51' 51"	106° 17' 59"					F-48-81-B-c
cầu Bà Lộn	KX	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc	20° 52' 20"	106° 17' 28"					F-48-81-B-c
cầu Chùa So	KX	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc	20° 51' 57"	106° 17' 23"					F-48-81-B-c
cầu Thống Nhất	KX	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc	20° 51' 43"	106° 18' 05"					F-48-81-B-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Lê Thanh Nghị (Đường tỉnh 393)	KX	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc			20° 52' 10"	106° 17' 54"	20° 52' 01"	106° 17' 23"	F-48-81-B-c
đường Nguyễn Chế Nghĩa (Quốc lộ 37)	KX	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc			20° 52' 56"	106° 17' 39"	20° 51' 44"	106° 18' 05"	F-48-81-B-a; F-48-81-B-c
đường Yết Kiêu (Quốc lộ 38B)	KX	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc			20° 52' 56"	106° 17' 39"	20° 51' 57"	106° 17' 22"	F-48-81-B-a; F-48-81-B-c
Đường tỉnh 393	KX	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc			20° 47' 56"	106° 08' 24"	20° 52' 10"	106° 17' 54"	F-48-81-B-c
Đường tỉnh 395	KX	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc			20° 54' 29"	106° 08' 55"	20° 53' 26"	106° 21' 12"	F-48-81-B-c
Phố Cuối (Đường tỉnh 395)	KX	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc			20° 52' 20"	106° 17' 51"	20° 52' 20"	106° 18' 14"	F-48-81-B-c
Phố Giỗ (Đường tỉnh 395)	KX	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc			20° 52' 22"	106° 17' 29"	20° 52' 20"	106° 17' 51"	F-48-81-B-c
Quốc lộ 37	KX	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-a; F-48-81-B-c
Quốc lộ 38B	KX	TT. Gia Lộc	H. Gia Lộc			20° 59' 43"	106° 07' 45"	20° 53' 40"	106° 08' 14"	F-48-81-B-a; F-48-81-B-c
Thôn Cáy	DC	xã Đoàn Thượng	H. Gia Lộc	20° 48' 59"	106° 17' 08"					F-48-81-B-c
thôn Đĩnh Đào	DC	xã Đoàn Thượng	H. Gia Lộc	20° 49' 02"	106° 16' 52"					F-48-81-B-c
Thôn Đươi	DC	xã Đoàn Thượng	H. Gia Lộc	20° 50' 01"	106° 16' 34"					F-48-81-B-c
Thôn Lúa	DC	xã Đoàn Thượng	H. Gia Lộc	20° 50' 17"	106° 16' 39"					F-48-81-B-c
Thôn Tháng	DC	xã Đoàn Thượng	H. Gia Lộc	20° 48' 40"	106° 17' 06"					F-48-81-B-c
thôn Thung Độ	DC	xã Đoàn Thượng	H. Gia Lộc	20° 49' 17"	106° 16' 35"					F-48-81-B-c
cầu Tràng Thưa	KX	xã Đoàn Thượng	H. Gia Lộc	20° 48' 54"	106° 16' 44"					F-48-81-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 38B	KX	xã Đoàn Thượng	H. Gia Lộc			20° 59' 43"	106° 07' 45"	20° 53' 40"	106° 08' 14"	F-48-81-B-c
sông Đĩnh Đào	TV	xã Đoàn Thượng	H. Gia Lộc			20° 54' 02"	106° 14' 21"	20° 49' 23"	106° 22' 03"	F-48-81-B-c
thôn An Thư	DC	xã Đồng Quang	H. Gia Lộc	20° 48' 35"	106° 16' 23"					F-48-81-B-c
thôn Đông Hạ	DC	xã Đồng Quang	H. Gia Lộc	20° 48' 35"	106° 15' 29"					F-48-81-B-c
thôn Đông Thượng	DC	xã Đồng Quang	H. Gia Lộc	20° 48' 10"	106° 15' 34"					F-48-81-B-c
thôn Đông Trại	DC	xã Đồng Quang	H. Gia Lộc	20° 48' 41"	106° 15' 45"					F-48-81-B-c
thôn Đôn Thư	DC	xã Đồng Quang	H. Gia Lộc	20° 48' 25"	106° 16' 34"					F-48-81-B-c
thôn Quang Tiền	DC	xã Đồng Quang	H. Gia Lộc	20° 48' 56"	106° 15' 52"					F-48-81-B-c
thôn Vĩnh Duệ	DC	xã Đồng Quang	H. Gia Lộc	20° 48' 51"	106° 16' 15"					F-48-81-B-c
cầu Tràng Thưa	KX	xã Đồng Quang	H. Gia Lộc	20° 48' 54"	106° 16' 44"					F-48-81-B-c
Quốc lộ 38B	KX	xã Đồng Quang	H. Gia Lộc			20° 59' 43"	106° 07' 45"	20° 53' 40"	106° 08' 14"	F-48-81-B-c
sông Đĩnh Đào	TV	xã Đồng Quang	H. Gia Lộc			20° 54' 02"	106° 14' 21"	20° 49' 23"	106° 22' 03"	F-48-81-B-c
thôn An Cư	DC	xã Đức Xương	H. Gia Lộc	20° 47' 29"	106° 17' 05"					F-48-81-B-c
thôn An Vệ	DC	xã Đức Xương	H. Gia Lộc	20° 47' 56"	106° 16' 39"					F-48-81-B-c
thôn Thọ Xương	DC	xã Đức Xương	H. Gia Lộc	20° 47' 03"	106° 17' 27"					F-48-81-B-c
cầu Đức Xương	KX	xã Đức Xương	H. Gia Lộc	20° 47' 54"	106° 16' 22"					F-48-81-B-c
Đường tỉnh 392	KX	xã Đức Xương	H. Gia Lộc			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-B-c
Quốc lộ 38B	KX	xã Đức Xương	H. Gia Lộc			20° 59' 43"	106° 07' 45"	20° 53' 40"	106° 08' 14"	F-48-81-B-c
sông Đĩnh Đào	TV	xã Đức Xương	H. Gia Lộc			20° 54' 02"	106° 14' 21"	20° 49' 23"	106° 22' 03"	F-48-81-B-c
Thôn Gạch	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Lộc	20° 52' 10"	106° 16' 06"					F-48-81-B-c
Thôn Khăn	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Lộc	20° 52' 18"	106° 16' 09"					F-48-81-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Huyền Bủa	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Lộc	20° 52' 14"	106° 16' 00"					F-48-81-B-c
thôn Lương Nham	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Lộc	20° 52' 26"	106° 16' 38"					F-48-81-B-a; F-48-81-B-c
thôn Lương Xá	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Lộc	20° 52' 07"	106° 15' 37"					F-48-81-B-c
thôn Phương Xá	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Lộc	20° 52' 36"	106° 16' 03"					F-48-81-B-a
thôn Tiên Lý	DC	xã Gia Hòa	H. Gia Lộc	20° 52' 42"	106° 16' 34"					F-48-81-B-a
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Gia Hòa	H. Gia Lộc			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-B-c
Đường tỉnh 395	KX	xã Gia Hòa	H. Gia Lộc			20° 54' 29"	106° 08' 55"	20° 53' 26"	106° 21' 12"	F-48-81-B-c
thôn Bình Đê	DC	xã Gia Khánh	H. Gia Lộc	20° 51' 48"	106° 19' 05"					F-48-81-B-c
thôn Cao Dương	DC	xã Gia Khánh	H. Gia Lộc	20° 52' 20"	106° 19' 08"					F-48-81-B-a; F-48-81-B-c
thôn Cao Lý	DC	xã Gia Khánh	H. Gia Lộc	20° 51' 46"	106° 18' 46"					F-48-81-B-c
thôn Gia Bùi	DC	xã Gia Khánh	H. Gia Lộc	20° 51' 54"	106° 18' 47"					F-48-81-B-c
Cầu Binh	KX	xã Gia Khánh	H. Gia Lộc	20° 52' 38"	106° 19' 17"					F-48-81-B-a
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Gia Khánh	H. Gia Lộc			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-B-c
Đường tỉnh 395	KX	xã Gia Khánh	H. Gia Lộc			20° 54' 29"	106° 08' 55"	20° 53' 26"	106° 21' 12"	F-48-81-B-a; F-48-81-B-c
miếu Chợ Cốc	KX	xã Gia Khánh	H. Gia Lộc	20° 51' 49"	106° 19' 01"					F-48-81-B-c
nhà tưởng niệm Lê Thanh Nghị	KX	xã Gia Khánh	H. Gia Lộc	20° 51' 50"	106° 18' 55"					F-48-81-B-c
sông Cầu Binh	TV	xã Gia Khánh	H. Gia Lộc			20° 55' 26"	106° 19' 33"	20° 49' 24"	106° 22' 01"	F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cộng Hòa	DC	xã Gia Lương	H. Gia Lộc	20° 52' 10"	106° 19' 48"					F-48-81-B-c
thôn Đồng Tâm	DC	xã Gia Lương	H. Gia Lộc	20° 52' 28"	106° 19' 36"					F-48-81-B-a; F-48-81-B-c
thôn Lũy Dương	DC	xã Gia Lương	H. Gia Lộc	20° 52' 00"	106° 20' 32"					F-48-81-B-c
thôn Thành Lập	DC	xã Gia Lương	H. Gia Lộc	20° 52' 34"	106° 19' 49"					F-48-81-B-a; F-48-81-B-c
thôn Trình Xá	DC	xã Gia Lương	H. Gia Lộc	20° 52' 01"	106° 20' 10"					F-48-81-B-c
thôn Xuân Dương	DC	xã Gia Lương	H. Gia Lộc	20° 51' 56"	106° 20' 03"					F-48-81-B-c
đình Lũy Dương	KX	xã Gia Lương	H. Gia Lộc	20° 51' 56"	106° 20' 28"					F-48-81-B-c
đình Trình Xá	KX	xã Gia Lương	H. Gia Lộc	20° 52' 03"	106° 20' 16"					F-48-81-B-c
đình Xuân Dương	KX	xã Gia Lương	H. Gia Lộc	20° 51' 52"	106° 20' 01"					F-48-81-B-c
sông Cầu Binh	TV	xã Gia Lương	H. Gia Lộc			20° 55' 26"	106° 19' 33"	20° 49' 24"	106° 22' 01"	F-48-81-B-a; F-48-81-B-c
thôn An Tân	DC	xã Gia Tân	H. Gia Lộc	20° 52' 23"	106° 18' 26"					F-48-81-B-a; F-48-81-B-c
thôn Lãng Xuyên	DC	xã Gia Tân	H. Gia Lộc	20° 52' 40"	106° 18' 21"					F-48-81-B-a
thôn Phúc Tân	DC	xã Gia Tân	H. Gia Lộc	20° 53' 06"	106° 18' 20"					F-48-81-B-a
Công ty trách nhiệm hữu hạn Havina	KX	xã Gia Tân	H. Gia Lộc	20° 52' 53"	106° 17' 48"					F-48-81-B-a
đình An Tân	KX	xã Gia Tân	H. Gia Lộc	20° 52' 26"	106° 18' 24"					F-48-81-B-a
đình Lãng Xuyên	KX	xã Gia Tân	H. Gia Lộc	20° 52' 32"	106° 18' 22"					F-48-81-B-a
Đường tỉnh 395	KX	xã Gia Tân	H. Gia Lộc			20° 54' 29"	106° 08' 55"	20° 53' 26"	106° 21' 12"	F-48-81-B-c
Quốc lộ 37	KX	xã Gia Tân	H. Gia Lộc			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Bào	DC	xã Gia Xuyên	H. Gia Lộc	20° 53' 22"	106° 19' 21"					F-48-81-B-a
thôn Tằng Hạ	DC	xã Gia Xuyên	H. Gia Lộc	20° 53' 24"	106° 18' 51"					F-48-81-B-a
thôn Tranh Đấu	DC	xã Gia Xuyên	H. Gia Lộc	20° 53' 26"	106° 18' 22"					F-48-81-B-a
đền Đồng Bào	KX	xã Gia Xuyên	H. Gia Lộc	20° 53' 16"	106° 19' 18"					F-48-81-B-a
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Gia Xuyên	H. Gia Lộc			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-B-c
Đền Vàng	KX	xã Gia Xuyên	H. Gia Lộc	20° 53' 23"	106° 18' 52"					F-48-81-B-a
Đình Tâng	KX	xã Gia Xuyên	H. Gia Lộc	20° 53' 21"	106° 18' 31"					F-48-81-B-a
Quốc lộ 37	KX	xã Gia Xuyên	H. Gia Lộc			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-a
sông Cầu Binh	TV	xã Gia Xuyên	H. Gia Lộc			20° 55' 26"	106° 19' 33"	20° 49' 24"	106° 22' 01"	F-48-81-B-a
thôn Đại Tỉnh	DC	xã Hoàng Diệu	H. Gia Lộc	20° 51' 10"	106° 19' 53"					F-48-81-B-c
thôn Lai Cầu	DC	xã Hoàng Diệu	H. Gia Lộc	20° 50' 45"	106° 20' 01"					F-48-81-B-c
thôn Long Tràng	DC	xã Hoàng Diệu	H. Gia Lộc	20° 51' 26"	106° 20' 04"					F-48-81-B-c
thôn Nghĩa Hy	DC	xã Hoàng Diệu	H. Gia Lộc	20° 50' 17"	106° 19' 31"					F-48-81-B-c
thôn Phan Hà	DC	xã Hoàng Diệu	H. Gia Lộc	20° 50' 18"	106° 20' 30"					F-48-81-B-c
thôn Phong Lâm	DC	xã Hoàng Diệu	H. Gia Lộc	20° 50' 46"	106° 18' 44"					F-48-81-B-c
thôn Thuỵ Lương	DC	xã Hoàng Diệu	H. Gia Lộc	20° 51' 09"	106° 20' 02"					F-48-81-B-c
thôn Trúc Lâm	DC	xã Hoàng Diệu	H. Gia Lộc	20° 50' 39"	106° 19' 06"					F-48-81-B-c
thôn Văn Lâm	DC	xã Hoàng Diệu	H. Gia Lộc	20° 50' 38"	106° 18' 52"					F-48-81-B-c
đình Đại Tỉnh	KX	xã Hoàng Diệu	H. Gia Lộc	20° 51' 15"	106° 19' 59"					F-48-81-B-c
đình Phong Lâm	KX	xã Hoàng Diệu	H. Gia Lộc	20° 50' 42"	106° 18' 45"					F-48-81-B-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Hoàng Diệu	H. Gia Lộc			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu công nghiệp Hoàng Diệu	KX	xã Hoàng Diệu	H. Gia Lộc	20° 50' 55"	106° 18' 16"					F-48-81-B-c
miếu Lai Cầu	KX	xã Hoàng Diệu	H. Gia Lộc	20° 50' 44"	106° 20' 07"					F-48-81-B-c
nhà thờ họ Vũ	KX	xã Hoàng Diệu	H. Gia Lộc	20° 50' 47"	106° 18' 49"					F-48-81-B-c
Quốc lộ 37	KX	xã Hoàng Diệu	H. Gia Lộc			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-c
sông Cầu Binh	TV	xã Hoàng Diệu	H. Gia Lộc			20° 55' 26"	106° 19' 33"	20° 49' 24"	106° 22' 01"	F-48-81-B-c
thôn Cát Hậu	DC	xã Hồng Hưng	H. Gia Lộc	20° 49' 52"	106° 17' 55"					F-48-81-B-c
thôn Cát Tiền	DC	xã Hồng Hưng	H. Gia Lộc	20° 49' 37"	106° 17' 58"					F-48-81-B-c
thôn Hoàng Xá	DC	xã Hồng Hưng	H. Gia Lộc	20° 50' 17"	106° 17' 58"					F-48-81-B-c
thôn Nhân Lý	DC	xã Hồng Hưng	H. Gia Lộc	20° 49' 47"	106° 18' 12"					F-48-81-B-c
thôn Phương Bằng	DC	xã Hồng Hưng	H. Gia Lộc	20° 49' 15"	106° 17' 30"					F-48-81-B-c
thôn Phương Khê	DC	xã Hồng Hưng	H. Gia Lộc	20° 49' 51"	106° 18' 28"					F-48-81-B-c
thôn Thị Tứ	DC	xã Hồng Hưng	H. Gia Lộc	20° 50' 15"	106° 18' 36"					F-48-81-B-c
thôn Thị Xá	DC	xã Hồng Hưng	H. Gia Lộc	20° 50' 02"	106° 18' 16"					F-48-81-B-c
chùa Phương Bằng	KX	xã Hồng Hưng	H. Gia Lộc	20° 49' 18"	106° 17' 25"					F-48-81-B-c
đình Hoàng Xá	KX	xã Hồng Hưng	H. Gia Lộc	20° 50' 17"	106° 17' 54"					F-48-81-B-c
Khu công nghiệp Gia Lộc	KX	xã Hồng Hưng	H. Gia Lộc	20° 50' 56"	106° 18' 07"					F-48-81-B-c
Quốc lộ 37	KX	xã Hồng Hưng	H. Gia Lộc			21° 11' 17"	106° 22' 12"	20° 43' 46"	106° 24' 20"	F-48-81-B-c
sông Đĩnh Đào	TV	xã Hồng Hưng	H. Gia Lộc			20° 54' 02"	106° 14' 21"	20° 49' 23"	106° 22' 03"	F-48-81-B-c
Thôn Anh	DC	xã Lê Lợi	H. Gia Lộc	20° 51' 08"	106° 16' 02"					F-48-81-B-c
thôn Bùi Hạ	DC	xã Lê Lợi	H. Gia Lộc	20° 50' 13"	106° 16' 09"					F-48-81-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bùi Thượng	DC	xã Lê Lợi	H. Gia Lộc	20° 50' 39"	106° 16' 03"					F-48-81-B-c
Thôn Chuối	DC	xã Lê Lợi	H. Gia Lộc	20° 51' 36"	106° 16' 14"					F-48-81-B-c
Thôn Dôi	DC	xã Lê Lợi	H. Gia Lộc	20° 51' 43"	106° 15' 43"					F-48-81-B-c
Thôn Già	DC	xã Lê Lợi	H. Gia Lộc	20° 51' 12"	106° 16' 25"					F-48-81-B-c
Thôn Hống	DC	xã Lê Lợi	H. Gia Lộc	20° 51' 27"	106° 15' 37"					F-48-81-B-c
Thôn Lại	DC	xã Lê Lợi	H. Gia Lộc	20° 50' 45"	106° 16' 41"					F-48-81-B-c
Cầu Đáy	KX	xã Lê Lợi	H. Gia Lộc	20° 50' 22"	106° 15' 36"					F-48-81-B-c
đình Bùi Xá Hạ	KX	xã Lê Lợi	H. Gia Lộc	20° 50' 13"	106° 16' 03"					F-48-81-B-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Lê Lợi	H. Gia Lộc			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-B-c
Đường tỉnh 393	KX	xã Lê Lợi	H. Gia Lộc			20° 47' 56"	106° 08' 24"	20° 52' 10"	106° 17' 54"	F-48-81-B-c
sông Đĩnh Đào	TV	xã Lê Lợi	H. Gia Lộc			20° 54' 02"	106° 14' 21"	20° 49' 23"	106° 22' 03"	F-48-81-B-c
thôn Đồng Lại	DC	xã Liên Hồng	H. Gia Lộc	20° 54' 42"	106° 16' 10"					F-48-81-B-a
thôn Phú Triều	DC	xã Liên Hồng	H. Gia Lộc	20° 54' 00"	106° 17' 14"					F-48-81-B-a
thôn Qua Bộ	DC	xã Liên Hồng	H. Gia Lộc	20° 54' 40"	106° 16' 36"					F-48-81-B-a
thôn Tâng Thượng	DC	xã Liên Hồng	H. Gia Lộc	20° 53' 49"	106° 17' 15"					F-48-81-B-a
thôn Thanh Xá	DC	xã Liên Hồng	H. Gia Lộc	20° 54' 27"	106° 17' 17"					F-48-81-B-a
Bệnh viện Nhi	KX	xã Liên Hồng	H. Gia Lộc	20° 54' 11"	106° 17' 20"					F-48-81-B-a
Bệnh viện Y học cổ truyền	KX	xã Liên Hồng	H. Gia Lộc	20° 54' 21"	106° 17' 21"					F-48-81-B-a
đình Phú Triều	KX	xã Liên Hồng	H. Gia Lộc	20° 53' 58"	106° 17' 14"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Viện Cây lương thực và thực phẩm	KX	xã Liên Hồng	H. Gia Lộc	20° 53' 23"	106° 16' 43"					F-48-81-B-a
sông Kẻ Sặt	TV	xã Liên Hồng	H. Gia Lộc			20° 53' 42"	106° 08' 13"	20° 55' 33"	106° 20' 42"	F-48-81-B-a
thôn Cao Duệ	DC	xã Nhật Tân	H. Gia Lộc	20° 48' 12"	106° 15' 00"					F-48-81-A-d; F-48-81-B-c
thôn Thị Đức	DC	xã Nhật Tân	H. Gia Lộc	20° 48' 38"	106° 14' 58"					F-48-81-A-d; F-48-81-B-c
Chùa Dâu	KX	xã Nhật Tân	H. Gia Lộc	20° 53' 03"	106° 19' 54"					F-48-81-B-a
Đường tỉnh 392	KX	xã Nhật Tân	H. Gia Lộc			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-A-d; F-48-81-B-c
Miếu Rồng	KX	xã Nhật Tân	H. Gia Lộc	20° 48' 14"	106° 14' 59"					F-48-81-A-d
thôn Cầu Lâm	DC	xã Phạm Trấn	H. Gia Lộc	20° 50' 21"	106° 15' 25"					F-48-81-B-c
thôn Côi Hạ	DC	xã Phạm Trấn	H. Gia Lộc	20° 49' 17"	106° 15' 17"					F-48-81-B-c
thôn Côi Thượng	DC	xã Phạm Trấn	H. Gia Lộc	20° 49' 24"	106° 14' 37"					F-48-81-A-d
thôn Nam Cầu	DC	xã Phạm Trấn	H. Gia Lộc	20° 49' 28"	106° 15' 37"					F-48-81-B-c
thôn Quang Bị	DC	xã Phạm Trấn	H. Gia Lộc	20° 49' 55"	106° 15' 21"					F-48-81-B-c
Cầu Đáy	KX	xã Phạm Trấn	H. Gia Lộc	20° 50' 22"	106° 15' 36"					F-48-81-B-c
Đường tỉnh 393	KX	xã Phạm Trấn	H. Gia Lộc			20° 47' 56"	106° 08' 24"	20° 52' 10"	106° 17' 54"	F-48-81-B-c
sông Đĩnh Đào	TV	xã Phạm Trấn	H. Gia Lộc			20° 54' 02"	106° 14' 21"	20° 49' 23"	106° 22' 03"	F-48-81-B-c
Thôn Chằm	DC	xã Phương Hưng	H. Gia Lộc	20° 51' 55"	106° 16' 59"					F-48-81-B-c
Thôn Ngà	DC	xã Phương Hưng	H. Gia Lộc	20° 52' 11"	106° 17' 21"					F-48-81-B-c
Thôn Tó	DC	xã Phương Hưng	H. Gia Lộc	20° 51' 35"	106° 16' 50"					F-48-81-B-c
cầu Bà Lộn	KX	xã Phương Hưng	H. Gia Lộc	20° 52' 20"	106° 17' 28"					F-48-81-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Chùa So	KX	xã Phương Hưng	H. Gia Lộc	20° 51' 57"	106° 17' 23"					F-48-81-B-c
Cầu Gỗ	KX	xã Phương Hưng	H. Gia Lộc	20° 52' 01"	106° 17' 22"					F-48-81-B-c
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Phương Hưng	H. Gia Lộc			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-B-c
đường Lê Thanh Nghị (Đường tỉnh 393)	KX	xã Phương Hưng	H. Gia Lộc			20° 52' 10"	106° 17' 54"	20° 52' 01"	106° 17' 23"	F-48-81-B-c
đường Yết Kiêu (Quốc lộ 38B)	KX	xã Phương Hưng	H. Gia Lộc			20° 52' 56"	106° 17' 39"	20° 51' 57"	106° 17' 22"	F-48-81-B-c
Đường tỉnh 393	KX	xã Phương Hưng	H. Gia Lộc			20° 47' 56"	106° 08' 24"	20° 52' 10"	106° 17' 54"	F-48-81-B-c
Đường tỉnh 395	KX	xã Phương Hưng	H. Gia Lộc			20° 54' 29"	106° 08' 55"	20° 53' 26"	106° 21' 12"	F-48-81-B-c
Quốc lộ 38B	KX	xã Phương Hưng	H. Gia Lộc			20° 59' 43"	106° 07' 45"	20° 53' 40"	106° 08' 14"	F-48-81-B-c
thôn Đông Cầu	DC	xã Quang Minh	H. Gia Lộc	20° 47' 03"	106° 16' 00"					F-48-81-B-c
thôn Đông Hào	DC	xã Quang Minh	H. Gia Lộc	20° 47' 13"	106° 16' 23"					F-48-81-B-c
thôn Đỗ Xuyên	DC	xã Quang Minh	H. Gia Lộc	20° 47' 28"	106° 15' 25"					F-48-81-B-c
thôn Hậu Bổng	DC	xã Quang Minh	H. Gia Lộc	20° 47' 22"	106° 15' 57"					F-48-81-B-c
thôn Minh Tân	DC	xã Quang Minh	H. Gia Lộc	20° 47' 30"	106° 16' 12"					F-48-81-B-c
Cầu Bóng	KX	xã Quang Minh	H. Gia Lộc	20° 47' 34"	106° 16' 16"					F-48-81-B-c
Cầu Đọ	KX	xã Quang Minh	H. Gia Lộc	20° 47' 44"	106° 15' 34"					F-48-81-B-c
Chùa Bóng	KX	xã Quang Minh	H. Gia Lộc	20° 53' 45"	106° 15' 34"					F-48-81-B-a
Đường tỉnh 392	KX	xã Quang Minh	H. Gia Lộc			20° 54' 27"	106° 08' 55"	20° 49' 12"	106° 24' 20"	F-48-81-B-c
Quốc lộ 38B	KX	xã Quang Minh	H. Gia Lộc			20° 59' 43"	106° 07' 45"	20° 53' 40"	106° 08' 14"	F-48-81-B-c
thôn Đông Cận	DC	xã Tân Tiến	H. Gia Lộc	20° 52' 55"	106° 19' 54"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Quán Đào	DC	xã Tân Tiến	H. Gia Lộc	20° 52' 42"	106° 20' 27"					F-48-81-B-a
thôn Tam Lương	DC	xã Tân Tiến	H. Gia Lộc	20° 52' 48"	106° 19' 34"					F-48-81-B-a
Cầu Binh	KX	xã Tân Tiến	H. Gia Lộc	20° 52' 38"	106° 19' 17"					F-48-81-B-a
Cầu Cận	KX	xã Tân Tiến	H. Gia Lộc	20° 52' 47"	106° 19' 50"					F-48-81-B-a
Chùa Dâu	KX	xã Tân Tiến	H. Gia Lộc	20° 48' 51"	106° 14' 26"					F-48-81-A-d
đình Quán Đào	KX	xã Tân Tiến	H. Gia Lộc	20° 52' 43"	106° 20' 19"					F-48-81-B-a
đình Tam Lương	KX	xã Tân Tiến	H. Gia Lộc	20° 52' 50"	106° 19' 37"					F-48-81-B-a
Đường tỉnh 395	KX	xã Tân Tiến	H. Gia Lộc			20° 54' 29"	106° 08' 55"	20° 53' 26"	106° 21' 12"	F-48-81-B-a
sông Cầu Binh	TV	xã Tân Tiến	H. Gia Lộc			20° 55' 26"	106° 19' 33"	20° 49' 24"	106° 22' 01"	F-48-81-B-a; F-48-81-B-c
thôn Đồng Đội	DC	xã Thống Kênh	H. Gia Lộc	20° 48' 39"	106° 18' 11"					F-48-81-B-c
thôn Đồng Đức	DC	xã Thống Kênh	H. Gia Lộc	20° 48' 22"	106° 18' 49"					F-48-81-B-c
thôn Đồng Tái	DC	xã Thống Kênh	H. Gia Lộc	20° 48' 30"	106° 18' 33"					F-48-81-B-c
thôn Kênh Triều	DC	xã Thống Kênh	H. Gia Lộc	20° 49' 10"	106° 18' 14"					F-48-81-B-c
thôn Lạc Thượng	DC	xã Thống Kênh	H. Gia Lộc	20° 48' 35"	106° 17' 57"					F-48-81-B-c
đình Đồng Đội	KX	xã Thống Kênh	H. Gia Lộc	20° 48' 42"	106° 18' 16"					F-48-81-B-c
đình Đồng Đức	KX	xã Thống Kênh	H. Gia Lộc	20° 48' 26"	106° 18' 46"					F-48-81-B-c
đình Đồng Tái	KX	xã Thống Kênh	H. Gia Lộc	20° 48' 29"	106° 18' 34"					F-48-81-B-c
miếu Kênh Triều	KX	xã Thống Kênh	H. Gia Lộc	20° 49' 13"	106° 18' 09"					F-48-81-B-c
sông Đĩnh Đào	TV	xã Thống Kênh	H. Gia Lộc			20° 54' 02"	106° 14' 21"	20° 49' 23"	106° 22' 03"	F-48-81-B-c
thôn Cẩm Cầu	DC	xã Thống Nhất	H. Gia Lộc	20° 53' 46"	106° 15' 19"					F-48-81-B-a
thôn Cẩm Đới	DC	xã Thống Nhất	H. Gia Lộc	20° 53' 29"	106° 15' 24"					F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Khay	DC	xã Thống Nhất	H. Gia Lộc	20° 54' 03"	106° 15' 29"					F-48-81-B-a
Thôn Trung	DC	xã Thống Nhất	H. Gia Lộc	20° 53' 46"	106° 15' 36"					F-48-81-B-a
Thôn Ty	DC	xã Thống Nhất	H. Gia Lộc	20° 54' 24"	106° 15' 36"					F-48-81-B-a
thôn Vô Lượng	DC	xã Thống Nhất	H. Gia Lộc	20° 53' 42"	106° 16' 15"					F-48-81-B-a
Chùa Trung	KX	xã Thống Nhất	H. Gia Lộc	20° 47' 32"	106° 15' 49"					F-48-81-B-c
Đền Đươi	KX	xã Thống Nhất	H. Gia Lộc	20° 54' 04"	106° 15' 12"					F-48-81-B-a
Đình Vo	KX	xã Thống Nhất	H. Gia Lộc	20° 53' 33"	106° 16' 07"					F-48-81-B-a
sông Kẻ Sặt	TV	xã Thống Nhất	H. Gia Lộc			20° 53' 42"	106° 08' 13"	20° 55' 33"	106° 20' 42"	F-48-81-B-a
thôn Bái Hạ	DC	xã Toàn Thắng	H. Gia Lộc	20° 50' 13"	106° 17' 12"					F-48-81-B-c
thôn Bái Thượng	DC	xã Toàn Thắng	H. Gia Lộc	20° 50' 39"	106° 17' 22"					F-48-81-B-c
Thôn Buộm	DC	xã Toàn Thắng	H. Gia Lộc	20° 50' 56"	106° 17' 28"					F-48-81-B-c
thôn Điền Nhi	DC	xã Toàn Thắng	H. Gia Lộc	20° 51' 01"	106° 16' 44"					F-48-81-B-c
Thôn Nội	DC	xã Toàn Thắng	H. Gia Lộc	20° 51' 11"	106° 17' 23"					F-48-81-B-c
Quốc lộ 38B	KX	xã Toàn Thắng	H. Gia Lộc			20° 59' 43"	106° 07' 45"	20° 53' 40"	106° 08' 14"	F-48-81-B-c
thôn Bá Đại	DC	xã Trùng Khánh	H. Gia Lộc	20° 53' 46"	106° 14' 37"					F-48-81-A-b
Thôn Chệnh	DC	xã Trùng Khánh	H. Gia Lộc	20° 53' 29"	106° 14' 35"					F-48-81-A-b
thôn Hưng Long	DC	xã Trùng Khánh	H. Gia Lộc	20° 54' 09"	106° 14' 45"					F-48-81-A-b
thôn Thanh Khơi	DC	xã Trùng Khánh	H. Gia Lộc	20° 53' 03"	106° 14' 56"					F-48-81-A-b; F-48-81-B-a
thôn Vân Độ	DC	xã Trùng Khánh	H. Gia Lộc	20° 52' 45"	106° 14' 38"					F-48-81-A-b
Đường tỉnh 395	KX	xã Trùng Khánh	H. Gia Lộc			20° 54' 29"	106° 08' 55"	20° 53' 26"	106° 21' 12"	F-48-81-A-b; F-48-81-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Đĩnh Đào	TV	xã Trùng Khánh	H. Gia Lộc			20° 54' 02"	106° 14' 21"	20° 49' 23"	106° 22' 03"	F-48-81-A-b
sông Kẻ Sặt	TV	xã Trùng Khánh	H. Gia Lộc			20° 53' 42"	106° 08' 13"	20° 55' 33"	106° 20' 42"	F-48-81-A-b; F-48-81-B-a
thôn Hạ Bì	DC	xã Yết Kiêu	H. Gia Lộc	20° 52' 02"	106° 15' 19"					F-48-81-B-c
thôn Hoàng Kim	DC	xã Yết Kiêu	H. Gia Lộc	20° 52' 22"	106° 15' 05"					F-48-81-B-c
thôn Khuông Phụ	DC	xã Yết Kiêu	H. Gia Lộc	20° 51' 42"	106° 15' 26"					F-48-81-B-c
thôn Thượng Bì	DC	xã Yết Kiêu	H. Gia Lộc	20° 52' 38"	106° 15' 21"					F-48-81-B-a; F-48-81-B-c
thôn Vân Am	DC	xã Yết Kiêu	H. Gia Lộc	20° 52' 57"	106° 15' 24"					F-48-81-B-a
Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	KX	xã Yết Kiêu	H. Gia Lộc			20° 51' 10"	106° 08' 08"	20° 48' 32"	106° 30' 40"	F-48-81-A-d; F-48-81-B-c
Đình Buộm	KX	xã Yết Kiêu	H. Gia Lộc	20° 52' 35"	106° 15' 20"					F-48-81-B-a
Đường tỉnh 395	KX	xã Yết Kiêu	H. Gia Lộc			20° 54' 29"	106° 08' 55"	20° 53' 26"	106° 21' 12"	F-48-81-A-b; F-48-81-B-a
sông Đĩnh Đào	TV	xã Yết Kiêu	H. Gia Lộc			20° 54' 02"	106° 14' 21"	20° 49' 23"	106° 22' 03"	F-48-81-A-b; F-48-81-A-d; F-48-81-B-c
Khu Ga	DC	TT. Phú Thái	H. Kim Thành	20° 58' 03"	106° 30' 41"					F-48-82-A-a
khu Tân Phú	DC	TT. Phú Thái	H. Kim Thành	20° 57' 52"	106° 30' 23"					F-48-82-A-a
thôn An Thái	DC	TT. Phú Thái	H. Kim Thành	20° 57' 52"	106° 30' 42"					F-48-82-A-a
thôn Đồng Văn	DC	TT. Phú Thái	H. Kim Thành	20° 57' 40"	106° 30' 30"					F-48-82-A-a
xóm Văn Chúc	DC	TT. Phú Thái	H. Kim Thành	20° 57' 31"	106° 30' 37"					F-48-82-A-a
cầu An Thái	KX	TT. Phú Thái	H. Kim Thành	20° 58' 09"	106° 31' 22"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Bất Nạo	KX	TT. Phú Thái	H. Kim Thành	20° 57' 38"	106° 30' 27"					F-48-82-A-a
chùa Kim Lộc	KX	TT. Phú Thái	H. Kim Thành	20° 57' 33"	106° 30' 37"					F-48-82-A-a
Quốc lộ 5	KX	TT. Phú Thái	H. Kim Thành			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-82-A-a
Quốc lộ 17B	KX	TT. Phú Thái	H. Kim Thành			21° 02' 36"	106° 35' 34"	20° 52' 58"	106° 32' 40"	F-48-82-A-a
sông An Thành	TV	TT. Phú Thái	H. Kim Thành			20° 56' 58"	106° 28' 45"	20° 56' 20"	106° 31' 50"	F-48-82-A-a
sông Kinh Môn	TV	TT. Phú Thái	H. Kim Thành			21° 01' 18"	106° 24' 32"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-82-A-a
thôn Phát Minh	DC	xã Bình Dân	H. Kim Thành	20° 54' 28"	106° 30' 13"					F-48-82-A-a
thôn Phong Nội	DC	xã Bình Dân	H. Kim Thành	20° 53' 50"	106° 29' 27"					F-48-81-B-b
thôn Phú Nội	DC	xã Bình Dân	H. Kim Thành	20° 54' 01"	106° 30' 00"					F-48-81-B-b
thôn Tân Tạo	DC	xã Bình Dân	H. Kim Thành	20° 54' 47"	106° 30' 07"					F-48-82-A-a
thôn Trung Tuyến	DC	xã Bình Dân	H. Kim Thành	20° 54' 17"	106° 30' 24"					F-48-82-A-a
xóm Cầu Nga	DC	xã Bình Dân	H. Kim Thành	20° 54' 39"	106° 29' 57"					F-48-81-B-b
xóm Trung Kiên	DC	xã Bình Dân	H. Kim Thành	20° 54' 08"	106° 30' 15"					F-48-82-A-a
đền Phú Mỹ Xuân Hoa	KX	xã Bình Dân	H. Kim Thành	20° 54' 05"	106° 30' 02"					F-48-82-A-a
đình Khuê Phương	KX	xã Bình Dân	H. Kim Thành	20° 54' 33"	106° 30' 13"					F-48-82-A-a
Quốc lộ 17B	KX	xã Bình Dân	H. Kim Thành			21° 02' 36"	106° 35' 34"	20° 52' 58"	106° 32' 40"	F-48-81-B-b; F-48-82-A-a
Sông Rạng	TV	xã Bình Dân	H. Kim Thành			20° 59' 50"	106° 24' 31"	20° 52' 25"	106° 28' 20"	F-48-81-B-b
thôn Minh Tiến	DC	xã Cẩm La	H. Kim Thành	20° 54' 37"	106° 30' 58"					F-48-82-A-a
thôn Quảng Bình	DC	xã Cẩm La	H. Kim Thành	20° 54' 17"	106° 31' 19"					F-48-82-A-a
xóm Thái Hưng	DC	xã Cẩm La	H. Kim Thành	20° 54' 48"	106° 30' 45"					F-48-82-A-a
sông An Kim Hải	TV	xã Cẩm La	H. Kim Thành			20° 55' 11"	106° 32' 21"	20° 52' 40"	106° 33' 00"	F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn Bắc	DC	xã Cổ Dũng	H. Kim Thành	20° 58' 31"	106° 25' 35"					F-48-81-B-b
Thôn Đông	DC	xã Cổ Dũng	H. Kim Thành	20° 58' 29"	106° 26' 03"					F-48-81-B-b
Thôn Giữa	DC	xã Cổ Dũng	H. Kim Thành	20° 58' 31"	106° 25' 50"					F-48-81-B-b
Cầu Gỗ	KX	xã Cổ Dũng	H. Kim Thành	20° 58' 41"	106° 25' 37"					F-48-81-B-b
Quốc lộ 5	KX	xã Cổ Dũng	H. Kim Thành			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-81-B-b
thôn Lai Khê	DC	xã Cộng Hòa	H. Kim Thành	20° 58' 50"	106° 24' 48"					F-48-81-B-b
thôn Thanh Liên	DC	xã Cộng Hòa	H. Kim Thành	20° 59' 06"	106° 24' 49"					F-48-81-B-b
thôn Tường Vu	DC	xã Cộng Hòa	H. Kim Thành	20° 58' 33"	106° 25' 00"					F-48-81-B-b
Đường huyện 5B	KX	xã Cộng Hòa	H. Kim Thành			20° 59' 00"	106° 24' 44"	20° 59' 30"	106° 23' 22"	F-48-81-B-b
Đường tỉnh 389	KX	xã Cộng Hòa	H. Kim Thành			20° 58' 48"	106° 24' 43"	20° 58' 52"	106° 32' 08"	F-48-81-B-b
ga Lai Khê	KX	xã Cộng Hòa	H. Kim Thành	20° 58' 45"	106° 24' 44"					F-48-81-B-b
Quốc lộ 5	KX	xã Cộng Hòa	H. Kim Thành			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-81-B-b
Sông Rạng	TV	xã Cộng Hòa	H. Kim Thành			20° 59' 50"	106° 24' 31"	20° 52' 25"	106° 28' 20"	F-48-81-B-b
thôn Đại Tiến	DC	xã Đại Đức	H. Kim Thành	20° 52' 51"	106° 30' 52"					F-48-82-A-a
thôn Đình Giọng	DC	xã Đại Đức	H. Kim Thành	20° 52' 34"	106° 30' 20"					F-48-82-A-a
thôn Đồng Tâm	DC	xã Đại Đức	H. Kim Thành	20° 52' 38"	106° 30' 38"					F-48-82-A-a
thôn Kiến Lễ	DC	xã Đại Đức	H. Kim Thành	20° 52' 54"	106° 31' 13"					F-48-82-A-a
thôn Kim Định	DC	xã Đại Đức	H. Kim Thành	20° 52' 57"	106° 31' 24"					F-48-82-A-a
thôn Lộng Khê	DC	xã Đại Đức	H. Kim Thành	20° 52' 23"	106° 30' 30"					F-48-82-A-c
thôn Nguyễn Bạo	DC	xã Đại Đức	H. Kim Thành	20° 52' 48"	106° 31' 42"					F-48-82-A-a
thôn Tân Tiến	DC	xã Đại Đức	H. Kim Thành	20° 52' 56"	106° 30' 39"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Văn Thọ	DC	xã Đại Đức	H. Kim Thành	20° 52' 19"	106° 31' 41"					F-48-82-A-c
đình Kiên Lao	KX	xã Đại Đức	H. Kim Thành	20° 52' 49"	106° 30' 43"					F-48-82-A-a
đình Nại Thượng	KX	xã Đại Đức	H. Kim Thành	20° 52' 59"	106° 31' 38"					F-48-82-A-a
Đò Lau	KX	xã Đại Đức	H. Kim Thành	20° 51' 51"	106° 30' 15"					F-48-82-A-c
sông Lạch Tray	TV	xã Đại Đức	H. Kim Thành			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 52' 11"	106° 32' 42"	F-48-81-B-d; F-48-82-A-c
Sông Ruột	TV	xã Đại Đức	H. Kim Thành			20° 51' 50"	106° 31' 15"	20° 52' 36"	106° 30' 58"	F-48-82-A-a; F-48-82-A-c
Sông Vàng	TV	xã Đại Đức	H. Kim Thành			20° 53' 11"	106° 28' 52"	20° 52' 36"	106° 30' 58"	F-48-81-B-d; F-48-82-A-c; F-48-82-A-a
thị tứ Đồng Gia	DC	xã Đồng Gia	H. Kim Thành	20° 53' 46"	106° 30' 54"					F-48-82-A-a
thôn Đại Đồng	DC	xã Đồng Gia	H. Kim Thành	20° 54' 00"	106° 31' 27"					F-48-82-A-a
thôn Đồng Xá Bắc	DC	xã Đồng Gia	H. Kim Thành	20° 53' 41"	106° 30' 54"					F-48-82-A-a
thôn Đồng Xá Nam	DC	xã Đồng Gia	H. Kim Thành	20° 53' 32"	106° 30' 50"					F-48-82-A-a
thôn Phí Gia	DC	xã Đồng Gia	H. Kim Thành	20° 53' 47"	106° 30' 29"					F-48-82-A-a
chùa Hưng Long	KX	xã Đồng Gia	H. Kim Thành	20° 54' 05"	106° 31' 13"					F-48-82-A-a
Đình Đồng	KX	xã Đồng Gia	H. Kim Thành	20° 53' 41"	106° 30' 47"					F-48-82-A-a
Quốc lộ 17B	KX	xã Đồng Gia	H. Kim Thành			21° 02' 36"	106° 35' 34"	20° 52' 58"	106° 32' 40"	F-48-82-A-a
Trường Trung học phổ thông Đồng Gia	KX	xã Đồng Gia	H. Kim Thành	20° 53' 51"	106° 30' 50"					F-48-82-A-a
thôn Đồng Mỹ	DC	xã Kim Anh	H. Kim Thành	20° 57' 04"	106° 31' 06"					F-48-82-A-a
thôn Lễ Độ	DC	xã Kim Anh	H. Kim Thành	20° 56' 57"	106° 30' 18"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Phan Chi	DC	xã Kim Anh	H. Kim Thành	20° 57' 22"	106° 30' 51"					F-48-82-A-a
thôn Quang Khải	DC	xã Kim Anh	H. Kim Thành	20° 57' 00"	106° 30' 43"					F-48-82-A-a
thôn Quyết Thắng	DC	xã Kim Anh	H. Kim Thành	20° 57' 25"	106° 30' 14"					F-48-82-A-a
thôn Tân Thành	DC	xã Kim Anh	H. Kim Thành	20° 57' 10"	106° 30' 03"					F-48-82-A-a
thôn Văn Minh	DC	xã Kim Anh	H. Kim Thành	20° 57' 23"	106° 30' 30"					F-48-82-A-a
cầu Bất Nạo	KX	xã Kim Anh	H. Kim Thành	20° 57' 38"	106° 30' 27"					F-48-82-A-a
đình Đồng Mỹ	KX	xã Kim Anh	H. Kim Thành	20° 57' 11"	106° 31' 06"					F-48-82-A-a
Quốc lộ 17B	KX	xã Kim Anh	H. Kim Thành			21° 02' 36"	106° 35' 34"	20° 52' 58"	106° 32' 40"	F-48-81-B-b; F-48-82-A-a
sông An Thành	TV	xã Kim Anh	H. Kim Thành			20° 56' 58"	106° 28' 45"	20° 56' 20"	106° 31' 50"	F-48-81-B-b; F-48-82-A-a
sông Vân Dương	TV	xã Kim Anh	H. Kim Thành			20° 55' 59"	106° 28' 56"	20° 55' 11"	106° 32' 21"	F-48-82-A-a
thôn Chuẩn Thừng	DC	xã Kim Đính	H. Kim Thành	20° 54' 36"	106° 29' 11"					F-48-81-B-b
thôn Phù Tải 1	DC	xã Kim Đính	H. Kim Thành	20° 55' 35"	106° 29' 33"					F-48-81-B-b
thôn Phù Tải 2	DC	xã Kim Đính	H. Kim Thành	20° 55' 18"	106° 29' 03"					F-48-81-B-b
xóm Cổng Cao	DC	xã Kim Đính	H. Kim Thành	20° 54' 59"	106° 29' 01"					F-48-81-B-b
Xóm Đò	DC	xã Kim Đính	H. Kim Thành	20° 55' 29"	106° 29' 01"					F-48-81-B-b
Xóm Gạch	DC	xã Kim Đính	H. Kim Thành	20° 55' 43"	106° 29' 06"					F-48-81-B-b
Xóm Giổ	DC	xã Kim Đính	H. Kim Thành	20° 54' 54"	106° 29' 42"					F-48-81-B-b
Xóm Kênh	DC	xã Kim Đính	H. Kim Thành	20° 55' 09"	106° 29' 52"					F-48-81-B-b
Cầu Sái	KX	xã Kim Đính	H. Kim Thành	20° 55' 51"	106° 29' 19"					F-48-81-B-b
Đình Giải	KX	xã Kim Đính	H. Kim Thành	20° 55' 17"	106° 28' 58"					F-48-81-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đò Giải	KX	xã Kim Đính	H. Kim Thành	20° 55' 47"	106° 28' 38"					F-48-81-B-b
Quốc lộ 17B	KX	xã Kim Đính	H. Kim Thành			21° 02' 36"	106° 35' 34"	20° 52' 58"	106° 32' 40"	F-48-81-B-b
Sông Rạng	TV	xã Kim Đính	H. Kim Thành			20° 59' 50"	106° 24' 31"	20° 52' 25"	106° 28' 20"	F-48-81-B-b
sông Vân Dương	TV	xã Kim Đính	H. Kim Thành			20° 55' 59"	106° 28' 56"	20° 55' 11"	106° 32' 21"	F-48-81-B-b
thôn Cống Khê	DC	xã Kim Khê	H. Kim Thành	20° 56' 16"	106° 31' 37"					F-48-82-A-a
thôn Phương Tân	DC	xã Kim Khê	H. Kim Thành	20° 55' 55"	106° 31' 47"					F-48-82-A-a
thôn Vân Dương	DC	xã Kim Khê	H. Kim Thành	20° 56' 16"	106° 31' 13"					F-48-82-A-a
sông An Thành	TV	xã Kim Khê	H. Kim Thành			20° 56' 58"	106° 28' 45"	20° 56' 20"	106° 31' 50"	F-48-82-A-a
sông Vân Dương	TV	xã Kim Khê	H. Kim Thành			20° 55' 59"	106° 28' 56"	20° 55' 11"	106° 32' 21"	F-48-82-A-a
thôn Cổ Phục Bắc	DC	xã Kim Lương	H. Kim Thành	20° 57' 06"	106° 32' 14"					F-48-82-A-a
thôn Cổ Phục Nam	DC	xã Kim Lương	H. Kim Thành	20° 56' 49"	106° 32' 03"					F-48-82-A-a
thôn Lương Xá Bắc	DC	xã Kim Lương	H. Kim Thành	20° 57' 26"	106° 31' 40"					F-48-82-A-a
thôn Lương Xá Nam	DC	xã Kim Lương	H. Kim Thành	20° 57' 02"	106° 31' 27"					F-48-82-A-a
đình Lương Xá	KX	xã Kim Lương	H. Kim Thành	20° 57' 15"	106° 31' 31"					F-48-82-A-a
Quốc lộ 5	KX	xã Kim Lương	H. Kim Thành			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-82-A-a
tháp Cửu phẩm Liên hoa	KX	xã Kim Lương	H. Kim Thành	20° 57' 01"	106° 31' 31"					F-48-82-A-a
sông An Thành	TV	xã Kim Lương	H. Kim Thành			20° 56' 58"	106° 28' 45"	20° 56' 20"	106° 31' 50"	F-48-81-B-b; F-48-82-A-a
sông Kinh Môn	TV	xã Kim Lương	H. Kim Thành			21° 01' 18"	106° 24' 32"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-82-A-a
sông Vân Dương	TV	xã Kim Lương	H. Kim Thành			20° 55' 59"	106° 28' 56"	20° 55' 11"	106° 32' 21"	F-48-82-A-a
thôn Hải Ninh	DC	xã Kim Tân	H. Kim Thành	20° 55' 17"	106° 30' 29"					F-48-82-A-a
thôn Thiên Đông	DC	xã Kim Tân	H. Kim Thành	20° 55' 17"	106° 31' 30"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thiên Xuân	DC	xã Kim Tân	H. Kim Thành	20° 55' 13"	106° 31' 58"					F-48-82-A-a
thôn Viên Chử	DC	xã Kim Tân	H. Kim Thành	20° 55' 16"	106° 31' 06"					F-48-82-A-a
Xóm 1	DC	xã Kim Tân	H. Kim Thành	20° 55' 12"	106° 30' 00"					F-48-82-A-a
Xóm 2	DC	xã Kim Tân	H. Kim Thành	20° 55' 26"	106° 30' 16"					F-48-82-A-a
Xóm 5	DC	xã Kim Tân	H. Kim Thành	20° 55' 52"	106° 30' 21"					F-48-82-A-a
Xóm 6	DC	xã Kim Tân	H. Kim Thành	20° 55' 36"	106° 30' 46"					F-48-82-A-a
Xóm 7	DC	xã Kim Tân	H. Kim Thành	20° 55' 41"	106° 30' 59"					F-48-82-A-a
Xóm 8	DC	xã Kim Tân	H. Kim Thành	20° 55' 37"	106° 31' 19"					F-48-82-A-a
Xóm 17	DC	xã Kim Tân	H. Kim Thành	20° 56' 00"	106° 32' 16"					F-48-82-A-a
Cầu Bồng	KX	xã Kim Tân	H. Kim Thành	20° 55' 17"	106° 32' 19"					F-48-82-A-a
tháp Cửu phẩm Liên hoa	KX	xã Kim Tân	H. Kim Thành	20° 55' 09"	106° 31' 23"					F-48-82-A-a
sông An Kim Hải	TV	xã Kim Tân	H. Kim Thành			20° 55' 11"	106° 32' 21"	20° 52' 40"	106° 33' 00"	F-48-82-A-a
sông Vân Dương	TV	xã Kim Tân	H. Kim Thành			20° 55' 59"	106° 28' 56"	20° 55' 11"	106° 32' 21"	F-48-82-A-a
thôn Phương Duệ	DC	xã Kim Xuyên	H. Kim Thành	20° 58' 26"	106° 27' 59"					F-48-81-B-b
thôn Quỳnh Khê	DC	xã Kim Xuyên	H. Kim Thành	20° 58' 24"	106° 28' 54"					F-48-81-B-b
thôn Thiện Đáp	DC	xã Kim Xuyên	H. Kim Thành	20° 57' 48"	106° 28' 02"					F-48-81-B-b
xóm Đoàn Kết	DC	xã Kim Xuyên	H. Kim Thành	20° 57' 55"	106° 29' 29"					F-48-81-B-b
cầu vượt Số 7	KX	xã Kim Xuyên	H. Kim Thành	20° 58' 22"	106° 28' 09"					F-48-81-B-b
Cụm công nghiệp Quỳnh Phúc	KX	xã Kim Xuyên	H. Kim Thành	20° 58' 29"	106° 29' 30"					F-48-81-B-b
đình Quỳnh Khê	KX	xã Kim Xuyên	H. Kim Thành	20° 58' 23"	106° 28' 50"					F-48-81-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Nhà máy Xi măng Hải Dương	KX	xã Kim Xuyên	H. Kim Thành	20° 58' 35"	106° 29' 35"					F-48-81-B-b
Quốc lộ 5	KX	xã Kim Xuyên	H. Kim Thành			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-81-B-b
sông An Thành	TV	xã Kim Xuyên	H. Kim Thành			20° 56' 58"	106° 28' 45"	20° 56' 20"	106° 31' 50"	F-48-81-B-b
sông Kinh Môn	TV	xã Kim Xuyên	H. Kim Thành			21° 01' 18"	106° 24' 32"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-81-B-b
Sông Rạng	TV	xã Kim Xuyên	H. Kim Thành			20° 59' 50"	106° 24' 31"	20° 52' 25"	106° 28' 20"	F-48-81-B-b
thôn Hợp Nhất	DC	xã Lai Vu	H. Kim Thành	20° 58' 53"	106° 24' 06"					F-48-81-B-b
thôn Minh Thành	DC	xã Lai Vu	H. Kim Thành	20° 58' 55"	106° 24' 26"					F-48-81-B-b
thôn Quyết Tâm	DC	xã Lai Vu	H. Kim Thành	20° 59' 08"	106° 23' 56"					F-48-81-B-b
cầu Lai Vu	KX	xã Lai Vu	H. Kim Thành	20° 58' 31"	106° 23' 09"					F-48-81-B-b
Đường huyện 5B	KX	xã Lai Vu	H. Kim Thành			20° 59' 00"	106° 24' 44"	20° 59' 30"	106° 23' 22"	F-48-81-B-b
Khu công nghiệp Lai Vu	KX	xã Lai Vu	H. Kim Thành	20° 59' 00"	106° 23' 34"					F-48-81-B-b
Quốc lộ 5	KX	xã Lai Vu	H. Kim Thành			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-81-B-b
Sông Rạng	TV	xã Lai Vu	H. Kim Thành			20° 59' 50"	106° 24' 31"	20° 52' 25"	106° 28' 20"	F-48-81-B-b
thôn Bắc Thắng	DC	xã Liên Hòa	H. Kim Thành	20° 53' 31"	106° 30' 08"					F-48-82-A-a
thôn Cao Ngô	DC	xã Liên Hòa	H. Kim Thành	20° 53' 21"	106° 29' 38"					F-48-81-B-b
thôn Hưng Hòa	DC	xã Liên Hòa	H. Kim Thành	20° 53' 14"	106° 30' 02"					F-48-82-A-a
thôn Lạc Thiện	DC	xã Liên Hòa	H. Kim Thành	20° 52' 39"	106° 29' 10"					F-48-81-B-b
thôn Thái Nguyên	DC	xã Liên Hòa	H. Kim Thành	20° 53' 05"	106° 29' 43"					F-48-81-B-b
thôn Trung Hạng	DC	xã Liên Hòa	H. Kim Thành	20° 52' 35"	106° 29' 30"					F-48-81-B-b
chùa Cao Ngô	KX	xã Liên Hòa	H. Kim Thành	20° 53' 28"	106° 29' 32"					F-48-81-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Miếu Vàng	KX	xã Liên Hòa	H. Kim Thành	20° 52' 45"	106° 29' 54"					F-48-81-B-b
sông Lạch Tray	TV	xã Liên Hòa	H. Kim Thành			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 52' 11"	106° 32' 42"	F-48-81-B-b
Sông Rạng	TV	xã Liên Hòa	H. Kim Thành			20° 59' 50"	106° 24' 31"	20° 52' 25"	106° 28' 20"	F-48-81-B-b
Sông Vàng	TV	xã Liên Hòa	H. Kim Thành			20° 53' 11"	106° 28' 52"	20° 52' 36"	106° 30' 58"	F-48-81-B-b
thôn Bằng Lai	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kim Thành	20° 56' 23"	106° 29' 54"					F-48-81-B-b
thôn Dưỡng Mông	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kim Thành	20° 56' 26"	106° 29' 24"					F-48-81-B-b
thôn Quảng Đạt	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kim Thành	20° 57' 35"	106° 28' 46"					F-48-81-B-b
xóm Tứ Hải	DC	xã Ngũ Phúc	H. Kim Thành	20° 57' 16"	106° 29' 29"					F-48-81-B-b
chùa Quang Khánh	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kim Thành	20° 56' 41"	106° 29' 05"					F-48-81-B-b
Cầu Sái	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kim Thành	20° 55' 51"	106° 29' 19"					F-48-81-B-b
Quốc lộ 17B	KX	xã Ngũ Phúc	H. Kim Thành			21° 02' 36"	106° 35' 34"	20° 52' 58"	106° 32' 40"	F-48-82-A-a
sông An Thành	TV	xã Ngũ Phúc	H. Kim Thành			20° 56' 58"	106° 28' 45"	20° 56' 20"	106° 31' 50"	F-48-81-B-b
Sông Rạng	TV	xã Ngũ Phúc	H. Kim Thành			20° 59' 50"	106° 24' 31"	20° 52' 25"	106° 28' 20"	F-48-81-B-b
sông Vân Dương	TV	xã Ngũ Phúc	H. Kim Thành			20° 55' 59"	106° 28' 56"	20° 55' 11"	106° 32' 21"	F-48-81-B-b; F-48-82-A-a
thôn Dưỡng Thái Bắc	DC	xã Phúc Thành	H. Kim Thành	20° 58' 28"	106° 30' 16"					F-48-82-A-a
thôn Dưỡng Thái Nam	DC	xã Phúc Thành	H. Kim Thành	20° 58' 09"	106° 29' 54"					F-48-81-B-b
thôn Dưỡng Thái Trung	DC	xã Phúc Thành	H. Kim Thành	20° 58' 13"	106° 30' 06"					F-48-82-A-a
chùa Dưỡng Thái	KX	xã Phúc Thành	H. Kim Thành	20° 58' 25"	106° 29' 59"					F-48-81-B-b
cụm công nghiệp Quỳnh Phúc	KX	xã Phúc Thành	H. Kim Thành	20° 58' 29"	106° 29' 30"					F-48-81-B-b
đình Dưỡng Thái	KX	xã Phúc Thành	H. Kim Thành	20° 58' 18"	106° 30' 14"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đền Quýt	KX	xã Phúc Thành	H. Kim Thành	20° 58' 33"	106° 30' 05"					F-48-82-A-a
Nhà máy Xi măng Hải Dương	KX	xã Phúc Thành	H. Kim Thành	20° 58' 35"	106° 29' 35"					F-48-81-B-b
Quốc lộ 5	KX	xã Phúc Thành	H. Kim Thành			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-81-B-b; F-48-82-A-a
Quốc lộ 17B	KX	xã Phúc Thành	H. Kim Thành			21° 02' 36"	106° 35' 34"	20° 52' 58"	106° 32' 40"	F-48-82-A-a
sông An Thành	TV	xã Phúc Thành	H. Kim Thành			20° 56' 58"	106° 28' 45"	20° 56' 20"	106° 31' 50"	F-48-81-B-b; F-48-82-A-a
sông Kinh Môn	TV	xã Phúc Thành	H. Kim Thành			21° 01' 18"	106° 24' 32"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-81-B-b; F-48-82-A-a
thôn Đồng Kênh	DC	xã Tam Kỳ	H. Kim Thành	20° 52' 42"	106° 32' 29"					F-48-82-A-a
thôn Kỳ Côi	DC	xã Tam Kỳ	H. Kim Thành	20° 53' 23"	106° 32' 08"					F-48-82-A-a
thôn Nại Đông	DC	xã Tam Kỳ	H. Kim Thành	20° 52' 57"	106° 31' 55"					F-48-82-A-a
thôn Nghĩa Xuyên	DC	xã Tam Kỳ	H. Kim Thành	20° 52' 53"	106° 32' 11"					F-48-82-A-a
xóm Mạnh Hà 1	DC	xã Tam Kỳ	H. Kim Thành	20° 54' 05"	106° 31' 53"					F-48-82-A-a
xóm Mạnh Hà 2	DC	xã Tam Kỳ	H. Kim Thành	20° 53' 56"	106° 32' 02"					F-48-82-A-a
xóm Như Ý	DC	xã Tam Kỳ	H. Kim Thành	20° 52' 23"	106° 32' 31"					F-48-82-A-c
xóm Quang Trung	DC	xã Tam Kỳ	H. Kim Thành	20° 52' 33"	106° 32' 07"					F-48-82-A-a
Đò Lái	KX	xã Tam Kỳ	H. Kim Thành	20° 52' 04"	106° 32' 03"					F-48-82-A-c
Quốc lộ 17B	KX	xã Tam Kỳ	H. Kim Thành			21° 02' 36"	106° 35' 34"	20° 52' 58"	106° 32' 40"	F-48-82-A-a
sông An Kim Hải	TV	xã Tam Kỳ	H. Kim Thành			20° 55' 11"	106° 32' 21"	20° 52' 40"	106° 33' 00"	F-48-82-A-a
sông Lạch Tray	TV	xã Tam Kỳ	H. Kim Thành			20° 51' 20"	106° 29' 02"	20° 52' 11"	106° 32' 42"	F-48-81-B-d; F-48-82-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bộ Hổ	DC	xã Thượng Vũ	H. Kim Thành	20° 59' 20"	106° 26' 33"					F-48-81-B-b
thôn Thắng Yên	DC	xã Thượng Vũ	H. Kim Thành	20° 59' 35"	106° 26' 16"					F-48-81-B-b
thôn Thượng Đỗ	DC	xã Thượng Vũ	H. Kim Thành	20° 59' 32"	106° 25' 33"					F-48-81-B-b
thôn Vũ Xá	DC	xã Thượng Vũ	H. Kim Thành	20° 59' 42"	106° 25' 15"					F-48-81-B-b
Đường tỉnh 389	KX	xã Thượng Vũ	H. Kim Thành			20° 58' 48"	106° 24' 43"	20° 58' 52"	106° 32' 08"	F-48-81-B-b
sông Kinh Môn	TV	xã Thượng Vũ	H. Kim Thành			21° 01' 18"	106° 24' 32"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-81-B-b
thôn An Bình	DC	xã Tuấn Hưng	H. Kim Thành	20° 58' 46"	106° 26' 50"					F-48-81-B-b
thôn Bùng Dựa	DC	xã Tuấn Hưng	H. Kim Thành	20° 58' 38"	106° 27' 01"					F-48-81-B-b
thôn Phạm Xá 1	DC	xã Tuấn Hưng	H. Kim Thành	20° 58' 03"	106° 27' 00"					F-48-81-B-b
thôn Phạm Xá 2	DC	xã Tuấn Hưng	H. Kim Thành	20° 58' 05"	106° 27' 17"					F-48-81-B-b
thôn Tân Hưng	DC	xã Tuấn Hưng	H. Kim Thành	20° 58' 14"	106° 27' 03"					F-48-81-B-b
thôn Vang Phan	DC	xã Tuấn Hưng	H. Kim Thành	20° 58' 20"	106° 27' 25"					F-48-81-B-b
thôn Xuân Mang	DC	xã Tuấn Hưng	H. Kim Thành	20° 58' 16"	106° 26' 37"					F-48-81-B-b
Xóm Dựa	DC	xã Tuấn Hưng	H. Kim Thành	20° 58' 54"	106° 27' 11"					F-48-81-B-b
xóm Phan Dưới	DC	xã Tuấn Hưng	H. Kim Thành	20° 58' 44"	106° 27' 36"					F-48-81-B-b
xóm Phan Trên	DC	xã Tuấn Hưng	H. Kim Thành	20° 58' 34"	106° 27' 26"					F-48-81-B-b
xóm Thành Công	DC	xã Tuấn Hưng	H. Kim Thành	20° 57' 22"	106° 26' 54"					F-48-81-B-b
ga Phạm Xá	KX	xã Tuấn Hưng	H. Kim Thành	20° 58' 11"	106° 27' 01"					F-48-81-B-b
Quốc lộ 5	KX	xã Tuấn Hưng	H. Kim Thành			20° 55' 27"	106° 09' 02"	20° 56' 42"	106° 32' 29"	F-48-81-B-b
sông Kinh Môn	TV	xã Tuấn Hưng	H. Kim Thành			21° 01' 18"	106° 24' 32"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-81-B-b
Sông Rạng	TV	xã Tuấn Hưng	H. Kim Thành			20° 59' 50"	106° 24' 31"	20° 52' 25"	106° 28' 20"	F-48-81-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bồ Nông	DC	xã Việt Hưng	H. Kim Thành	21° 00' 03"	106° 27' 57"					F-48-69-D-d
thôn Cam Đông	DC	xã Việt Hưng	H. Kim Thành	20° 59' 14"	106° 27' 42"					F-48-81-B-b
thôn Cam Thượng	DC	xã Việt Hưng	H. Kim Thành	20° 59' 06"	106° 27' 25"					F-48-81-B-b
thôn Phương Khê	DC	xã Việt Hưng	H. Kim Thành	20° 58' 58"	106° 28' 06"					F-48-81-B-b
Đò Quýt	KX	xã Việt Hưng	H. Kim Thành	20° 59' 49"	106° 27' 16"					F-48-81-B-b
sông Kinh Môn	TV	xã Việt Hưng	H. Kim Thành			21° 01' 18"	106° 24' 32"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-81-B-b
khu dân cư An Trung	DC	TT. Kinh Môn	H. Kinh Môn	20° 59' 16"	106° 33' 19"					F-48-82-A-a
khu dân cư Cộng Hòa	DC	TT. Kinh Môn	H. Kinh Môn	20° 59' 15"	106° 33' 04"					F-48-82-A-a
khu dân cư Kinh Hạ	DC	TT. Kinh Môn	H. Kinh Môn	20° 59' 34"	106° 32' 58"					F-48-82-A-a
khu dân cư Lưu Hạ	DC	TT. Kinh Môn	H. Kinh Môn	20° 58' 40"	106° 33' 08"					F-48-82-A-a
khu dân cư Phúc Lâm	DC	TT. Kinh Môn	H. Kinh Môn	20° 59' 24"	106° 33' 08"					F-48-82-A-a
khu dân cư Phụ Sơn	DC	TT. Kinh Môn	H. Kinh Môn	21° 00' 00"	106° 32' 28"					F-48-70-C-c
khu dân cư Vinh Quang	DC	TT. Kinh Môn	H. Kinh Môn	20° 59' 11"	106° 33' 22"					F-48-82-A-a
Xóm Núi	DC	TT. Kinh Môn	H. Kinh Môn	20° 59' 45"	106° 32' 37"					F-48-82-A-a
cầu An Lưu 2	KX	TT. Kinh Môn	H. Kinh Môn	20° 59' 46"	106° 32' 37"					F-48-82-A-a
cầu Lưu Hạ	KX	TT. Kinh Môn	H. Kinh Môn	20° 59' 11"	106° 33' 08"					F-48-82-A-a
chùa Lưu Hạ	KX	TT. Kinh Môn	H. Kinh Môn	20° 58' 46"	106° 33' 06"					F-48-82-A-a
đò Kinh Hạ	KX	TT. Kinh Môn	H. Kinh Môn	20° 59' 50"	106° 33' 10"					F-48-82-A-a
Đường tỉnh 389	KX	TT. Kinh Môn	H. Kinh Môn			20° 58' 48"	106° 24' 43"	20° 58' 52"	106° 32' 08"	F-48-70-C-c; F-48-82-A-a
Quốc lộ 17B	KX	TT. Kinh Môn	H. Kinh Môn			21° 02' 36"	106° 35' 34"	20° 52' 58"	106° 32' 40"	F-48-82-A-a
Núi Tòa	SV	TT. Kinh Môn	H. Kinh Môn	20° 59' 26"	106° 32' 47"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Kinh Thầy	TV	TT. Kinh Môn	H. Kinh Môn			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-70-C-c; F-48-82-A-a
sông Nguyễn Lân	TV	TT. Kinh Môn	H. Kinh Môn			21° 03' 51"	106° 26' 31"	20° 59' 54"	106° 33' 07"	F-48-82-A-a
khu dân cư Bích Nhôi 1	DC	TT. Minh Tân	H. Kinh Môn	21° 02' 32"	106° 34' 50"					F-48-70-C-c
khu dân cư Bích Nhôi 2	DC	TT. Minh Tân	H. Kinh Môn	21° 02' 30"	106° 35' 03"					F-48-70-C-c
khu dân cư Bích Nhôi 3	DC	TT. Minh Tân	H. Kinh Môn	21° 02' 07"	106° 34' 23"					F-48-70-C-c
khu dân cư Hạ Chiểu 1	DC	TT. Minh Tân	H. Kinh Môn	21° 02' 33"	106° 34' 07"					F-48-70-C-c
khu dân cư Hạ Chiểu 2	DC	TT. Minh Tân	H. Kinh Môn	21° 03' 00"	106° 34' 26"					F-48-70-C-c
khu dân cư Hạ Chiểu 3	DC	TT. Minh Tân	H. Kinh Môn	21° 02' 55"	106° 34' 33"					F-48-70-C-c
khu dân cư Tử Lạc 1	DC	TT. Minh Tân	H. Kinh Môn	21° 02' 21"	106° 35' 34"					F-48-70-C-c
khu dân cư Tử Lạc 2	DC	TT. Minh Tân	H. Kinh Môn	21° 02' 10"	106° 35' 45"					F-48-70-C-c
cảng Hoàng Thạch	KX	TT. Minh Tân	H. Kinh Môn	21° 02' 39"	106° 35' 23"					F-48-70-C-c
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch	KX	TT. Minh Tân	H. Kinh Môn	21° 02' 23"	106° 35' 17"					F-48-70-C-c
động Hàm Long, Tâm Long, Dốc Tít	SV	TT. Minh Tân	H. Kinh Môn	21° 01' 56"	106° 35' 35"					F-48-70-C-c
Núi Giếng	SV	TT. Minh Tân	H. Kinh Môn	21° 02' 27"	106° 33' 45"					F-48-70-C-c
sông Đá Vách	TV	TT. Minh Tân	H. Kinh Môn			21° 03' 29"	106° 29' 55"	21° 01' 18"	106° 36' 35"	F-48-70-C-c
sông Hàn Mấu	TV	TT. Minh Tân	H. Kinh Môn			21° 00' 16"	106° 33' 16"	21° 01' 16"	106° 36' 32"	F-48-70-C-c
khu dân cư Số 1	DC	TT. Phú Thứ	H. Kinh Môn	21° 01' 57"	106° 33' 43"					F-48-70-C-c
khu dân cư Số 2	DC	TT. Phú Thứ	H. Kinh Môn	21° 01' 37"	106° 33' 27"					F-48-70-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu dân cư Số 3	DC	TT. Phú Thứ	H. Kinh Môn	21° 00' 57"	106° 34' 26"					F-48-70-C-c
khu dân cư Số 4	DC	TT. Phú Thứ	H. Kinh Môn	21° 01' 46"	106° 33' 10"					F-48-70-C-c
khu dân cư Số 5	DC	TT. Phú Thứ	H. Kinh Môn	21° 00' 57"	106° 32' 52"					F-48-70-C-c
khu dân cư Số 6	DC	TT. Phú Thứ	H. Kinh Môn	21° 01' 09"	106° 32' 35"					F-48-70-C-c
khu dân cư Số 7	DC	TT. Phú Thứ	H. Kinh Môn	21° 01' 19"	106° 33' 18"					F-48-70-C-c
khu dân cư Số 8	DC	TT. Phú Thứ	H. Kinh Môn	21° 02' 06"	106° 34' 08"					F-48-70-C-c
Công ty cổ phần Khai thác chế biến khoáng sản Hải Dương	KX	TT. Phú Thứ	H. Kinh Môn	21° 01' 32"	106° 33' 36"					F-48-70-C-c
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Duyên Hải	KX	TT. Phú Thứ	H. Kinh Môn	21° 01' 08"	106° 33' 00"					F-48-70-C-c
Công ty trách nhiệm hữu hạn Xi măng Cường Thịnh	KX	TT. Phú Thứ	H. Kinh Môn	21° 01' 24"	106° 34' 02"					F-48-70-C-c
Công ty Xi măng Phúc Sơn	KX	TT. Phú Thứ	H. Kinh Môn	21° 00' 38"	106° 33' 16"					F-48-70-C-c
Quốc lộ 17B	KX	TT. Phú Thứ	H. Kinh Môn			21° 02' 36"	106° 35' 34"	20° 52' 58"	106° 32' 40"	F-48-70-C-c
Núi Công	SV	TT. Phú Thứ	H. Kinh Môn	21° 01' 45"	106° 32' 44"					F-48-70-C-c
Núi Đức Sơn	SV	TT. Phú Thứ	H. Kinh Môn	21° 01' 28"	106° 33' 12"					F-48-70-C-c
Núi Giếng	SV	TT. Phú Thứ	H. Kinh Môn	21° 02' 27"	106° 33' 45"					F-48-70-C-c
Núi Thần	SV	TT. Phú Thứ	H. Kinh Môn	21° 01' 52"	106° 33' 31"					F-48-70-C-c
sông Hàn Mấu	TV	TT. Phú Thứ	H. Kinh Môn			21° 00' 16"	106° 33' 16"	21° 01' 16"	106° 36' 32"	F-48-70-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Kinh Thầy	TV	TT. Phú Thứ	H. Kinh Môn			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-70-C-c
thôn An Lăng	DC	xã An Phụ	H. Kinh Môn	20° 58' 56"	106° 31' 39"					F-48-82-A-a
thôn Cổ Tân	DC	xã An Phụ	H. Kinh Môn	20° 59' 20"	106° 31' 05"					F-48-82-A-a
thôn Đông Hà	DC	xã An Phụ	H. Kinh Môn	20° 59' 13"	106° 31' 41"					F-48-82-A-a
thôn Huề Trì	DC	xã An Phụ	H. Kinh Môn	20° 59' 33"	106° 30' 33"					F-48-82-A-a
thôn Phương Luật	DC	xã An Phụ	H. Kinh Môn	20° 58' 59"	106° 31' 03"					F-48-82-A-a
chùa Huề Trì	KX	xã An Phụ	H. Kinh Môn	20° 59' 47"	106° 30' 36"					F-48-82-A-a
đình Đông Hà	KX	xã An Phụ	H. Kinh Môn	20° 59' 17"	106° 31' 47"					F-48-82-A-a
Đèo Nẻo	KX	xã An Phụ	H. Kinh Môn	21° 00' 05"	106° 30' 50"					F-48-70-C-c
Đường tỉnh 389B	KX	xã An Phụ	H. Kinh Môn			21° 02' 03"	106° 25' 46"	20° 59' 15"	106° 32' 55"	F-48-82-A-a
núi Khe Kép	SV	xã An Phụ	H. Kinh Môn	20° 59' 57"	106° 31' 12"					F-48-82-A-a
sông Kinh Môn	TV	xã An Phụ	H. Kinh Môn			21° 01' 18"	106° 24' 32"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-82-A-a; F-48-70-C-c
thôn Kim Xuyên Hạ	DC	xã An Sinh	H. Kinh Môn	21° 01' 08"	106° 30' 24"					F-48-70-C-c
thôn Kim Xuyên Thượng	DC	xã An Sinh	H. Kinh Môn	21° 00' 54"	106° 30' 06"					F-48-69-D-d; F-48-70-C-c
thôn Nghĩa Vũ	DC	xã An Sinh	H. Kinh Môn	21° 00' 24"	106° 30' 51"					F-48-70-C-c
thôn Văn Ổ	DC	xã An Sinh	H. Kinh Môn	21° 00' 29"	106° 30' 19"					F-48-70-C-c
cầu Kim Xuyên Hạ	KX	xã An Sinh	H. Kinh Môn	21° 00' 54"	106° 30' 17"					F-48-70-C-c
cầu Kim Xuyên Thượng	KX	xã An Sinh	H. Kinh Môn	21° 01' 03"	106° 30' 13"					F-48-70-C-c
cầu Nghĩa Vũ	KX	xã An Sinh	H. Kinh Môn	21° 00' 31"	106° 30' 56"					F-48-70-C-c
Đèo Nẻo	KX	xã An Sinh	H. Kinh Môn	21° 00' 05"	106° 30' 50"					F-48-70-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đền Cao (An Phụ)	KX	xã An Sinh	H. Kinh Môn	21° 00' 54"	106° 29' 24"					F-48-69-D-d
Đường tỉnh 389	KX	xã An Sinh	H. Kinh Môn			20° 58' 48"	106° 24' 43"	20° 58' 52"	106° 32' 08"	F-48-70-C-c
núi Khe Kép	SV	xã An Sinh	H. Kinh Môn	20° 59' 57"	106° 31' 12"					F-48-82-A-a
núi Yên Phụ	SV	xã An Sinh	H. Kinh Môn	21° 00' 54"	106° 29' 22"					F-48-69-D-d
sông Nguyễn Lân	TV	xã An Sinh	H. Kinh Môn			21° 03' 51"	106° 26' 31"	20° 59' 54"	106° 33' 07"	F-48-70-C-c
thôn Đại Uyên	DC	xã Bạch Đằng	H. Kinh Môn	21° 03' 01"	106° 27' 51"					F-48-69-D-d
thôn Kim Lôi	DC	xã Bạch Đằng	H. Kinh Môn	21° 02' 30"	106° 28' 39"					F-48-69-D-d
thôn Trạm Lộ	DC	xã Bạch Đằng	H. Kinh Môn	21° 03' 42"	106° 27' 31"					F-48-69-D-d
Xóm 12, 13	DC	xã Bạch Đằng	H. Kinh Môn	21° 02' 01"	106° 28' 03"					F-48-69-D-d
đò Trạm Lộ	KX	xã Bạch Đằng	H. Kinh Môn	21° 04' 00"	106° 27' 37"					F-48-69-D-d
Đường tỉnh 389	KX	xã Bạch Đằng	H. Kinh Môn			20° 58' 48"	106° 24' 43"	20° 58' 52"	106° 32' 08"	F-48-69-D-d
núi An Phụ	SV	xã Bạch Đằng	H. Kinh Môn	21° 01' 52"	106° 28' 01"					F-48-69-D-d
núi Bà Cả	SV	xã Bạch Đằng	H. Kinh Môn	21° 02' 59"	106° 27' 54"					F-48-69-D-d
núi Bu Lu	SV	xã Bạch Đằng	H. Kinh Môn	21° 03' 14"	106° 27' 17"					F-48-69-D-d
Núi Chùa	SV	xã Bạch Đằng	H. Kinh Môn	21° 02' 56"	106° 27' 41"					F-48-69-D-d
Núi Du	SV	xã Bạch Đằng	H. Kinh Môn	21° 03' 04"	106° 27' 44"					F-48-69-D-d
núi Phượng Sơn	SV	xã Bạch Đằng	H. Kinh Môn	21° 04' 13"	106° 27' 30"					F-48-69-D-d
sông Kinh Thầy	TV	xã Bạch Đằng	H. Kinh Môn			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-69-D-d
sông Nguyễn Lân	TV	xã Bạch Đằng	H. Kinh Môn			21° 03' 51"	106° 26' 31"	20° 59' 54"	106° 33' 07"	F-48-82-A-a
Làng Xanh	DC	xã Duy Tân	H. Kinh Môn	21° 01' 59"	106° 31' 48"					F-48-70-C-c
thôn Châu Xá	DC	xã Duy Tân	H. Kinh Môn	21° 01' 47"	106° 31' 57"					F-48-70-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Duyên Linh	DC	xã Duy Tân	H. Kinh Môn	21° 02' 23"	106° 31' 41"					F-48-70-C-c
thôn Kim Bào	DC	xã Duy Tân	H. Kinh Môn	21° 02' 17"	106° 32' 32"					F-48-70-C-c
thôn Nhẫm Dương	DC	xã Duy Tân	H. Kinh Môn	21° 02' 33"	106° 31' 53"					F-48-70-C-c
thôn Trại Xanh	DC	xã Duy Tân	H. Kinh Môn	21° 02' 08"	106° 31' 23"					F-48-70-C-c
xóm Trại Cách	DC	xã Duy Tân	H. Kinh Môn	21° 02' 34"	106° 31' 26"					F-48-70-C-c
chùa Nhẫm Dương	KX	xã Duy Tân	H. Kinh Môn	21° 02' 22"	106° 32' 09"					F-48-70-C-c
Nhà máy Xi măng Duyên Linh	KX	xã Duy Tân	H. Kinh Môn	21° 01' 41"	106° 31' 34"					F-48-70-C-c
Nhà máy Xi măng Phú Tân	KX	xã Duy Tân	H. Kinh Môn	21° 01' 28"	106° 32' 01"					F-48-70-C-c
Nhà máy Xi măng Thành Công II	KX	xã Duy Tân	H. Kinh Môn	21° 01' 36"	106° 31' 41"					F-48-70-C-c
Nhà máy Xi măng Trung Hải	KX	xã Duy Tân	H. Kinh Môn	21° 01' 44"	106° 31' 37"					F-48-70-C-c
Trại giam Hoàng Tiến	KX	xã Duy Tân	H. Kinh Môn	21° 01' 49"	106° 31' 30"					F-48-70-C-c
Núi Chùa	SV	xã Duy Tân	H. Kinh Môn	21° 01' 59"	106° 32' 02"					F-48-70-C-c
Núi Công	SV	xã Duy Tân	H. Kinh Môn	21° 01' 45"	106° 32' 44"					F-48-70-C-c
Núi Ngang	SV	xã Duy Tân	H. Kinh Môn	21° 02' 32"	106° 32' 31"					F-48-70-C-c
sông Đá Vách	TV	xã Duy Tân	H. Kinh Môn			21° 03' 29"	106° 29' 55"	21° 01' 18"	106° 36' 35"	F-48-70-C-c
sông Kinh Thầy	TV	xã Duy Tân	H. Kinh Môn			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-70-C-c
thôn An Thủy	DC	xã Hiến Thành	H. Kinh Môn	20° 56' 29"	106° 33' 35"					F-48-82-A-a
thôn Đông Nam	DC	xã Hiến Thành	H. Kinh Môn	20° 57' 53"	106° 33' 21"					F-48-82-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Huyền Tụng	DC	xã Hiến Thành	H. Kinh Môn	20° 57' 39"	106° 33' 31"					F-48-82-A-a
thôn Mỹ Động	DC	xã Hiến Thành	H. Kinh Môn	20° 57' 22"	106° 32' 59"					F-48-82-A-a
thôn Nam Hà	DC	xã Hiến Thành	H. Kinh Môn	20° 57' 46"	106° 33' 12"					F-48-82-A-a
thôn Phạm Xá	DC	xã Hiến Thành	H. Kinh Môn	20° 57' 44"	106° 32' 48"					F-48-82-A-a
chùa An Thủy	KX	xã Hiến Thành	H. Kinh Môn	20° 56' 25"	106° 33' 29"					F-48-82-A-a
chùa Bằng Hà	KX	xã Hiến Thành	H. Kinh Môn	20° 58' 06"	106° 32' 58"					F-48-82-A-a
đò Mỹ Động	KX	xã Hiến Thành	H. Kinh Môn	20° 57' 08"	106° 32' 43"					F-48-82-A-a
đò Nống 1	KX	xã Hiến Thành	H. Kinh Môn	20° 55' 58"	106° 33' 29"					F-48-82-A-a
đò Nống 2	KX	xã Hiến Thành	H. Kinh Môn	20° 56' 09"	106° 33' 13"					F-48-82-A-a
sông Kinh Môn	TV	xã Hiến Thành	H. Kinh Môn			21° 01' 18"	106° 24' 32"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-82-A-a
thôn Lưu Thượng 1	DC	xã Hiệp An	H. Kinh Môn	20° 58' 54"	106° 32' 25"					F-48-82-A-a
thôn Lưu Thượng 2	DC	xã Hiệp An	H. Kinh Môn	20° 59' 03"	106° 32' 46"					F-48-82-A-a
thôn Tây Sơn	DC	xã Hiệp An	H. Kinh Môn	20° 59' 24"	106° 32' 30"					F-48-82-A-a
thôn Trại Mới	DC	xã Hiệp An	H. Kinh Môn	21° 00' 10"	106° 32' 50"					F-48-82-A-a
Đường tỉnh 389	KX	xã Hiệp An	H. Kinh Môn			20° 58' 48"	106° 24' 43"	20° 58' 52"	106° 32' 08"	F-48-82-A-a
Đường tỉnh 389B	KX	xã Hiệp An	H. Kinh Môn			21° 02' 03"	106° 25' 46"	20° 59' 15"	106° 32' 55"	F-48-82-A-a
Quốc lộ 17B	KX	xã Hiệp An	H. Kinh Môn			21° 02' 36"	106° 35' 34"	20° 52' 58"	106° 32' 40"	F-48-82-A-a
Núi Ỏn	SV	xã Hiệp An	H. Kinh Môn	20° 59' 27"	106° 32' 26"					F-48-82-A-a
Núi Tòa	SV	xã Hiệp An	H. Kinh Môn	20° 59' 26"	106° 32' 47"					F-48-82-A-a
sông Nguyễn Lân	TV	xã Hiệp An	H. Kinh Môn			21° 03' 51"	106° 26' 31"	20° 59' 54"	106° 33' 07"	F-48-82-A-a
thôn An Bộ	DC	xã Hiệp Hòa	H. Kinh Môn	21° 01' 23"	106° 27' 53"					F-48-69-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Châu Bộ	DC	xã Hiệp Hòa	H. Kinh Môn	21° 01' 42"	106° 27' 14"					F-48-69-D-d
thôn Đích Sơn	DC	xã Hiệp Hòa	H. Kinh Môn	21° 00' 27"	106° 28' 28"					F-48-69-D-d
xóm Bãi Cát	DC	xã Hiệp Hòa	H. Kinh Môn	21° 01' 03"	106° 28' 42"					F-48-69-D-d
Xóm Mánh	DC	xã Hiệp Hòa	H. Kinh Môn	21° 00' 33"	106° 29' 03"					F-48-69-D-d
Xóm Núi	DC	xã Hiệp Hòa	H. Kinh Môn	21° 00' 43"	106° 28' 48"					F-48-69-D-d
chùa Bảo Minh	KX	xã Hiệp Hòa	H. Kinh Môn	21° 00' 35"	106° 29' 21"					F-48-69-D-d
đình Châu Bộ	KX	xã Hiệp Hòa	H. Kinh Môn	21° 01' 40"	106° 27' 14"					F-48-69-D-d
Đèo Châu	KX	xã Hiệp Hòa	H. Kinh Môn	21° 01' 31"	106° 28' 34"					F-48-69-D-d
Đường tỉnh 389B	KX	xã Hiệp Hòa	H. Kinh Môn			21° 02' 03"	106° 25' 46"	20° 59' 15"	106° 32' 55"	F-48-82-A-a
núi An Phụ	SV	xã Hiệp Hòa	H. Kinh Môn	21° 01' 52"	106° 28' 01"					F-48-69-D-d
núi Yên Phụ	SV	xã Hiệp Hòa	H. Kinh Môn	21° 00' 54"	106° 29' 22"					F-48-69-D-d
Núi Vũ	SV	xã Hiệp Hòa	H. Kinh Môn	21° 02' 07"	106° 27' 12"					F-48-69-D-d
Sông Than	TV	xã Hiệp Hòa	H. Kinh Môn			21° 00' 47"	106° 24' 32"	21° 00' 21"	106° 27' 58"	F-48-69-D-d
thôn An Cường	DC	xã Hiệp Sơn	H. Kinh Môn	21° 00' 26"	106° 31' 59"					F-48-70-C-c
thôn Hiệp Hạ	DC	xã Hiệp Sơn	H. Kinh Môn	20° 59' 49"	106° 32' 13"					F-48-82-A-a
thôn Hiệp Thạch	DC	xã Hiệp Sơn	H. Kinh Môn	21° 00' 08"	106° 32' 02"					F-48-70-C-c
thôn Hiệp Thượng	DC	xã Hiệp Sơn	H. Kinh Môn	21° 00' 34"	106° 31' 32"					F-48-70-C-c
xóm Hạnh Phúc	DC	xã Hiệp Sơn	H. Kinh Môn	21° 00' 46"	106° 31' 43"					F-48-70-C-c
xóm Quyết Tiến	DC	xã Hiệp Sơn	H. Kinh Môn	21° 00' 37"	106° 32' 02"					F-48-70-C-c
Đường tỉnh 389	KX	xã Hiệp Sơn	H. Kinh Môn			20° 58' 48"	106° 24' 43"	20° 58' 52"	106° 32' 08"	F-48-70-C-c
Quốc lộ 17B	KX	xã Hiệp Sơn	H. Kinh Môn			21° 02' 36"	106° 35' 34"	20° 52' 58"	106° 32' 40"	F-48-70-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khe Kép	SV	xã Hiệp Sơn	H. Kinh Môn	20° 59' 57"	106° 31' 12"					F-48-82-A-a
sông Kinh Thầy	TV	xã Hiệp Sơn	H. Kinh Môn			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-70-C-c
sông Nguyễn Lân	TV	xã Hiệp Sơn	H. Kinh Môn			21° 03' 51"	106° 26' 31"	20° 59' 54"	106° 33' 07"	F-48-70-C-c; F-48-82-A-a
thôn Cậy Sơn 1	DC	xã Hoành Sơn	H. Kinh Môn	21° 03' 06"	106° 30' 32"					F-48-70-C-c
thôn Cậy Sơn 2	DC	xã Hoành Sơn	H. Kinh Môn	21° 03' 12"	106° 30' 11"					F-48-70-C-c
thôn Nghĩa Lộ	DC	xã Hoành Sơn	H. Kinh Môn	21° 03' 17"	106° 30' 02"					F-48-70-C-c
đền Thiên Kỳ	KX	xã Hoành Sơn	H. Kinh Môn	21° 03' 23"	106° 30' 18"					F-48-70-C-c
núi Hoành Sơn	SV	xã Hoành Sơn	H. Kinh Môn	21° 03' 18"	106° 30' 28"					F-48-70-C-c
sông Đá Vách	TV	xã Hoành Sơn	H. Kinh Môn			21° 03' 29"	106° 29' 55"	21° 01' 18"	106° 36' 35"	F-48-69-D-d; F-48-70-C-c
sông Kinh Thầy	TV	xã Hoành Sơn	H. Kinh Môn			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-69-D-d; F-48-70-C-c
thôn Kim Đậu	DC	xã Lạc Long	H. Kinh Môn	21° 00' 32"	106° 26' 59"					F-48-69-D-d
thôn Ngô Đồng	DC	xã Lạc Long	H. Kinh Môn	21° 00' 45"	106° 26' 48"					F-48-69-D-d
thôn Phương Quất	DC	xã Lạc Long	H. Kinh Môn	21° 00' 04"	106° 27' 20"					F-48-69-D-d
thôn Trần Xá	DC	xã Lạc Long	H. Kinh Môn	21° 00' 08"	106° 26' 38"					F-48-69-D-d
thôn Vũ Thành	DC	xã Lạc Long	H. Kinh Môn	21° 00' 22"	106° 27' 10"					F-48-69-D-d
thôn Xuân Cầu	DC	xã Lạc Long	H. Kinh Môn	21° 00' 18"	106° 27' 29"					F-48-69-D-d
Chùa Đọ	KX	xã Lạc Long	H. Kinh Môn	21° 00' 34"	106° 26' 48"					F-48-69-D-d
đình Phương Quất	KX	xã Lạc Long	H. Kinh Môn	21° 00' 02"	106° 27' 09"					F-48-69-D-d
Đò Quýt	KX	xã Lạc Long	H. Kinh Môn	20° 59' 49"	106° 27' 16"					F-48-81-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Kinh Môn	TV	xã Lạc Long	H. Kinh Môn			21° 01' 18"	106° 24' 32"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-81-B-b
Sông Than	TV	xã Lạc Long	H. Kinh Môn			21° 00' 47"	106° 24' 32"	21° 00' 21"	106° 27' 58"	F-48-69-D-d
thôn Lê Xá	DC	xã Lê Ninh	H. Kinh Môn	21° 02' 46"	106° 26' 31"					F-48-69-D-d
thôn Ninh Xá	DC	xã Lê Ninh	H. Kinh Môn	21° 03' 13"	106° 26' 22"					F-48-69-D-d
thôn Nội Hợp	DC	xã Lê Ninh	H. Kinh Môn	21° 02' 48"	106° 25' 50"					F-48-69-D-d
thôn Tiên Xá	DC	xã Lê Ninh	H. Kinh Môn	21° 02' 30"	106° 25' 24"					F-48-69-D-d
thôn Vĩnh Lâm	DC	xã Lê Ninh	H. Kinh Môn	21° 02' 31"	106° 27' 34"					F-48-69-D-d
đình Lê Xá	KX	xã Lê Ninh	H. Kinh Môn	21° 02' 45"	106° 26' 34"					F-48-69-D-d
đình Ninh Xá	KX	xã Lê Ninh	H. Kinh Môn	21° 03' 15"	106° 26' 15"					F-48-69-D-d
đình Nội Hợp	KX	xã Lê Ninh	H. Kinh Môn	21° 02' 51"	106° 25' 50"					F-48-69-D-d
đình Tiên Xá	KX	xã Lê Ninh	H. Kinh Môn	21° 02' 34"	106° 25' 23"					F-48-69-D-d
đò Ninh Xá - An Bài	KX	xã Lê Ninh	H. Kinh Môn	21° 03' 47"	106° 25' 40"					F-48-69-D-d
Đường tỉnh 389	KX	xã Lê Ninh	H. Kinh Môn			20° 58' 48"	106° 24' 43"	20° 58' 52"	106° 32' 08"	F-48-69-D-d
nghè Lê Xá	KX	xã Lê Ninh	H. Kinh Môn	21° 02' 46"	106° 26' 20"					F-48-69-D-d
núi Bu Lu	SV	xã Lê Ninh	H. Kinh Môn	21° 03' 14"	106° 27' 17"					F-48-69-D-d
Núi Ngọc	SV	xã Lê Ninh	H. Kinh Môn	21° 02' 38"	106° 25' 46"					F-48-69-D-d
Núi Sấu	SV	xã Lê Ninh	H. Kinh Môn	21° 02' 18"	106° 25' 31"					F-48-69-D-d
Núi Thông	SV	xã Lê Ninh	H. Kinh Môn	21° 02' 28"	106° 26' 16"					F-48-69-D-d
Núi Vũ	SV	xã Lê Ninh	H. Kinh Môn	21° 02' 07"	106° 27' 12"					F-48-69-D-d
sông Kinh Thầy	TV	xã Lê Ninh	H. Kinh Môn			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-69-D-d
sông Nguyễn Lân	TV	xã Lê Ninh	H. Kinh Môn			21° 03' 51"	106° 26' 31"	20° 59' 54"	106° 33' 07"	F-48-69-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Duẩn Khê	DC	xã Long Xuyên	H. Kinh Môn	20° 58' 23"	106° 32' 47"					F-48-82-A-a
thôn Ngư Uyên	DC	xã Long Xuyên	H. Kinh Môn	20° 58' 24"	106° 31' 55"					F-48-82-A-a
cầu An Thái	KX	xã Long Xuyên	H. Kinh Môn	20° 58' 09"	106° 31' 22"					F-48-82-A-a
chùa Ngũ Phúc	KX	xã Long Xuyên	H. Kinh Môn	20° 58' 14"	106° 32' 40"					F-48-82-A-a
đền Ngư Uyên	KX	xã Long Xuyên	H. Kinh Môn	20° 58' 09"	106° 31' 53"					F-48-82-A-a
Quốc lộ 17B	KX	xã Long Xuyên	H. Kinh Môn			21° 02' 36"	106° 35' 34"	20° 52' 58"	106° 32' 40"	F-48-82-A-a
sông Kinh Môn	TV	xã Long Xuyên	H. Kinh Môn			21° 01' 18"	106° 24' 32"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-82-A-a
Thôn Ngoại	DC	xã Minh Hòa	H. Kinh Môn	20° 57' 21"	106° 34' 38"					F-48-82-A-a
Thôn Nội	DC	xã Minh Hòa	H. Kinh Môn	20° 57' 48"	106° 34' 31"					F-48-82-A-a
thôn Tư Đa	DC	xã Minh Hòa	H. Kinh Môn	20° 57' 36"	106° 33' 59"					F-48-82-A-a
chùa Hương Lai	KX	xã Minh Hòa	H. Kinh Môn	20° 57' 48"	106° 34' 20"					F-48-82-A-a
sông Kinh Môn	TV	xã Minh Hòa	H. Kinh Môn			21° 01' 18"	106° 24' 32"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-82-A-a
sông Kinh Thầy	TV	xã Minh Hòa	H. Kinh Môn			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-82-A-a
thôn Dương Nham	DC	xã Phạm Mệnh	H. Kinh Môn	21° 01' 39"	106° 30' 18"					F-48-70-C-c
thôn Lĩnh Đông	DC	xã Phạm Mệnh	H. Kinh Môn	21° 01' 24"	106° 31' 16"					F-48-70-C-c
Xóm Mười	DC	xã Phạm Mệnh	H. Kinh Môn	21° 01' 12"	106° 30' 55"					F-48-70-C-c
xóm Trại Mới	DC	xã Phạm Mệnh	H. Kinh Môn	21° 01' 21"	106° 31' 15"					F-48-70-C-c
cầu Lĩnh Đông	KX	xã Phạm Mệnh	H. Kinh Môn	21° 01' 22"	106° 30' 46"					F-48-70-C-c
Đường tỉnh 389	KX	xã Phạm Mệnh	H. Kinh Môn			20° 58' 48"	106° 24' 43"	20° 58' 52"	106° 32' 08"	F-48-69-D-d; F-48-70-C-c
động Kính Chủ	SV	xã Phạm Mệnh	H. Kinh Môn	21° 02' 00"	106° 30' 20"					F-48-70-C-c
núi Lĩnh Đông	SV	xã Phạm Mệnh	H. Kinh Môn	21° 01' 45"	106° 30' 47"					F-48-70-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Núi Lọc	SV	xã Phạm Mệnh	H. Kinh Môn	21° 01' 36"	106° 30' 53"					F-48-70-C-c
núi Kính Chủ	SV	xã Phạm Mệnh	H. Kinh Môn	21° 01' 59"	106° 30' 23"					F-48-69-D-d
sông Kinh Thầy	TV	xã Phạm Mệnh	H. Kinh Môn			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-70-C-c
sông Nguyễn Lân	TV	xã Phạm Mệnh	H. Kinh Môn			21° 03' 51"	106° 26' 31"	20° 59' 54"	106° 33' 07"	F-48-69-D-d; F-48-70-C-c
thôn Lâu Động	DC	xã Phúc Thành	H. Kinh Môn	21° 02' 15"	106° 25' 01"					F-48-69-D-d
thôn Miêu Nha	DC	xã Phúc Thành	H. Kinh Môn	21° 02' 02"	106° 26' 38"					F-48-69-D-d
thôn Thái Mông	DC	xã Phúc Thành	H. Kinh Môn	21° 02' 08"	106° 25' 49"					F-48-69-D-d
đình Lâu Động	KX	xã Phúc Thành	H. Kinh Môn	21° 02' 13"	106° 24' 59"					F-48-69-D-d
đình Miêu Nha	KX	xã Phúc Thành	H. Kinh Môn	21° 01' 58"	106° 26' 33"					F-48-69-D-d
Đèo Ngà	KX	xã Phúc Thành	H. Kinh Môn	21° 02' 11"	106° 26' 27"					F-48-69-D-d
Đường tỉnh 389	KX	xã Phúc Thành	H. Kinh Môn			20° 58' 48"	106° 24' 43"	20° 58' 52"	106° 32' 08"	F-48-69-D-d
Đường tỉnh 389B	KX	xã Phúc Thành	H. Kinh Môn			21° 02' 03"	106° 25' 46"	20° 59' 15"	106° 32' 55"	F-48-69-D-d
Núi Ngọc	SV	xã Phúc Thành	H. Kinh Môn	21° 02' 38"	106° 25' 46"					F-48-69-D-d
Núi Sấu	SV	xã Phúc Thành	H. Kinh Môn	21° 02' 18"	106° 25' 31"					F-48-69-D-d
Núi Thông	SV	xã Phúc Thành	H. Kinh Môn	21° 02' 28"	106° 26' 16"					F-48-69-D-d
sông Kinh Thầy	TV	xã Phúc Thành	H. Kinh Môn			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-69-D-d
thôn Đồng Quan	DC	xã Quang Trung	H. Kinh Môn	21° 01' 31"	106° 25' 53"					F-48-69-D-d
thôn Tống Thượng	DC	xã Quang Trung	H. Kinh Môn	21° 01' 09"	106° 26' 06"					F-48-69-D-d
thôn Xạ Sơn	DC	xã Quang Trung	H. Kinh Môn	21° 01' 37"	106° 25' 03"					F-48-69-D-d
đình Đồng Quan Nội	KX	xã Quang Trung	H. Kinh Môn	21° 01' 30"	106° 25' 50"					F-48-69-D-d
đình Tống Thượng	KX	xã Quang Trung	H. Kinh Môn	21° 01' 11"	106° 25' 57"					F-48-69-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đình Xạ Sơn	KX	xã Quang Trung	H. Kinh Môn	21° 01' 35"	106° 25' 02"					F-48-69-D-d
Đường tỉnh 389	KX	xã Quang Trung	H. Kinh Môn			20° 58' 48"	106° 24' 43"	20° 58' 52"	106° 32' 08"	F-48-69-D-d
sông Kinh Môn	TV	xã Quang Trung	H. Kinh Môn			21° 01' 18"	106° 24' 32"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-69-D-d
sông Kinh Thầy	TV	xã Quang Trung	H. Kinh Môn			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-69-D-d
sông Nguyễn Lân	TV	xã Quang Trung	H. Kinh Môn			21° 03' 51"	106° 26' 31"	20° 59' 54"	106° 33' 07"	F-48-69-D-d
Sông Than	TV	xã Quang Trung	H. Kinh Môn			21° 00' 47"	106° 24' 32"	21° 00' 21"	106° 27' 58"	F-48-69-D-d
thôn Đồng Hèo	DC	xã Tân Dân	H. Kinh Môn	21° 02' 18"	106° 32' 54"					F-48-70-C-c
thôn Kim Trà	DC	xã Tân Dân	H. Kinh Môn	21° 02' 41"	106° 32' 51"					F-48-70-C-c
thôn Thượng Chiểu	DC	xã Tân Dân	H. Kinh Môn	21° 03' 01"	106° 33' 27"					F-48-70-C-c
thôn Thượng Trà	DC	xã Tân Dân	H. Kinh Môn	21° 02' 56"	106° 32' 14"					F-48-70-C-c
Chùa Mộ	KX	xã Tân Dân	H. Kinh Môn	21° 02' 42"	106° 33' 40"					F-48-70-C-c
Núi Giếng	SV	xã Tân Dân	H. Kinh Môn	21° 02' 27"	106° 33' 45"					F-48-70-C-c
Núi Ngang	SV	xã Tân Dân	H. Kinh Môn	21° 02' 32"	106° 32' 31"					F-48-70-C-c
sông Đá Vách	TV	xã Tân Dân	H. Kinh Môn			21° 03' 29"	106° 29' 55"	21° 01' 18"	106° 36' 35"	F-48-70-C-c
thôn Quảng Trí	DC	xã Thái Sơn	H. Kinh Môn	21° 02' 25"	106° 29' 20"					F-48-69-D-d
thôn Trí Giả	DC	xã Thái Sơn	H. Kinh Môn	21° 01' 51"	106° 28' 59"					F-48-69-D-d
thôn Vũ An	DC	xã Thái Sơn	H. Kinh Môn	21° 01' 30"	106° 29' 31"					F-48-69-D-d
Đèo Châu	KX	xã Thái Sơn	H. Kinh Môn	21° 01' 31"	106° 28' 34"					F-48-69-D-d
Đường tỉnh 389	KX	xã Thái Sơn	H. Kinh Môn			20° 58' 48"	106° 24' 43"	20° 58' 52"	106° 32' 08"	F-48-69-D-d
núi Yên Phụ	SV	xã Thái Sơn	H. Kinh Môn	21° 00' 54"	106° 29' 22"					F-48-69-D-d
sông Kinh Thầy	TV	xã Thái Sơn	H. Kinh Môn			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-69-D-d
sông Nguyễn Lân	TV	xã Thái Sơn	H. Kinh Môn			21° 03' 51"	106° 26' 31"	20° 59' 54"	106° 33' 07"	F-48-69-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nhất Sơn	DC	xã Thái Thịnh	H. Kinh Môn	20° 58' 43"	106° 33' 52"					F-48-82-A-a
thôn Sơn Khê	DC	xã Thái Thịnh	H. Kinh Môn	20° 58' 29"	106° 33' 57"					F-48-82-A-a
thôn Tống Buồng	DC	xã Thái Thịnh	H. Kinh Môn	20° 58' 09"	106° 34' 03"					F-48-82-A-a
thôn Tống Xá	DC	xã Thái Thịnh	H. Kinh Môn	20° 58' 20"	106° 33' 22"					F-48-82-A-a
chùa Nhất Sơn	KX	xã Thái Thịnh	H. Kinh Môn	20° 58' 49"	106° 33' 46"					F-48-82-A-a
Núi Một	SV	xã Thái Thịnh	H. Kinh Môn	20° 58' 26"	106° 34' 48"					F-48-82-A-a
sông Kinh Thầy	TV	xã Thái Thịnh	H. Kinh Môn			21° 03' 34"	106° 18' 36"	20° 56' 52"	106° 35' 23"	F-48-82-A-a
thôn Bến Thôn	DC	xã Thăng Long	H. Kinh Môn	21° 00' 42"	106° 24' 46"					F-48-69-D-d
thôn Hà Tràng	DC	xã Thăng Long	H. Kinh Môn	21° 00' 06"	106° 26' 06"					F-48-69-D-d
thôn Lộ Xá	DC	xã Thăng Long	H. Kinh Môn	21° 00' 12"	106° 25' 30"					F-48-69-D-d
thôn Tống Long	DC	xã Thăng Long	H. Kinh Môn	21° 00' 33"	106° 26' 16"					F-48-69-D-d
thôn Trung Hòa	DC	xã Thăng Long	H. Kinh Môn	21° 00' 39"	106° 25' 43"					F-48-69-D-d
Đường tỉnh 389	KX	xã Thăng Long	H. Kinh Môn			20° 58' 48"	106° 24' 43"	20° 58' 52"	106° 32' 08"	F-48-69-D-d
sông Kinh Môn	TV	xã Thăng Long	H. Kinh Môn			21° 01' 18"	106° 24' 32"	20° 56' 52"	106° 35' 22"	F-48-69-D-d; F-48-81-B-b
Sông Than	TV	xã Thăng Long	H. Kinh Môn			21° 00' 47"	106° 24' 32"	21° 00' 21"	106° 27' 58"	F-48-69-D-d

(Xem tiếp Công báo số 687 + 688)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng